

PHÁP NGŨ TRONG KINH KIM CANG



NS Giới Hương

---o0o---

Nguồn

www.thuvienhoasen.org

Chuyển sang ebook 09-08-2017

Người thực hiện :

Nguyễn Ngọc Thảo - thao.ksd.hng@gmail.com

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

Mục Lục

LỜI GIỚI THIỆU

LỜI ĐẦU

CHƯƠNG 1 - XUẤT XỨ KINH KIM CANG

I. KINH ĐẠI BÁT NHÃ BA LA MẬT

II. XUẤT XỨ KINH KIM CANG

III. Ý NGHĨA TÊN KINH KIM CANG

IV. NHÂN DUYÊN CỦA TÔN GIẢ TU BỒ ĐỀ VÀ KINH KIM CANG

V. NHÂN DUYÊN CỦA LỤC TỔ HUỆ NẲNG VÀ KINH KIM CANG

CHƯƠNG 2 - PHÁP NGŨ TRONG KINH KIM CANG

A. ĐỊNH NGHĨA

B. PHÁP NGŨ TRONG KINH KIM CANG

I. AN TRỤ TÂM & HÀNG PHỤC TÂM

II. KHÔNG TRỤ NƠI NÀO MÀ SANH TÂM

III. HỀ CÓ TƯỚNG ĐỀU LÀ HƯ-VỌNG

IV. NẾU THẤY CÁC TƯỚNG KHÔNG PHẢI TƯỚNG TỨC LÀ THẤY ĐƯỢC NHƯ LẠI

V. DÙNG SẮC ĐỂ THẤY NHƯ LẠI LÀ TÀ ĐẠO

VI. TÂM QUÁ KHỨ, HIỆN TẠI & TƯƠNG LẠI LÀ BẤT KHẢ ĐẮC

VII. PHÁP CÒN NÊN BỎ HUỐNG CHI PHI PHÁP - CHIẾC BÈ QUA SÔNG

VIII. CÔNG ĐỨC THỌ TRÌ BỐN CÂU KỆ KINH KIM CANG NHIỀU HƠN BỐ THÍ CỦA BÁU KHẮP TAM THIÊN ĐẠI THIÊN THẾ GIỚI

IX. CÔNG ĐỨC THỌ TRÌ BỐN CÂU KỆ KINH KIM CANG NHIỀU HƠN BỐ THÍ THÂN MẠNG NHƯ SỐ CÁT SÔNG HÀNG

X. NẾU NÓI NHƯ LAI THUYẾT PHÁP LÀ PHỈ BẢNG NHƯ LAI

XI. TRANG NGHIÊM CÔI PHẬT TỨC KHÔNG PHẢI TRANG NGHIÊM MỚI GỌI LÀ TRANG NGHIÊM

XII. NHẪN NHỤC KHÔNG PHẢI NHẪN NHỤC MỚI GỌI LÀ NHẪN NHỤC

XIII. BÁT NHÃ BA LA MẬT KHÔNG PHẢI BÁT NHÃ BA LA MẬT MỚI GỌI LÀ BÁT NHÃ BA LA MẬT

XIV. VI TRẦN KHÔNG PHẢI VI TRẦN MỚI GỌI LÀ VI TRẦN

XV. HỢP TƯỚNG CHẴNG PHẢI HỢP TƯỚNG MỚI GỌI LÀ HỢP TƯỚNG

XVI. BA MƯƠI HAI TƯỚNG KHÔNG PHẢI LÀ BA MƯƠI HAI TƯỚNG MỚI GỌI LÀ BA MƯƠI HAI TƯỚNG

CHƯƠNG 3 - CÔNG ĐỨC TIN PHÁP NGŨ KINH KIM CANG

I. THẮNG DUYÊN CỦA TÔN GIẢ TU BỒ ĐỀ & KINH KIM CANG

II. TRÌ KINH KIM CANG LÀ HI HỮU BẠC NHẤT

III. TIN KINH KIM CANG LÀ KÍNH THỜ VÔ SỐ PHẬT

IV. KINH KIM CANG LÀ MẸ CỦA CHƯ PHẬT

V. NHỜ CÔNG ĐỨC TRÌ KINH MÀ NGHIỆP CHƯỚNG NHỆ TIÊU

VI. AI NGHE KINH KIM CANG MÀ KHÔNG KINH KHÔNG SỢ LÀ RẤT HIẾM CÓ

VII. TÔN TRỌNG KINH ĐIỀN

VIII. CÚNG DƯỜNG 84 NGÀN VỊ PHẬT KHÔNG BẰNG CÔNG ĐỨC TRÌ KINH KIM CANG

CHƯƠNG 4 - KẾT LUẬN

THAM KHẢO

TỦ SÁCH BẢO ANH LẠC

ĐĨA CA NHẠC PHẬT GIÁO CHÙA HƯƠNG SEN

---o0o---

LỜI GIỚI THIỆU

Những ai đã trì tụng Kinh Kim Cang nhiều lần rồi thì sẽ cảm nhận được thế nào là Bát Nhã, thế nào là Tánh Không, thế nào là Vô Nhơn Tướng, Vô Ngã Tướng, Vô Chúng Sanh Tướng, Vô Thọ Giả Tướng v.v... rồi những bài kệ như:

“Nhược dĩ sắc kiến ngã, dĩ âm thanh cầu ngã, thị nhơn hành tà đạo, bất năng kiến Như Lai”.

Nghĩa là: Kẻ nào dùng hình tướng để thấy ta, dùng âm thanh để cầu ta, người này làm việc quấy, chẳng thể thấy Như Lai. Lại có đoạn giải thích về Như Lai rằng: “Như Lai giả, vô sở tòng lai, diệt vô khứ gọi là Như Lai...”

Trong Kinh Tạp A Hàm có câu chuyện về Ngã và Ngã sở mà Ngài A Nan đã trình lên Đức Phật như sau: Ngài A Nan thưa rằng: Bạch Đức Thế Tôn, Con vẫn

nghe Ngài nói đến Ngã và Ngã sở; nhưng con chưa hiểu rõ ráo được những điều này, kính mong Đức Thế Tôn giải bày cho con và Đại Chúng nghe.

Đức Thế Tôn bảo rằng: Ông hãy lắng nghe đây: nếu Ông lấy hai bàn tay vỗ vào nhau thì chắc chắn một âm thanh sẽ được tạo nên. Vậy thì âm thanh ấy từ đâu mà có và sau khi âm thanh ấy không còn nữa thì âm thanh đó đi về đâu?

Bạch Thế Tôn, âm thanh ấy không từ đâu đến và cũng không đi về đâu cả. Do duyên hợp nên phát ra âm thanh và duyên không còn nữa thì âm thanh lại tan biến.

Đức Phật bảo rằng: Cũng như vậy, ngã là những gì không thực tướng, nó cũng giống như tiếng vỗ của hai bàn tay; nhưng vì chúng sanh mê mờ, vô minh vọng tưởng, nên cho đó là thật, chứ kỳ thật, ngã chẳng là gì cả. Còn ngã sở tức là những gì thuộc về mình, ví như đồng củi kia, tuy có thấy hình tướng đó, nhưng sau khi đốt củi đi rồi thì chỉ còn là đồng than. Nó không có thật. Lâu nay, chúng sanh cho rằng cái này của ta, cái này thuộc về ta; nhưng chẳng cái gì là của ta cả.

Từ Kinh căn bản Nam Truyền và trải qua mấy trăm năm sau, Kinh được thăng hoa lên tinh thần Trung Quán hay Bát Nhã của Đại Thừa (Bắc truyền), chúng ta thấy không có gì sai khác mấy, qua hai dẫn chứng đã nêu trên. Do vậy văn phong trong Kinh Kim Cang bảo rằng: vô ngã tướng, vô nhơn tướng, vô chúng sanh tướng và vô thọ giả tướng, không phải là những ẩn dụ khó hiểu, mà là tướng thật của vạn pháp là như vậy; nhưng chúng sanh không chịu hiểu và thực hành mà thôi.

Kinh Kim Cang Bát Nhã có 32 đoạn tất cả, nay Ni Sư Giới Hương dựa vào bản dịch Việt của Hòa Thượng Trí Tịnh và chú giải ra từng đoạn một và được trích dẫn qua các kinh sách khác cũng như có luận cứ rõ ràng, khiến cho chúng ta khi đọc đến tác phẩm “*Pháp Ngữ trong Kinh Kim Cang*” này, chúng ta dễ lãnh hội hơn, nhất là có những câu chuyện về Đức Sơn, Long Đàm hay Vua Ca Lợi và Tiên Nhơn v.v.. Những điểm chính Ni Sư đã giải bày cặn kẽ; nhưng vấn đề ở đây là người đọc hay kẻ hành trì phải chứng thực như pháp đã là, nó tùy thuộc vào trí tuệ và công năng hành trì của mỗi người vậy. Kim Cang Bát Nhã nặng phần Pháp Hành chứ không phải ở Pháp Học hoặc lý giải viển vông mà câu chuyện của Ngài Thần Tú và Ngài Huệ Năng là một bằng chứng hùng hồn nhất.

Ngày xưa Cụ Nguyễn Du, tác giả cuốn Kim Vân Kiều, đã hơn 300 lần trì tụng Kinh này mới tạo nên tác phẩm giá trị nghìn đời ấy cho văn học Việt Nam (ngã độc Kim Cang tam bách biến); còn ngày nay chúng ta người xuất gia cũng như tại gia đã hành trì Kim Cang được bao nhiêu lần rồi. Đó là nhiệm vụ của mỗi hành giả chúng ta vậy. Tôi được cái duyên trong mười năm như vậy (2003 đến 2012), mỗi năm hai đến ba tháng ở yên nơi núi đồi Đa Bảo tại Sydney, Úc Châu,

hằng ngày dịch kinh, viết sách và đêm về đã trì tụng bộ kinh giá trị này, chắc cũng không dưới 500 lần và mỗi lần gần hai tiếng đồng hồ. Từ đó, tôi cảm nhận được một cái Không to tướng và nhìn Đồi hay vạn vật chung quanh núi rừng Đa Bảo hay bất cứ nơi đâu cũng đã nương vào thần lực của Kim Cang mà thẩm định được mọi việc trên đời này.

Việt Nam Phật Giáo chúng ta đang cần Pháp Hành như Phật Giáo Tây Tạng đang thọ trì. Thế nhưng không có Pháp Học thì Pháp Hành cũng khó hiển bày được chơn tâm. Trừ phi những vị ấy là Bồ Tát hóa thân như Ngài Huệ Năng ở Trung Quốc. Ngày nay Phật Giáo Việt Nam tại quốc nội cũng như ở hải ngoại, chúng tôi mong mỗi chư Tăng Ni và Phật Tử đều nên cố gắng hành trì miên mật những giá trị thực tiễn của Kinh Điển Nam Truyền, Bắc Truyền hay Kim Cang Thừa đều quý báu cả. Vì khoa học tiến bộ bao nhiêu thì càng làm rõ lại lời Phật dạy bấy nhiêu và những gì chúng ta hành trì được, lại càng làm tăng giá trị nội tại của mỗi người sẽ thực chứng được vạn pháp. Khi Pháp đã hiểu, thì chúng ta sẽ hiểu được Phật và khi đã hiểu được Phật rồi, thì chúng ta sẽ hiểu được Pháp. Pháp ấy như các vị A La Hán khi chứng thực, thường hay nói rằng: *“Ta việc sanh đã hết, những Phạm Hạnh đã lập. Việc gì cần làm, ta đã làm xong và ta biết chắc một điều là ta không còn tái sanh nữa”*. Ai chứng được Pháp ấy, chính là những vị sẽ được giải thoát sanh tử bì lao ngay trong hiện kiếp này.

Nay Ni Sư Giới Hương đã gọt xắt rồi đem ra nấu nướng, chiên xào mọi cách Kinh này qua lăng kính Nam Tông cũng như Bắc Tông, cũng chỉ nhằm mục đích đón chào, mời mọc tất cả mọi người hãy ngồi vào bàn tiệc của Tánh Không, nhằm gắp lên những món ăn tinh thần Vô Tướng, để chúng ta hội nhập vào Niết Bàn Vô Ngã và để từ đó Chân Tâm Phật Tánh của chúng ta sẽ tự hiển bày như ánh thái dương bắt đầu tỏ rạng nơi phương Đông màu nhiệm ấy.

Kính chúc quý độc giả Phật Tử nên trân quý Kinh này bằng cách hành trì, đọc tụng cũng như nghiên cứu tỉ mỉ những lời giải thích trong những Pháp Ngữ mà Cô Giới Hương đã trình bày trong bản kinh này, thì đó là một điều lợi lạc không cùng vậy.

Viết xong lời giới thiệu này vào ngày 4 tháng 2 năm 2016
tại thư phòng chùa Viên Giác Hannover, Đức Quốc.

Thích Như Điển

Phương Trượng chùa Viên Giác Hannover.

---o0o---

LỜI ĐẦU

Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật là một bộ kinh đại thừa Phật giáo. Cách đây hơn 30 năm, khi còn là chú đệ tử Sadini trong chùa, tôi thường ngồi vắt vẻo dựa vào nhánh khế của chùa để học thuộc lòng bản kinh Kim Cang. Kinh bằng âm Hán Việt nên tôi không hiểu gì mà ngay cả có bằng Việt ngữ cũng không hiểu gì cả so với bộ não mới bé con vào chùa của tôi. Sư phụ không bắt học thuộc lòng, chỉ kêu tụng khi chùa có dịp khai kinh Kim Cang, nhưng không hiểu sao trong lòng cứ có cái gì đó thôi thúc học thuộc lòng: chắc để mai sau mình lớn lên sẽ lợi ích? hay học thuộc lòng trước để nếu sau này sư phụ có tổ chức cuộc thi trả bài lấy điểm (như đã học thuộc lòng *Quan Âm Quảng Trần* để trả bài) thì mình đã thuộc rồi? hay học để lấy lý do cho phép tôi vào mỗi chiều gió mát, được ngồi dựa gốc khế, lượm những quả khế chín vàng rụng xung quanh và được thưởng thức những dòng nước khế ngọt lịm chảy tận vào lòng?

Ba mươi năm sau trí khôn lớn dần và câu hỏi đã được trả lời. Tôi học thuộc lòng kinh Kim Cang vì những lý do trên đó và ngay cả cho một lý do bây giờ (mà trước đó không bao giờ biết đến) là để năm 2014 được mạo muội ra mắt cuốn sách *Pháp Ngữ trong Kinh Kim Cang*. Chúng con đánh lễ tri ân cố Tôn sư Hải Triều Âm, người đã trao truyền ý chỉ của kinh Kim Cang cho chúng con, như những hạt lúa tròn chắc để có thể trôi nổi ở các nơi theo duyên sanh mà nảy mầm thức tỉnh giải thoát. Chúng con xin nhiệt tình san sẻ những lời dạy của Cố Tôn sư mà chúng con đã học được để trình bày trong cuốn sách này. Trí Tuệ Kim Cang vô tướng, không lời, mà chúng con mạo muội dùng ngôn ngữ trần gian để giải thích, nên sẽ có nhiều sai sót vấp phải. Kính mong quý đọc giả và giác giả cao minh thương xót chỉ dạy. Chúng con sẽ điều chỉnh để lần tái bản sau được hoàn chỉnh hơn trong Phật sự tận lòng: “*Phục Vụ Chúng Sinh là Cúng Dường Chư Phật*”.

Xin kính chúc quý đọc giả luôn an lạc trong chánh pháp của Đức Thế Tôn.

Nam Mô Kim Cang Bát Nhã Hội Thượng Phật Bồ Tát Ma Ha Tát tác đại chứng minh.

Chùa Hương Sen, ngày 20/ 01/ 2014

Chúng con thành tâm kính lễ

Thích Nữ Giới Hương

---o0o---

CHƯƠNG 1 - XUẤT XỨ KINH KIM CANG

I. KINH ĐẠI BÁT NHÃ BA LA MẬT

Kinh Đại Bát Nhã gồm có 600 quyển, được Đức Phật giảng trong 19 hội. Theo như Tổ Thiên Thai nói thì bộ Đại Bát Nhã này được giảng trong 22 năm, sau thời kinh Hoa Nghiêm (21 ngày) và sau thời A-hàm (12 năm) như bài thơ sau đây:

Hoa Nghiêm hai mươi một ngày
A-hàm mười hai, Phương Đăng tám năm
Hai mươi hai năm bàn về Bát Nhã
Pháp Hoa, Niết bàn thêm tám năm.
*(Hoa Nghiêm tối sơ tam thất nhật,
A Hàm thập nhị phương đăng bát,
Nhị thập nhị niên Bát Nhã đàm
Pháp hoa, Niết bàn cộng bát niên).*

Như vậy, Như Lai trụ thế 80 năm, thuyết pháp 49 năm, chia ra năm thời pháp:

Thời thứ nhất: Kinh Hoa Nghiêm tối thượng thừa

Thời thứ hai: Kinh A Hàm

Thời thứ ba: Kinh Phương Đăng

Thời thứ tư: Kinh Bát Nhã

Thời thứ năm: Kinh Pháp Hoa cùng Niết Bàn.

---o0o---

II. XUẤT XỨ KINH KIM CANG

Kinh Kim-Cang Bát-Nhã Ba-La-Mật-Đa thuộc quyển thứ 577 của bộ Đại Bát Nhã Ba-la-mật 600 quyển và thuộc hội thứ 9 trong 16 hội. Địa điểm giảng Kinh Kim Cang ở tại khu vườn của trưởng giả Cấp Cô Độc (*Anathapindika*), phía nam kinh thành Xá-Vệ (*Sravasti*), Trung Ấn Độ. Lúc ấy ở Trung Quốc, nhằm triều đại nhà Châu, Vua Mục Vương năm thứ 9.

16 Hội & 4 Địa điểm giảng Đại Bát Nhã¹

STT	ĐỊA DANH GIẢNG BÁT NHÃ	HỘI/ ĐẠO TRÀNG
-----	------------------------	----------------

1	Linh Sơn, thành Vương-Xá	6
2	Vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ Thọ, nước Xá Vệ (Kinh Kim Cang giảng trong giai đoạn này)	3
3	Cung điện Ma Ni Bửu Tàng, cung trời Tha Hóa Tự Tại	1
	Vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ Thọ, nước Xá Vệ	4
	Linh Sơn, thành Vương-Xá	1
4	Bên ao Bạch Lộ, Trúc Lâm, thành Vương Xá	1

Kinh Kim-Cang Bát-Nhã Ba-La-Mật Đa (*VajraPrajna-Paramita sutra*) do Ngài Cưu-Ma-La-Thập (*Kumarajiva*) dịch từ Phạn ra Hoa. Hòa Thượng Thích Trí Tịnh dịch từ Hoa ra Việt ngữ. Kinh Kim Cang và Bát Nhã Tâm Kinh là tóm gọn những thâm ý áo nghĩa của toàn bộ Đại Bát Nhã 600 quyển.

---o0o---

III. Ý NGHĨA TÊN KINH KIM CANG

Tựa đề Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật được chia làm bốn phần như sau:

- 1) Kim Cang (*Vajra*),
- 2) Bát Nhã (*Prajna*),
- 3) Ba La Mật (*Paramita*), và
- 4) Kinh (*Sutra*)

1) **Kim Cang (Kim Cương)**: là một loại khoáng chất từ tinh hoa của đất đá. Theo Địa lý học², nguồn gốc của kim cương là chất lỏng nóng từ núi lửa chảy ra, gặp khí hậu lạnh kết lại thành đá và trải qua một thời gian rất lâu từ 1 đến 3.3 triệu năm, mới kết tinh lại thành chất kim cương trong sáng óng ánh như pha lê. Dr. Friedrich Mohs nói rằng quá trình hình thành rất lâu năm nên kim cương có độ cứng chắc là 10 trong khi các loại đá khác thì độ cứng chắc chỉ từ 1 đến 9³. Do đẹp như pha lê, bền chắc hoàn hảo và rất khó kết thành nên kim cương rất quý giá và hiếm có trên thế gian. Vì những tánh chất ưu tú này, Đức Phật đã mượn để đặt tên kinh là Kinh Kim Cương.



Kim Cương chắc cứng bền vững là ý nói dù trải qua trăm kiếp nghìn đời, lưu chuyển trong sáu cõi của trời, người, a tu la, súc sinh, ngạ quỷ và địa ngục nhưng tánh giác, tánh hay biết của chúng ta vẫn không tan hoại hay biến mất. Kim cương trong sáng như pha lê là biểu tượng tánh Phật sáng suốt thanh tịnh của chúng ta sẽ chiếu phá các màn lưới vô minh, tham ái, giận hờn, ích kỷ của thất tình, lục dục, từ vô thủy kiếp đến nay. Kim cương quý giá như vua của các loại đá là ý nói tâm của chúng ta quý giá hơn bất cứ những của cải vật chất, nhà cửa, danh lợi trên thế gian này.

2) **Bát-nhã** là trí tuệ

3) **Ba-la-mật** là phiên âm tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là đạo bí ngàn, nghĩa là đến bờ kia. Chúng ta đang lặn hụp trong biển khổ phiền não, kinh Kim Cang này có khả năng giúp chúng ta vượt qua tam tai, bát nạn⁴ và các khổ của sáu loài để đến bờ giải thoát an lạc.

4) **Kinh** là lời Phật dạy hợp với chân lý (khế lý) và hợp với căn cơ thính chúng (khế cơ) trong tất cả mọi không gian và thời gian.

Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba la mật này công đức vô biên không thể nghĩ bàn bởi vì kinh này nói đến pháp lớn, công đức lớn, tức tánh Kim Cang Bát Nhã. Kinh Kim Cang nói về bản tánh ở khắp mười phương pháp giới, không có ngăn mé gọi là vô lượng vô biên. Nói về không gian, tánh Kim Cang là vô cùng, vô tận. Nói về thời gian, tánh Kim Cang không sanh không diệt, không có quá khứ, hiện tại, vị lai. Bởi tánh Kim Cang Bát Nhã có chức năng vượt không gian và thời gian như vậy, cho nên nếu sống với nó, chúng ta cũng được công đức vô cùng, vô tận suốt không gian, khắp thời gian ba thời. Do đó, ai trở về với tánh Kim Cang này thì công đức cũng không thể nghĩ bàn. Bởi vì tánh này rộng lớn như vậy, cho nên Như Lai nói những người nào tin và sống được với tánh này là những người thích tu pháp lớn, công đức lớn, là những người phát tâm lớn, phát tâm Đại thừa.

Chúng ta còn là chúng sanh nhưng nếu chúng ta hiểu được, tin được, cầu sống với tánh Kim Cang Chân Không Bát Nhã thì gọi là phát tâm đại thừa, tối thượng thừa. Tiểu thừa là cỗ xe nhỏ, chở mình ra khỏi lửa sanh già bệnh chết. Đại thừa là cỗ xe lớn, chở được nhiều người. Chúng ta có lòng chẳng những muốn cho mình mà những người khác cũng hưởng được sự giải thoát an vui như mình. Chúng ta có tâm rộng, mong cho mọi người hưởng được những quả báu tốt đẹp như mình, tức là chúng ta phát tâm thực hành hạnh đại thừa. Phát tâm tối thượng thừa là cỗ xe đi xa lắm, đi tới cùng tận cho đến thành Phật quả, tức là phát tâm cầu thành Phật, khiến cho trí tuệ khai mở đến rốt ráo. Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật này là pháp tối thượng thừa viên đôn (vượt cả tiểu thừa và đại thừa), là kim chỉ nam của nhà thiền triết để mạnh mẽ phá các chấp thủ về tướng, giúp chúng ta trực thẳng chân tâm, thấy tánh thành Phật.

---o0o---

IV. NHÂN DUYÊN CỦA TÔN GIẢ TU BỒ ĐỀ VÀ KINH KIM CANG

Bấy giờ, Trưởng-Lão Tu-Bồ-Đề, ở trong đại-chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trạch áo bên vai hữu, gối bên hữu quỳ sát đất, cung kính chấp tay, bạch cùng đức Phật rằng:

“Hi-hữu thay, Đức Thế-Tôn! Đức Như-Lai khéo hay hộ niệm các vị Bồ-tát và khéo hay phó-chức cho các vị Bồ-tát!

Bạch đức Thế-Tôn! Trang thiện-nam, người thiện-nữ, phát tâm Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác, thời phải trụ tâm như thế nào, nên hàng-phục tâm mình như thế nào?”

5) Lục Chung Thành Tựu

Mỗi kinh Phật thường có cách sắp xếp theo sáu pháp thành tựu (lục chung thành tựu) để chứng tỏ kinh này là do Đức Phật giảng và có người nghe (tôn giả A Nan) làm chứng ghi lại, chứ không phải ngẫu tạo hay tôn giả A-nan nói ra. Sáu pháp trong Kinh Kim Cang đó là:

- ❖ Văn thành tựu: “Ta nghe” là chứng tỏ có tôn giả A Nan là người nghe và thuật lại.
- ❖ Tín thành tựu: “như vậy” là chỉ pháp thoại Kim Cang mà Ngài A Nan nghe Phật thuyết.
- ❖ Thời thành tựu: “Một thuở nọ” là thời gian nói kinh Kim Cang.
- ❖ Chủ thành tựu: “Đức Phật” là pháp sư thuyết pháp.
- ❖ Xứ thành tựu: “Vườn Kỳ-Thọ, Cấp-Cô-Độc tại nước Xá-Vệ” là địa điểm thuyết Kim Cang.
- ❖ Chúng thành tựu: “cùng với chúng đại Tỳ-kheo, một nghìn hai trăm năm mươi người câu-hội” là thính chúng nghe pháp.

Như vậy, trong đoạn chánh văn này, Tôn giả Tu Bồ Đề là người đương cơ (*duyên khởi thành tựu*) đã đánh lễ thỉnh Phật (*chủ thành tựu*) trả lời những nghi vấn của ngài và tứ chúng (*chúng thành tựu*) về cách làm thế nào an trụ và hàng phục tâm. Vì lòng từ bi thương tưởng, Đức Phật đã trả lời và nhờ thắng duyên này mà Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật được thành lập. Cũng giống các kinh khác đa phần đều do các đại đệ tử thưa thỉnh, Đức Phật trả lời và do nhân duyên đó mà các kinh được thành lập. Ví dụ như Bồ tát Phổ

Đũng làm đương cơ thưa thỉnh trong kinh Chánh Pháp (*Arya Sanghatasutra Dharma Paryaya*). Tôn giả A-nan là đương cơ trong kinh Đại Phật Đỉnh Thủ Lăng Nghiêm. Tôn giả Xá Lợi Phất là đương cơ trong Ma-ha Bát Nhã Tâm kinh và A Di Đà. Bồ tát Vô Tận ý làm đương cơ trong kinh Phổ Môn. Tôn giả Mục Kiền Liên là đương cơ trong Kinh Phụ Mẫu Báo Ân. Pháp Vương Tử Mạn Thù Thất Lợi là đương cơ trong kinh Dược Sư và tôn giả Tu Bồ Đề là đương cơ cho Đức Phật giảng kinh Kim Cang.

6) Cuộc đời của Tôn Giả Tu Bồ Đề⁵

Trong thập đại đệ tử của Đức Phật, mỗi vị nổi bật một hạnh. Như tôn giả Xá Lợi Phất là vị trí tuệ đệ nhất. Tôn giả Mục Kiền Liên là thần thông đệ nhất. Tôn giả

A-nan là đa văn đệ nhất thì tôn giả Tu Bồ Đề được xem là vị chứng Tánh Không đệ nhất. Năng lực chứng Tánh Không của tôn giả Tu Bồ Đề rất mạnh bởi vì ngay từ khi còn trong thai mẹ, khi còn bé, trưởng thành và ngay cả khi gia nhập vào tăng đoàn, ngài đã chứng tỏ cho mọi người thấy sức từ trường quán chiếu và năng lực ứng dụng Tánh Không diệu dụng đó.

a) ***Khi sinh ra đã thấy Tánh Không***

Tôn giả Tu Bồ Đề sanh quán tại thành Vương Xá, nước Ma Kiệt Đà. Bác ruột của Tu Bồ Đề là trưởng giả Tu Đạt đã xây cúng dường tu viện Kỳ Viên cho Đức Phật và Tăng đoàn. Lúc mà Tu Bồ Đề vừa chào đời thì tất cả gấm vóc, lụa là, của cải trong nhà bỗng dung biến mất. Đây là điều cát tường cho thấy rằng tôn giả Tu Bồ Đề thấy tất cả tướng đều không và năng lực đó khiến cho mẹ chàng lúc lâm bồn và những người thân cận xung quanh cũng cảm nhận được hào quang vi diệu của Tánh Không ấy. Mặt khác, điều này cũng chứng tỏ rằng khi lớn lên ngài sẽ không đắm trước vào sự giàu có, danh lợi, ngũ dục của thế gian. Do điềm lành này mà ngài được đặt tên là Thiện Cát hay Không Sinh (sinh ra thấy tất cả đều không).

b) ***Khi còn bé đã thấy lý Duyên Sanh giữa mình và muôn vật chung quanh***

Lúc còn nhỏ, chú bé Thiện Cát đã thường bố thí cho những người bất hạnh hơn mình, ngay cả quần áo trên người cũng cởi ra bố thí, chỉ mặc một chiếc quần cụt về nhà. Bị cha mẹ rầy, bé Thiện Cát trả lời rằng: “Đối với con những gì trên thế gian này đều có mối quan hệ mật thiết vì tất cả đồng một bản thể. Người ta và con đâu có gì khác nhau, cho nên đem những gì của mình để cho người ta cũng đâu có gì là không đúng”.

Chú bé cũng thường trầm tư về tôn giáo và triết học nhân sinh ở Ấn Độ và thường nói với cha mẹ rằng: “Vạn tượng dày đặc trong vũ trụ này đều hiện rõ trong tâm con, nhưng trong tâm con lại dường như trống rỗng, không hề có vật gì cả. Nếu trên thế gian này không có một bậc thánh đại trí đại giác thì không ai đủ tư cách để cùng với con thảo luận về tâm cảnh của người giải thoát; không ai thấy rõ được thế giới nội tâm của con”.

c) ***Tu Bồ Đề xuất gia***

Khi Tu Bồ Đề trưởng thành, một lần nọ, đức Phật đến giáo hóa tại thôn xóm của chàng. Chàng nghe Đức Phật giảng rằng: “Mọi người chúng ta đều chung cùng một bản thể. Bản thể ấy không phân biệt nhân và ngã. Tất cả vạn vật đều do nhân duyên hòa hợp mà sinh ra. Không có một vật gì có thể tự nó tồn tại độc lập được. Chúng ta và vạn pháp đã nương nhau mà tồn tại thì việc đem lòng từ bi và những ân huệ để bố thí cho chúng sinh, mới xem ra thì có vẻ như là vì người, mà thật ra thì chính ta cũng có được ích lợi lớn lao”.

Cảm kích trước những lời cảm hóa đầy trí tuệ của Đức Phật, Tu Bồ Đề xin Phật xuất gia và trở thành một đệ tử kiệt xuất trong tăng đoàn, chúng trung tôn của ngài.

d) ***Hạnh khát thực nhà giàu***

Hạnh xuất gia là hạnh người khát sĩ, bần đạo xin ăn, để tạm nuôi thân và dành thời gian chính để tu tập giới định tuệ, không tham cầu món ngon vật lạ và hồi hướng phước báu tu tập cho thí chủ. Khi khát thực thì oai nghi đoan chánh tuân tự thứ lớp, không phân biệt giàu nghèo, nhưng tôn giả Tu Bồ Đề chỉ thích đi khát thực khu nhà giàu. Khi có những lời hiểu lầm dèm pha về việc thiên vị đó thì tôn giả giải thích rằng:

“Người nghèo khổ tự nuôi lấy gia đình họ đã khó khăn, vất vả rồi, làm sao có dư để cúng dường cho chúng ta! Dù họ có muốn tự ý phát tâm thì họ cũng chỉ có lòng mà sức thì không đủ. Chúng ta đã không có lương thực để giúp đỡ họ thì thôi, sao lại bắt họ phải chịu thêm gánh nặng hay sao? Trong khi đó, đối với những người giàu có, một bữa cơm cúng dường cho ta đâu có đáng kể gì. Bởi vậy mà tôi tâm nguyện rằng chỉ đến khát thực ở nhà giàu mà không đến người nghèo”.

Ngược lại hạnh của Tu Bồ Đề là tôn giả Đại Ca Diếp chỉ thích đi khát thực ở khu nhà nghèo mà không xin ăn nhà giàu. Ngài Đại Ca Diếp giải thích lý do chính đáng của mình rằng:

“Chúng ta xuất gia làm sa môn, giữ đạo và hành trì giáo pháp, đó là ruộng phước cho người đời. Chúng ta thọ nhận sự cúng dường của thí chủ là tạo cơ hội cho họ làm tăng trưởng phước huệ. Sở dĩ tôi chỉ đến khát thực ở những nhà nghèo là vì tôi muốn cho họ gieo trồng phước đức, nhờ đó mà họ sẽ thoát được cảnh nghèo khổ trong kiếp vị lai; còn người giàu vốn dĩ họ đã có nhiều phước báo, vậy hà tất chúng ta phải thêm họa cho gấm!”

Như vậy, cả hai ngài đều có lý do rất hợp tình, hợp lý. Khát thực khu nhà giàu hay nhà nghèo cũng đều vì lợi ích cho chúng sinh. Phật pháp có 84 ngàn pháp môn với nhiều cửa phương tiện, mỗi người có thể hành trì theo hạnh nguyện riêng của mình và chung qui cũng đều là giáo pháp của Phật. Riêng Đức Phật thì không thiên vị, phân biệt giàu nghèo. Với tình thương bao la rộng lớn cho tất cả, ngài bình đẳng khát thực để hóa độ cho những ai có duyên với ngài như dòng nước chảy không phân biệt nơi cây cối gập ghềnh uốn khúc hay đất bằng phẳng lặng êm ái.

e) ***Tu Bồ Đề chứng Giải Không đệ nhất khi nghe Đức Phật giảng về Kinh Kim Cang***

Tôn giả Tu Bồ Đề rất tinh tấn trong việc nghe pháp và tu tập. Bởi thế, trong 16 pháp hội Bát Nhã của đức Phật, ngài không bỏ sót một pháp hội nào. Ngài cũng là người nêu ra câu hỏi về: “Thế nào là cách an trụ tâm và hàng phục tâm?” Để trả lời câu hỏi này, Đức Phật mới giảng kinh Kim Cang Bát Nhã Ba la mật này (*sẽ nói rõ trong chương 2*). Sau khi nghe pháp âm của Đức Phật giảng về cách vô tướng bố thí, vô ngã độ sinh, Tu Bồ Đề vô cùng cảm kích đến rơi nước mắt, quì xuống và thưa rằng:

“Bạch Thế Tôn! Từ ngày con được làm người cho tới nay, đây là lần thứ nhất con được nghe giáo pháp cao sâu nhiệm mầu như vậy. Từ nay trở đi hai thứ chấp trước “ngã và pháp” đều không còn quán chặt được con nữa. Tất cả bốn tướng trạng là “ta, người, chúng sinh và thọ giả” cũng không thể trói buộc được con nữa. Phải xa lìa được mọi vọng tướng chấp trước mới có thể thấy được tính không. Phải trừ khử mọi ý niệm về danh, tướng mới có thể thấy được thực tại nhân sinh. Hôm nay con đã thể nhập được tâm ý của Phật, con đã thấy rõ được chính mình”. Sau lần khai ngộ này, tôn giả Tu Bồ Đề đã trở thành người đệ tử của đức Phật đứng đầu tăng đoàn về hiểu rõ Tánh Không.

f) Tánh Không là gì?

Một lần nọ, có một Bà la môn hỏi tôn giả Tu Bồ Đề: “Thưa đại đức! Tôi nghe nói đại đức là người đệ tử xuất chúng của đức Thế Tôn hiểu rõ nhất về tính không. Xin đại đức hoan hỷ giải thích một thắc mắc là vì sao tất cả vạn vật trên thế gian đang tồn tại rõ ràng trước mắt mà đại đức lại bảo chúng là không?”

Tu Bồ Đề liền chỉ ngay một ngôi nhà trước mặt và giải thích rằng xin ông hãy nhìn ngôi nhà kia! Nó là do bốn yếu tố của đất, nước, gió, lửa và các thứ nhân duyên khác hợp lại mà có. Nếu lấy riêng từng thứ vật liệu như gỗ, đất, gạch, ngói v.v... từ ngôi nhà ấy ra, thì chẳng những ngôi nhà đã không có mà ngay cả tên gọi “ngôi nhà” cũng không có. Vì ngôi nhà ấy do tất cả những thứ hợp lại mà có, cho nên chúng ta bảo ngôi nhà ấy là không. “Không” nghĩa là không phủ nhận không có căn nhà. Không chỉ có nghĩa là không có một bản ngã, một thực thể riêng biệt, độc lập. Và chính vì vậy, không là bản thể của tất cả sự vật trên thế gian... Tóc của ông từ màu đen chuyển đổi thành trắng bạc. Chiếc lá vàng ở đầu cành rơi. Hạt giống của cây từ lòng đất nảy mầm, lớn lên, nở hoa, kết trái, rơi rụng, tàn úa... trải qua một thời kỳ biến chuyển tuần hoàn, lại trở thành nguyên dạng của nó. Ông hãy ghi nhớ lấy: đó cũng là Tánh Không đấy.

Vị bà la môn rất nể câu trả lời của tôn giả Tu Bồ Đề và khâm phục vị đệ nhất giải không này.

g) Cuối đời của Tôn giả Tu Bồ Đề

Một hôm, Tu Bồ Đề bệnh rất nặng, nhưng cố gắng tự mình trải tọa cụ xuống đất, ngồi ngay thẳng trong tư thế hoa sen, giữ vững chánh niệm và quán tưởng rằng: “Sự đau khổ về bệnh hoạn của thân thể này từ đâu mà có? Ta phải làm thế nào để tiêu trừ được bệnh khổ này đây?” Rồi tôn giả quán tiếp rằng: “Nguyên nhân đưa đến bệnh khổ của thân thể một phần là các nghiệp báo tích lũy từ thời quá khứ, một phần khác là do sự bất ổn trong mối quan hệ giữa các duyên trong đời hiện tại. Thuốc men chỉ có thể trị bệnh tạm thời mà không thể làm cho khổ đau tiêu trừ tận gốc rễ.

Chỉ có sám hối các nghiệp báo, tu tập thiền quán, thấy rõ nhân quả để tiêu trừ khổ đau nơi tâm ý thì sự khổ đau nơi thân thể mới không còn nữa”.

Tôn giả cứ tiếp tục như thế, một lúc sau thì cảm thấy thân tâm thư thái, nhẹ nhàng tự tại, những khổ đau của bệnh hoạn tan biến hoàn toàn.

Chính vào lúc đó, trời Đế Thích đã cùng năm trăm thiên chúng và rất đông các vị thần âm nhạc giáng lâm núi Kỳ Xà. Họ đến trước mặt Tu Bồ Đề, tấu nhạc và hát rằng:

Uy đức người ngàn ngật như trời cao

Công hạnh người hun hút như sông dài

Vượt thoát biển sinh tử Dập tắt lửa hữu vi.

Lắng trong các hành nghiệp

Dứt sạch bao phiền não

Từ thiên định, tuệ giác người sáng tỏ

Bệnh khổ giờ đã tiêu trừ

Pháp thể giờ đã khinh an.

Khúc hát dứt, âm nhạc ngưng. Trời Đế Thích cùng thiên chúng bái kiến Tu Bồ Đề. Tôn giả đáp lễ và khen ngợi:

- Tiếng nhạc và lời ca của quý ngài thật là tuyệt vời!

Trời Đế Thích hỏi thăm:

- Xin hỏi thăm tôn giả, lúc này bệnh tình đã khỏi hẳn chưa?

Tôn giả trả lời:

- Các pháp từ nhân duyên sinh ra và cũng từ nhân duyên mà tiêu diệt. Nhân duyên hòa hợp thì có chuyển động và sinh thành, nhân duyên phân rã thì các pháp đình chỉ và tan rã. Các pháp sinh ra một pháp và một pháp sinh ra các pháp. Mỗi pháp tự nó đều có nhân, có duyên và có quả. Dùng cái trắng trị cái đen và đồng thời dùng cái đen trị cái trắng. Muốn trị bệnh tham dục thì dùng

phép quán niệm về sự không trong sạch; trị bệnh sân hận thì dùng phép quán niệm về lòng từ bi; trị bệnh ngu si thì phải dùng trí tuệ giác ngộ. Tất cả vạn pháp trong thế gian đều là biểu hiện của tính không, không có tướng ngã, không có tướng nhân, không có phân biệt nam nữ, không có gì khác nhau giữa phải và trái, tất cả vạn pháp đều “là như vậy”. Quý ngài hãy nhìn xem, gió bão có thể xô ngã cây to, sương tuyết có thể làm hư bông lúa; nhưng những cây cỏ khô héo kia, nếu gặp tiết xuân ấm áp, mưa thuận gió hòa thì tức khắc hồi sinh, đâm chồi nảy lộc. Các pháp có những lúc chống phá nhau nhưng cũng có những lúc làm cho nhau được an định. Bệnh khổ của Tu Bồ Đề này sinh ra là do các pháp đất nước gió lửa chống đối nhau; nhưng pháp Phật như nước cam lồ, thiên quán như gió mùa xuân, tôi nhờ hiểu như thế mà bệnh tình bình phục. Tôi xin cảm ơn quý ngài đã ân cần đến thăm. Hiện giờ tôi cảm thấy thân tâm đều an lạc tự tại.

Thiên chúng vô cùng hoan hỉ, đánh lễ tôn giả, rồi trở về thiên cung, còn lại một mình, tôn giả trầm ngâm độc thoại:

Đức Phật từng từ bi dạy bảo,

Chỉ có Phật pháp mới chữa trị được những đau khổ của thân tâm.

Nhưng không phải đợi đến lúc bị bệnh mới cầu xin,

Mà hàng ngày phải nghe pháp tu hành,

Tạo căn cơ đầy đủ cho sự chứng ngộ.

Nên sám hối nghiệp chướng,

Vững tin vào nhân quả,

Và tích lũy phước huệ,

Đó mới là phương thuốc mầu nhiệm của mọi bệnh khổ.

---o0o---

V. NHÂN DUYÊN CỦA LỤC TỔ HUỆ NĂNG VÀ KINH KIM CANG

Lục Tổ họ Lư, tên Huệ Năng, sanh trưởng trong gia đình nghèo túng, mồ côi cha từ khi ba tuổi. Hàng ngày Huệ Năng phải vào rừng đốn củi đem bán để nuôi mẹ. Đến năm 22 tuổi, một hôm nghe có người tụng kinh Kim Cang mà tỉnh ngộ và nhờ có duyên tốt, được người giúp đỡ, nên đến học đạo với Ngũ tổ Hoàng Nhẫn.

Khi Huệ Năng đến yết kiến Ngũ Tổ thì Ngũ Tổ hỏi:

“Đến đây cầu việc gì?”

Huệ Năng đáp: “Đến đây chỉ cầu làm Phật, không cầu việc gì khác”.

Tổ tiếp: “Ngươi là người xứ Lĩnh Nam, lại là dân man rợ, thế nào thành Phật được?”

Huệ Năng đáp: “Con người tuy có phân chia Nam Bắc, chớ Phật tánh vốn không có Nam Bắc. Cái thân man rợ này đối với hòa thượng tuy chẳng giống nhau, nhưng tánh Phật đâu có khác!”

Như vậy, dù chỉ mới bắt đầu xin theo học đạo mà Huệ Năng đã tỏ ra có chí khí hơn người. Ngài đã thấy rõ mục đích thiền định là thành Phật và thấy rõ Phật tánh của mọi người hay mọi loài như nhau. Ngũ Tổ thầm nhận Huệ Năng là người có pháp khí khác thường rồi.

Sau đó Huệ Năng được giao cho công việc giã gạo ở sau bếp, chứ chưa được lên nhà trên theo học như các tăng khác. Tuy vậy, Huệ Năng vẫn nhẫn nại giã gạo được hơn tám tháng. Tới lúc Ngũ Tổ thấy thời cơ truyền pháp đã đến và ngài yêu cầu toàn chúng trình kệ để chọn người kế thừa. Ngũ Tổ khai thị như sau:

“Sanh tử là việc lớn, các ngươi suốt ngày chỉ cầu phước, chẳng cầu lìa khỏi biển khổ sanh tử. Nếu mê tự tánh thì phước làm sao có thể cứu được? Các ngươi mỗi người hãy tự xem trí Bát Nhã của tự tánh và làm một bài kệ trình cho ta xem, nếu ai ngộ được đại ý thì ta sẽ trao truyền y bát cho làm Tổ thứ sáu”.

Chư tăng trong chùa có hơn bảy trăm người. Ai cũng tin rằng chỉ có giáo thọ sư của họ là Thượng tọa Thần Tú mới đủ khả năng nhận truyền pháp này nên không ai dám nghĩ đến việc trình kệ. Thần Tú trình bài kệ như sau:

“Thân là cây bồ đề,
Tâm như đài gương sáng,
Luôn luôn phải lau chùi,
Chớ để dính bụi trần”.

Ngũ Tổ kêu Thần Tú vào và dạy rằng: “Qua bài kệ này, chứng tỏ con chưa thấy bản tánh, còn đứng ngoài thêm cửa, chưa bước vào trong chùa. Cứ như chỗ thấy hiểu ấy mà tìm đạo Vô thượng Bồ Đề thì rõ ràng chưa thể được”.

Sau đó, Huệ Năng vì không biết chữ nên nhờ người đọc bài kệ của thầy giáo thọ Thần Tú cho nghe. Nghe xong, ngài cũng nhờ người viết một bài kệ để đối lại với bài kệ ấy:

“Bồ đề vốn chẳng cây,
Gương sáng cũng chẳng đài,
Xưa nay không một vật,
Nơi nào dính bụi trần”.

Ngũ Tổ rất vui khi đọc qua bài kệ của Huệ Năng và biết rằng Huệ Năng là người đã ngộ Thiên, nên tổ liền truyền trao y bát và tấn phong Huệ Năng lên ngôi vị Lục Tổ (tổ thứ sáu). Khi truyền pháp cho Huệ Năng thì Ngũ Tổ giảng kinh Kim Cang, đến pháp ngữ: “Không trụ vào chỗ nào mà sanh tâm mình” (Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm). Ngài Huệ Năng giựt mình và nhận ra tánh Kim Cang vốn đầy đủ diệu dụng của mình, bèn cảm hứng và thốt lên rằng:

“Đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh,
Đâu ngờ tự tánh vốn chẳng sanh diệt,
Đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ.
Đâu ngờ tự tánh vốn chẳng lay động.
Đâu ngờ tự tánh hay sanh vạn pháp”.

Nghĩa là tổ Huệ Năng không ngờ tự tánh của chúng ta xưa nay vốn có đầy đủ các đức tánh diệu dụng. Ngũ Tổ biết ngài Huệ Năng là người vốn có gốc học Phật từ nhiều kiếp. Tuy không biết chữ nào nhưng ngài đã nắm được then chốt của tánh Kim Cang chân không Bát Nhã, vì thế Ngũ tổ mới truyền trao y bát để ngài Huệ Năng làm tổ thứ sáu và dặn dò rằng:

“Chẳng nhận được bản tâm, học đạo vô ích. Nếu nhận được bản tâm, thấy được bản tánh, tức gọi là Trượng phu, thầy của cõi trời, cõi người, tức là Phật”.

Ngũ tổ biết rằng trong tăng chúng có nhiều người không phục và không đồng ý Huệ năng làm Lục tổ. Bởi vì trong chúng lúc bấy giờ có ngài Thần Tú là giỏi chữ nghĩa và là thầy giáo thọ dạy học, nhưng lại chưa nắm và thấy được tánh Kim Cang. Trong khi Huệ Năng ngộ đạo nhưng chỉ là người giã gạo dưới bếp tám tháng và không biết một chữ nghĩa nào cả. Bấy giờ phút chốc được Ngũ Tổ tấn phong cho làm tổ thứ sáu, bắt cả chúng đánh lễ tôn sùng như thầy giáo thọ của họ thì không ai chấp nhận cả. Riêng Ngũ Tổ biết ngài Huệ Năng dù là không biết chữ, nhưng là người thấy tánh, có chỗ chứng đắc thì mới thực là người xứng đáng, nên tổ giao y bát cho ngài Huệ Năng và tổ dặn phải đi trốn, chứ nếu mà ở đây thì chúng sẽ phản đối. Thế cho nên, ngài Huệ Năng phải bỏ trốn trong rừng. Khi nghe tin Huệ Năng được truyền thọ, có mấy trăm người đuổi theo để lấy lại y bát vì cho rằng Huệ Năng không xứng đáng. Điều đó cũng dễ hiểu vì ngài chỉ là anh nông phu đốn củi, vô chùa thì chỉ biết giã gạo, không được học hỏi gì về các lớp Phật pháp, nay lại được trao cho danh vị Lục Tổ nên chúng tăng theo chỗ hiểu bình thường rất khó chấp nhận.

Lục Tổ phải ẩn náu nơi rừng núi khoảng 15 năm. Một hôm ngài đến cổng chùa Pháp Tánh tại Quảng Châu và gặp Pháp sư Ấn Tông đang giảng kinh Niết Bàn. Lúc ấy có một luồng gió thổi động lá phướng và có hai chú sadi nhỏ đang cãi nhau về chuyện phướng động. Một chú hỏi là: “Phướng động hay là gió động?”

Chú kia trả lời: “Do gió động”. Chú sadi này cãi lại: “Do phướng động bởi lẽ nếu không có phướng thì gió động cái gì?” Hai chú đấu khẩu với nhau, khó phân thắng bại. Tổ Huệ Năng đứng đó, mới trả lời rằng: “Phướng chẳng động mà gió cũng chẳng động chỉ do tâm của hai chú động thôi”. Hòa thượng Trụ Trì chùa Pháp Tánh vừa bước ra, nghe câu trả lời của vị sư nhà quê này mới mời ngài vào chùa và thỉnh ngài ở tại chùa Pháp Tánh để giảng kinh cho tứ chúng nghe. Dù ngài Huệ Năng không biết chữ nào, nhưng khi ngài giảng kinh thì rất lưu loát, sáng suốt và xác thực đi thẳng vào tâm tánh. Một lần nữa, Hòa thượng trụ trì đánh lễ vị sư nhà quê này và thốt lên rằng ngài Huệ Năng giảng kinh như vàng ròng, trong khi Hòa thượng trụ trì giảng kinh chỉ như là cát sỏi. Hòa thượng cũng thừa rằng nghe nói y bát của Lục tổ đã lạc đi và đang ẩn ở chỗ nào đó gần đây, chắc có lẽ chính là vị sư này và cuối cùng Hòa thượng trụ trì mới khám phá và nhận ra đây là Lục Tổ Huệ Năng.

Đó là nhân duyên chứng ngộ của Lục Tổ Huệ Năng với câu pháp ngữ: “Không trụ vào chỗ nào mà sanh tâm mình” (Ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm). Vì thế, kinh Kim Cang được xem như như kim chỉ nam trong nhà thiền để giúp hành giả trực chỉ nhân tâm, thấy tánh Phật như tổ Huệ Năng.

---o0o---

CHƯƠNG 2 - PHÁP NGŨ TRONG KINH KIM CANG

A. ĐỊNH NGHĨA

Pháp ngữ: pháp là Phật pháp, ngữ là lời văn, câu cú. Pháp ngữ là lời pháp, câu pháp hay những khẩu khí, pháp khí đặc biệt trong kinh Kim Cang. Nhà thiên có công án thì Kim Cang cũng có những khẩu khí đánh mạnh vào tâm thức, giúp chúng ta thấu triệt bản thể vốn có của tự tánh, chứng nghiệm Phật tánh chân không. Pháp ngữ của Kim Cang là thiên viên đốn trực chỉ chân tâm kiến tánh thành Phật chứ không dùng phương tiện của hóa thành⁶ tiệm tu từ từ.

Mỗi kinh có mỗi phong cách pháp ngữ khác nhau để chúng ta nhớ về kinh đó. Như nói đến Bát Nhã Tâm Kinh thì chúng ta sẽ nhớ liền pháp ngữ: “Sắc tức thị không, không tức thị sắc”. Pháp ngữ trong kinh Pháp Hoa mà chúng ta thường biết như: “Khai thị ngộ nhập Phật tri kiến”, “Chúng con không khinh các ngài đâu vì các ngài sẽ là những vị Phật tương lai”. Pháp ngữ trong kinh Lăng Nghiêm như: “Mười kiến tinh: Kiến tinh là tâm linh giác, Kiến tinh bất động...”⁷, “Đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận”, “Tánh sắc chân không, Tánh Không chân sắc, bản nhiên thanh tịnh cùng khắp pháp giới. Theo tâm chúng sanh, ứng với lượng hay biết, tùy chỗ phát hiện. Chúng sanh không biết làm cho là nhân duyên hay tự nhiên. Đều là những so đo phân biệt của ý thức, chứ không có nghĩa chân thật”. Trong kinh Duy Ma Cật nổi bật khẩu khí của bồ tát Duy Ma Cật: “Vì chúng sanh bệnh nên tôi bệnh. Nếu chúng sanh không bệnh thì tôi sẽ

không bịnh” và nhiều kinh khác. Như vậy, tùy sự hiểu đạo và cảm xúc, mỗi hành giả có thể chọn cho mình những pháp ngữ tâm đắc để hướng tâm linh của mình và người thăng hoa giác ngộ.

---o0o---

B. PHÁP NGỮ TRONG KINH KIM CANG

Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba la mật có nhiều pháp ngữ. Mỗi pháp ngữ là mỗi khẩu khí phá tan sương mù của các tướng vô minh để chúng ta trở về với thật tướng Bát Nhã chân không của kinh Kim Cang. Mỗi pháp ngữ là giúp chúng ta nhận ra thói quen ngu si từ vô thủy hay nắm giữ các tướng hư vọng của ta, người, chúng sanh, thọ giả. Mỗi pháp ngữ giúp chúng ta nhẹ nhàng trở lại với trí tuệ Kim Cang Bát Nhã vốn có của mình giữa cuộc đời này.

---o0o---

I. AN TRỤ TÂM & HÀNG PHỤC TÂM

Bấy giờ, Trưởng-Lão Tu-Bồ-Đề, ở trong đại-chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trạch áo bên vai hữu, gồi bên hữu quỳ sát đất, cung kính chấp tay, bạch cùng đức Phật rằng:

“Bạch đức Thế-Tôn! Trang thiện-nam, người thiệnnữ, phát tâm Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác, thời phải an trụ tâm như thế nào, nên hàng phục tâm mình như thế nào?”

Đức Phật bảo ngài Tu-Bồ-Đề: "Các vị đại Bồ-tát phải hàng-phục tâm mình như thế này: bao nhiêu những loài chúng-sanh, hoặc là loài noãn-sanh, hoặc loài thai-sanh, hoặc loài thấp-sanh, hoặc loài hóa-sanh, hoặc loài có hình-sắc, hoặc loài không-hình-sắc, hoặc loài có-tư-tướng, hoặc loài không-tư-tướng, hoặc loài chẳng-phải-có-tư-tướng, mà cũng chẳng-phải-không-tư-tướng, thời Ta đều làm cho được diệt-độ, và đưa tất cả vào nơi vô-dur niết-bàn.

Câu hỏi của ngài Tu Bồ Đề là làm sao an trụ được tâm và làm sao hàng phục được tâm? Như vậy ngài hỏi an trụ trước và sau đó là hàng phục tâm, nhưng chúng ta thấy Đức Phật rất sáng suốt và hợp lý khi ngài trả lời hàng phục trước rồi an trụ sau. Vì có hàng phục dẹp được giặc phiền não rồi thì mới có cư trú thanh bình an cư lạc nghiệp được.

1. Hàng phục vọng tâm

Đáp lời của tôn giả Tu Bồ Đề, Đức Phật trả lời về cách hàng phục tâm như sau: tâm tư của mỗi chúng ta hay sôi nổi, nay thiện mai ác, nay vui mai buồn, nay giận mai hờn, thăng trầm lên xuống với những vọng tưởng đảo điên, kéo chúng ta đọa lạc trong sáu đường⁸. Ví dụ như bây giờ đang ngồi ở cõi người nhưng

không biết ngày mai chết sẽ đi về cõi nào? Một chút tâm tham, sân và si không khéo sẽ kéo chúng ta về địa ngục, ngạ quỷ và bàng sanh, bởi lẽ Đức Phật dạy: “Tơ hào vọng niệm tam đồ nghiệp nhân” (còn chút tơ hào nào vướng vào tham sân si là nghiệp nhân ba cõi của địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh đang chờ bên cạnh). Kinh Địa Tạng dạy: “Cõi Diêm Phù Đề này nhất cử, nhất động đều tạo tội”, cho nên chúng ta phải cẩn trọng thân khẩu ý của mình.

Nếu muốn hàng phục tâm thì phải phát nguyện độ tất cả mười loài chúng sanh. Ở đây, Đức Phật cẩn thận dùng chữ “tất cả chúng sanh” nghĩa là độ đủ cả mười loài chúng sanh⁹ không bỏ sót một loài nào.

a. Mười Loài Chúng sanh

❖ *Noãn sanh*: từ trứng sanh là do tướng mà sinh. Ví dụ như gà mái đẻ trứng và sau đó dùng hơi ấm của mình để ấp trứng. Suốt ngày, gà mái luôn suy tưởng: "Gà con của mình sắp ra đời". Do tướng như vậy và khi hơi ấm đủ ngày tháng, quả nhiên khiến trứng nở ra gà con. Noãn sanh này gồm cả các loài cá, tôm, rùa, rắn và những loài đẻ trứng.

❖ *Thai sanh*: từ bào thai do ái tình dục nhiễm mà sanh ra. Nam nữ, đực cái có tình luyến ái, giao hợp với nhau mà thành bào thai. Loài thai sanh bao gồm loài người, rồng, tiên và các giống súc vật như heo, trâu, bò, chó, mèo...

❖ *Thấp sanh* là từ nơi ẩm thấp do hợp cảm giữa hơi ẩm và khí nóng hợp lại mà sanh ra như các loài côn trùng, lăng quăng, giun sán... sanh nơi ẩm thấp hôi thối dơ dáy.

❖ *Hóa sanh* là từ biến hóa do ly ứng mà sanh. Ly ứng nghĩa là bỏ hình tướng cũ thay mới, như con tằm hóa bướm, con chuột thành dơi, ruồi, nhặng và các loài thoát xác bay. Địa ngục cũng là một loài hóa sanh.

Bốn loài: noãn, thai, thấp và hóa sanh là do các yếu tố *tình, tướng, hợp, ly* mà biến hóa. Chính do mê vọng mà tạo nghiệp nên thọ quả báo. Loài nào theo nhân này mà thọ báo khác nhau.

❖ Loài có hình sắc: là loài tinh diệu tốt xấu, xuất sinh từ sự hòa hợp các loạn tướng về các sắc sáng chiếu (loạn tướng tinh diệu), như các loài đom-đóm, loài trai có ngọc v.v.

❖ Loài không hình sắc là loài sanh từ các yếu tố không, tán, tiêu, trầm, như các tầng trời tứ không¹⁰, các loài như thần Hư không (thuần-nhã-đa thần), thần gió, thần năng.

❖ Loài có tướng tức là loài không có hình sắc mà chỉ có tư tướng. Nó ẩn hiện như có như không, phẳng phát chẳng có thực chất, như các loại quỷ thần,

yêu quái, như thần núi, thần nước, các loại gỗ đá thành tinh, các sơn tinh, thủy quái v.v.

❖ Loài không có tư tưởng là loài có hình sắc mà không tư tưởng, u mê, ngu độn, tinh thần tựa như gỗ, đất, các loại kim thạch.

❖ Loài chẳng phải có tư tưởng: đây chẳng phải là một loại đối lại với loài sanh từ trứng ra - noãn sanh cũng lấy tư tưởng mà truyền lại sanh mạng - mà phát sanh từ sự kết hợp của hai thứ vọng tưởng, đem cái của người chấp là của mình, cùng nhau tráo trở, tỷ như trường hợp con tò-vò mà nuôi con của con sâu minh-linh. Minh linh là loài sâu ở đọt dâu, con tò vò thì giống loại ong có eo thắt lại. Tò vò kiếm đất làm tổ, nuôi con sâu minh linh ở bên trong, khấn rằng:

"Loại ngã! Loại ngã!" nghĩa là "giống như ta". Bảy ngày sau quả nhiên con sâu hóa ra con của tò vò. Cái đó chính là chẳng phải có tư tưởng, do hai thứ khác nhau lẫn lộn mà thành. Nguyên do bởi kiếp xưa chuyên nghề đi lấy tài vật của người khác, đem về làm của mình, nên mới chịu quả báo đó.

❖ Loài chẳng phải không có tư tưởng là nói về loại mang nhiều oán hận từ trước, muốn kiếm sự báo thù, như loài chim kiêu (con chim ưng đầu mèo, tục kêu là chim bất hiếu) bám vào ổ đất để sanh con, khi con lớn lên thì con ăn thịt mẹ. Lại còn một loại muông thú nữa là con phá kính, nuôi con đến khi con lớn thì con ăn thịt cha.

Kinh Lăng Nghiêm¹¹ dạy: “Ba đời bốn phương, hòa hợp can thiệp cùng nhau, chúng sinh biến hóa thành 12 loài.

Vậy nên trong thế giới này, nhân động có tiếng, nhân tiếng có sắc, nhân sắc có hương, nhân hương có xúc, nhân xúc có vị, nhân vị biết pháp, sáu vọng tưởng can loạn thành ra nghiệp tính, do đó, 12 cách đối hiện xoay vần mãi mãi. Vậy nên trong thế gian, những thanh, hương, vị, xúc biến đổi cùng tột, đến 12 lần xoay trở lại. Dựa trên những tướng điên đảo, xoay vần đó, nên trong thế giới có những loài noãn sinh, thai sinh, thập sinh, hóa sinh, hữu sắc, vô sắc, hữu tướng, vô tướng, hoặc phi hữu sắc, hoặc phi vô sắc, hoặc phi hữu tướng, hoặc phi vô tướng.

A Nan, nhân trong thế giới có hư vọng luân hồi, điên đảo về động, nên hòa hợp với khí, thành ra 84.000 loạn tướng bay lặn, vì vậy, nên có mầm trứng trôi lặn trong cõi nước: cá chim, rùa, rắn, các loài đầy dẫy.

Nhân trong thế giới có tạp nhiễm luân hồi, điên đảo về dục, nên hòa hợp với tư, thành ra 84.000 loạn tướng ngang dọc; vì vậy, nên có bọc thai trôi lặn trong cõi nước; người, súc, rồng, tiên, các loài đầy dẫy.

Nhân trong thế giới có chấp trước luân hồi, điên đảo về thú, nên hòa hợp với noãn, thành ra 84.000 loạn tướng nghiêng ngửa, vì vậy, nên có tế thi thấp sinh trôi lăn trong cõi nước; nhưng nhúc, quậy động, các loài đầy dẫy.

Nhân trong thế giới có biến dịch luân hồi, điên đảo về giả, nên hòa hợp với xúc, thành ra 84.000 loạn tướng mới cũ; vì vậy, nên có yết nam hóa sinh trôi lăn trong cõi nước; chuyển thoái, phi hành, các loài đầy dẫy.

Nhân trong thế giới có lưu ngại luân hồi, điên đảo về chướng, nên hòa hợp với trước, thành ra 84.000 loạn tướng tinh diệu; vì vậy, nên có yết nam sắc tướng trôi lăn trong cõi nước; hưu cứu, tinh minh, các loài đầy dẫy.

Nhân trong thế giới có tiêu tán luân hồi, điên đảo về hoặc, nên hòa hợp với ám, thành ra 84.000 loạn tướng thâm ẩn, vì vậy, nên có yết nam vô sắc trôi lăn trong cõi nước; không tán tiêu trầm, các loại đầy dẫy.

Nhân trong thế giới có vọng tượng luân hồi, điên đảo về ảnh, nên hòa hợp với úc, thành ra 84.000 loạn tướng tiềm kết; vì vậy, nên có yết nam hữu tướng trôi lăn trong cõi nước; thần quý tinh linh, các loài đầy dẫy.

Nhân trong thế giới có ngu độn luân hồi, điên đảo về si, nên hòa hợp với ngoan, thành ra 84.000 loạn tướng khô cảo; vì vậy, nên có yết nam vô tướng trôi lăn trong cõi nước; tinh thần hóa làm đất, cây, vàng, đá, các loài đầy dẫy.

Nhân trong thế giới có tương đãi luân hồi, điên đảo về ngụy, nên hòa hợp với nhiễm, thành ra 84.000 loạn tướng nhân y; vì vậy, nên có yết nam, không phải có sắc mà có sắc, trôi lăn trong cõi nước; những giống thủy mẫu, dùng tâm làm mắt, các loài đầy dẫy.

Nhân trong thế giới có tương dẫn luân hồi, điên đảo về tính, nên hòa hợp với chú, thành ra 84.000 loạn tướng hô triệu; vì vậy, nên có yết nam, không phải vô sắc mà vô sắc, trôi lăn trong cõi nước, chú trợ, yếm sinh, các loài đầy dẫy.

Nhân trong thế giới có hợp vọng luân hồi, điên đảo về vọng, nên hòa hợp với di, thành ra 84.000 loạn tướng hồi hồi; vì vậy, nên có yết nam, không phải có tướng mà có tướng, trôi lăn trong cõi nước; những giống tò vò, mượn chất khác thành thân của mình, các loài đầy dẫy.

Nhân trong thế giới có oán hại luân hồi, điên đảo về sát, nên hòa hợp với quái, thành ra 84.000 tư tưởng ăn thịt cha mẹ; vì vậy, nên có yết nam, không phải vô tướng mà vô tướng, trôi lăn trong cõi nước; như con hổ kiêu, áp khối đất làm con, và chim phá kính, áp quả cây độc làm con, con lớn lên, thì cha mẹ đều bị chúng ăn thịt, các loài đầy dẫy”.

b. Độ mười loài chúng sanh

Để hàng phục vọng tâm, Đức Phật dạy chúng ta phải độ mười hay mười hai loài chúng sanh như trên, không bỏ sót một loài nào. Khi chúng ta có duyên gặp loài nào thì phải dùng tâm bình đẳng không phân biệt thân sơ, nhỏ bé, khinh trọng mà hóa độ chúng. Không phải chúng ta độ hết một lúc, một lần hết mười loài mà cứ tùy duyên gặp loài nào độ loài đó. Đây cũng chỉ có nghĩa là tâm của chúng ta phải bình đẳng, đừng phân biệt đây là loài noãn sanh, thấp sanh dơ dáy, con kiến, con trùng bé tí, kia là con người thai sanh quý giá, nên đối với con người thì chúng ta phải lo, còn loại sanh khác con người thì mặc kệ chúng. Chúng ta không phân biệt loài cao thấp nào hết, bình đẳng nguyện độ tất cả. Tâm bao dung của chúng ta phải bao trùm khắp tất cả. Gặp con kiến là chúng ta lo cho con kiến (đừng giết nó), gặp con sâu là lo cho con sâu (đừng dẫm lên nó). Chúng ta không quản ngại không phân chia. Hôm nay gặp con gà (noãn sanh) chúng ta lo cho nó, mai gặp con bướm bướm (hóa sanh) mình lo cho nó, một mình gặp con chim kiêu (loài chẳng phải không có tư tưởng) chúng ta giúp được gì cho mười loài chúng sanh thì tận tình hết lòng bởi vì tất cả mười loài (*noãn sinh, thai sinh, thấp sinh, hóa sinh, hữu sắc, vô sắc, hữu tướng, vô tướng, hoặc phi hữu sắc, hoặc phi vô sắc, hoặc phi hữu tướng, hoặc phi vô tướng*) đều nằm trong bản nguyện độ sanh của mình. Ngay cả loài vi trùng thấp sanh nhỏ nhít, nó làm cho con người bị bệnh lao, bệnh ung thư, nhưng chúng ta vẫn phải kết duyên bồ đề và hóa độ chúng, chứ đừng nghĩ nó là loài nhỏ nhít, hại người, thôi bỏ mặc nó, thôi đừng độ, cứ độ loài người là đủ, hoặc độ cho ai mà dễ thương ưu ái với mình thôi. Như thế sẽ không thể nào hàng phục được vọng tâm. Ý của Đức Phật là chúng ta độ từ từ và tùy duyên, chứ không phải Phật bắt chúng ta phải độ một lúc, độ xong tất cả mười loài rồi mới được thành Phật. Chủ yếu là chúng ta phải có tâm mở rộng đối với tất cả, phải phát nguyện độ cho tất cả, nhất là những ai hữu duyên đến với mình. Chúng ta không phải chỉ làm phước cho mười loài có chén cơm, manh áo là đủ mà phải độ cho chúng thoát kiếp khổ lâu dài, thoát kiếp nghiệp của mười loài chúng sanh để tất cả vào vô dư niết bàn, thành Phật đến nơi đến chốn.

c. Vô Dư Niết Bàn

Niết-bàn nghĩa là tịch diệt, diệt độ, bất sanh, vô vi, hay giải thoát. Theo tinh thần Phật giáo Nguyên Thủy, vô dư Niết bàn là người chứng A-la-hán và nhập Niết bàn rồi, không còn lụy về thân đất nước gió lửa nữa (vô là không, dư là còn sót lại thân). Hễ còn thân mà chứng A-la-hán thì gọi là hữu dư niết bàn. Theo đại thừa, vị thánh chỉ mới thoát luân hồi sanh tử thôi thì niết bàn ấy gọi là hữu dư (dư là chưa đủ, hãy còn thiếu sót). Vô dư là niết bàn của các bậc chứng vô thượng chánh đẳng chánh giác như Đức Phật, bởi lẽ các ngài đã hoàn toàn sử dụng được các diệu dụng của tánh Phật để độ sanh rồi và trở về với tự tánh thanh tịnh Niết bàn (ai cũng có đủ). Chẳng những hết luân hồi sanh tử mà các

ngài còn sử dụng được tánh Phật thường trụ ở khắp mười phương đề độ sanh (vô trụ xứ Niết bàn), nên niết bàn ấy mới gọi là vô dư. Kim Cang Bát Nhã là kinh đại thừa với tâm nguyện độ hết mười loài chúng sanh nhận tánh Phật của mình để vào vô dư niết bàn.

Khi nghe ngài Tu Bồ Đề hỏi về hàng phục vọng tâm, chúng ta nghĩ là hàng phục phiền não, là việc tu tập của tâm, ở bên trong tâm ta. Nhưng ở đây, Đức Phật lại bảo chạy ra bên ngoài để độ những chúng sanh ở bên ngoài. *Lời Phật dạy tựa như mâu thuẫn mà thật ra không có mâu thuẫn lạc đề, trái lại rất sâu sắc uyên áo.* Tâm chúng ta có đủ mười pháp giới là bốn thánh¹² và sáu phàm¹³ nên chúng ta phải độ hết. Chúng ta phải độ hết sáu tâm phàm độc ác của mười loài ấy và gieo bốn giống thánh nhân ấy. Do giữ năm giới và còn ái dục nên được làm người; do bố thí làm phước, giữ mười giới nên sanh cõi trời; do sân hận thù ghét, phạm ngũ nghịch nên còn cõi địa ngục; do kiêu ngạo sát hại nên còn cõi A-tu-la; do tư tưởng u ám mới có ma quỷ; do thiếu nợ nên làm thân súc sanh, nên từ tâm tham sân si mà còn mười loại chúng sanh trong sáu cõi phàm. Ngược lại, nếu biết giác tỉnh, tu tập từ bi, hỉ xả thì sẽ xây dựng các quả thánh A-la-hán, Duyên Giác, Bồ Tát và Phật.

d. Mười cảnh giới của Tâm

BẢN ĐỒ MƯỜI PHÁP GIỚI



Tâm Báo: Phật, Pháp, Tăng.

Lục Độ: Bố thí, tri giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ.

12 nhân duyên: Vô minh (ngu dốt, không biết), hành (hành động), thức (ý thức), danh sắc (hình hài), lục nhập (sáu cơ năng), xúc (tiếp xúc), thọ (cảm nhận), ái (muốn), thủ (giữ lấy), hữu (tồn tại), sinh (sinh ra), tử (chết).

Tứ Diêu Đê: Khô, tập, diệt, đạo.

Thập thiện: Không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không nói thêu dệt, không nói lời hung ác, không nói lưỡi hai chiều, không tham lam, không sân hận, không si mê.

Ngũ giới: Không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu.

Thập ác: Trái với thập thiện.

Ngũ nghịch: Giết cha, giết mẹ, giết bậc A-la-hán, làm thân Phật chảy máu, phá hoại hòa hợp Tăng.

e. Độ Mười Loài Chúng Sanh trong Tâm

Chúng ta xem bức tranh mười pháp giới này để hiểu vì sao Đức Phật dạy độ mười loài chúng sanh trong tâm mình tức là hàng phục vọng tâm. Mười loài chúng sanh là biểu trưng cho sáu cõi phàm và những cõi khác (*những loài có tướng, những loài không có tướng, loại chẳng phải có tư tưởng hay chẳng phải không tư tưởng*) còn bị sanh tử luân hồi chi phối. Phải độ cho hết các loài trong tâm này thành Phật cả tức là việc hàng phục tâm đã thành công. Như vậy, nói độ mười loài chúng sanh bên ngoài nhưng thật ra là mười loài trong tâm ta. Trước tiên, chúng ta phải quay về độ tâm chúng ta. Thực hiện được việc trong tâm rồi, mới quay bên ngoài độ những chúng sanh bên ngoài mà ta yêu, ta ghét, ta giận, ta hờn. Chúng ta phải uyển chuyển theo hai mặt khế lý và khế cơ để độ tận mười loài chúng sanh cả bên trong và bên ngoài đều cho vào vô dư Niết bàn luôn. Khế lý là đúng sự thật chân lý. Khế cơ là tùy căn cơ mỗi loài mà chúng ta giúp. Ứng

dụng đúng hai chức năng này thì khả năng độ sanh của chúng ta sẽ hiệu quả vô tận.

Chúng ta đang bị luân hồi sanh tử, chịu mang không biết bao nhiêu thân của sáu cõi. Nếu không độ ngay, không hàng phục ngay thì nó sẽ đưa mình trôi lăn theo bà già mù vô minh¹⁴. Hình ảnh vô minh của chúng ta được Đức Phật minh họa là bà già mù còm cõi đi trong rừng xương sọ. Chúng ta đã đi trong rừng xương sọ, không biết bao nhiêu đời và sẽ chịu không biết bao nhiêu thân đọa lạc nữa. Thế cho nên phải độ ngay sự ngu dốt của mình, độ mười loài chúng sanh của mình trở về vô dư Niết bàn đi đã. Đó là khế lý thiết thực theo lời Phật dạy ở Kinh Kim Cang. Còn khế cơ thì chính ngay trình độ của chúng ta bây giờ đang đi ở trong đường sanh tử, chúng ta đang ở trong đường nguy hiểm đọa lạc, bây giờ phải *lo độ trong tâm của mình trước đi*. Nếu chưa độ cho chúng ta mà nói chuyện độ cho ai thì sao độ được? Chính chúng ta phải giác tỉnh cuộc đời này là vọng thân, vọng tâm và vọng cảnh. Đừng có mỗi niệm, mỗi niệm nhận thân, tâm và cảnh cuộc đời này là mình (ngã) và của mình (ngã sở). Bây giờ phải xoay về quán chiếu từng niệm để buông ra. Đó là việc thiết yếu phải hàng phục ngay bây giờ. Chúng ta phải hàng phục từng niệm một, buông cho hết các tướng ta, tướng người, tướng chúng sanh, tướng thọ giả. Nếu chưa buông xả được thân thì chưa buông xả được tiền bạc, của cải, danh lợi. Sự chấp ngã, chấp thân rất mạnh, nó là cái gốc để sanh ra các chấp thủ khác xung quanh. Những người ở thế gian dù Phật tử hay không Phật tử cũng rất thích làm việc bố thí từ thiện rất nhiều. Họ có thể xả tiền bạc, thân thể, sức khỏe, thời gian, công quả để bố thí, nhưng trong tâm cả ngày vẫn ùng ùng chấp chặc cho đây là mình (chấp ngã), đây là người (chấp pháp). Tâm niệm chấp ngã, chấp pháp vẫn khởi đáy, nhưng họ không có để ý và không xem quan trọng. Chỉ trong đạo Phật, Đức Phật mới sâu sắc chỉ ra gốc luân hồi chính là ngã và pháp. Cho nên, pháp ngữ đầu tiên của Kim Cang về hàng phục tâm tức là buông ngã và pháp. Xả ngã ở từng tâm niệm một, bởi vì chính từng niệm là tướng của chấp ngã. Chúng ta vẫn bố thí, vẫn nhẫn nhục nhưng vẫn chấp thủ có bố thí, có nhẫn nhục, tức cái ta, cái ngã vẫn đứng đấy. Chỉ có người nào xả được từng tâm niệm một thì mới thật là người xả ngã.

Bản chất của chúng ta là Phật, nhưng nhiều người không biết mình vốn là Phật mà cứ nhận tham sân si làm mình, nên dễ sa vào sáu đạo nguy hiểm. Vì thế, Bồ tát phải độ cho chúng sanh tỉnh ra, để họ nhận lại địa vị Phật của họ. Còn chúng sanh không biết họ là Phật, nên cứ trôi lăn sanh tử, mặc tình oan uổng đọa vào mười loài của cảnh súc sanh, làm chó, mèo, gà, vịt cho đến nổi rơi vào địa ngục mà cũng không biết đường đi ra. Nếu chúng ta biết con đường bình an giải thoát nguy hiểm mà đành lòng để các loài khác đi con đường khổ não thì chúng ta là người tàn nhẫn. Đã là người lạnh lùng tàn nhẫn, người ác thì làm sao thành Bồ Tát, thành Phật được. Cho nên, bốn phận của bồ tát Kim Cang là phải có lòng bi

mẫn nghĩ đến người khác. Từ là ban vui, bi là cứu khổ. Chính chỗ cứu khổ ban vui cho muôn loài là mình đã độ mình và độ người. Quay về độ cho mình là quay về ngó từng niệm, đừng để nó đang biến thành con rắn, đang biến thành con quỷ và đang biến thành con ma. Con đường nguy hiểm ấy chúng ta hãy tự độ. Sau khi mình thoát rồi thì bắt đầu lo độ cho mọi người. Thế cho nên bốn phận của bồ tát là tự giác, giác tha, tự độ và độ tha.

Bây giờ chúng ta chưa độ nhiều chúng sanh nhưng tạm thời người nào đói chúng ta cho miếng ăn, người nào rét chúng ta cho cái áo. Chúng ta phải có lòng thương tưởng giúp tất cả chúng sanh theo khả năng mình. Mặc dù hiện nay lo tự độ và tuy chúng ta còn nhiều tham sân si, không làm lợi ích nhiều cho ai, nhưng vẫn phải nhớ và giữ hạnh nguyện độ cho tất cả mọi người hết tham sân si thoát khỏi mười loài. Nhờ nguyện như vậy thì trong ba nghiệp thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp, nhất là ý nghiệp của mình mới hướng thượng theo bồ tát hạnh. Nếu chúng ta phát nguyện độ cho tất cả nhưng khả năng chúng ta chưa nổi thì thôi bây giờ ai ở bên cạnh mình, gần chùa mình, có nổi lên sân hận si mê thì chúng ta khuyên họ đừng sân hận si mê nữa. Khi chúng ta khuyên mọi người chung quanh như thế tức là chúng ta giữ được hạnh nguyện độ tất cả chúng sanh, không bỏ một người hay một loài nào. Thế cho nên, khi tâm rộng mở thì cứ mở rộng tâm ra theo khả năng của mình, được đến đâu quý đến đó. Điều quan trọng là phải lo tự độ cho mình, đừng đi con đường sinh tử của sáu đạo nguy hiểm. Tự độ cho mình trước, rồi mới độ cho chúng sanh.

2. An Trụ tâm

“Diệt-độ vô-lượng, vô-số, vô-biên chúng-sanh như thế mà thiết không có chúng-sanh nào là người được diệt-độ cả. Tại sao vậy? Này Tu-Bồ-Đề! Nếu Bồ-tát còn có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng-sanh, tướng thọ-giả, thời chẳng phải là Bồ-tát”.

Khi ngài Tu Bồ Đề hỏi Đức Phật về cách an trụ tâm, Đức Phật trả lời rằng bồ tát phải độ cho hết tất cả mười loài chúng sanh vào vô dư Niết bàn, độ mà không thấy có tướng ta, tướng người, tướng chúng sanh, tướng thọ giả, tức không có chấp mình là người độ, chúng sanh là người được độ, không thấy có thọ giả, thế là an trụ được tâm. Do không có chấp vào tướng ta, tướng người, tướng chúng sanh, tướng thọ giả, nên bồ tát thấy không có mình là người giúp đỡ, không thấy có một chúng sanh nào thật do mình giúp thoát khổ, đưa vào vô dư Niết bàn cả.

Mê muội chấp có ta, người, chúng sanh, thọ giả là ma lực của vô minh như bà già mù đi trong rừng xương sọ.

Đức Phật phải trí tuệ lắm mới nghĩ ra tâm hình bà già mù để so sánh với chúng ta chính xác như vậy. Nếu không thì chúng ta cứ nghĩ mình sang đẹp, quý phái, chứ đâu có già mù, còm cõi gì đâu. Mù nghĩa là cả hai mắt đều hư. Hồng mắt

phải là bị ta, người, chúng sanh, thọ giả làm hồng. Hồng mắt trái là do sự chấp sáu trần làm hồng. Thế cho nên, bà già mù còm cõi phải chống gậy dò dẫm từng bước đi, vì không thấy đường nên loanh quanh mãi trong rừng xương sọ của mười loài chúng sanh trong sáu đạo luân hồi.

Chúng ta phải tập quán trong đời sống hàng ngày của mình về “tam luân không tịch” để thấy ba cái đều không: thân ta không có, người khác không có và việc làm không có, tức là thân tâm và cuộc đời xung quanh của ta đều không. Chúng ta thường chấp cho là có mình đang nhìn thấy bông hoa. Theo pháp ngữ số một của Kim Cang thì con người không phải con người, tướng không phải tướng vì không có tướng ta, người, chúng sanh, thọ giả. Bông hoa không phải là bông hoa bởi lẽ sắc thanh hương vị xúc pháp đều là hư vọng. Nhãn thức phân biệt không phải là nhãn thức vì duyên hợp mà có. Vô minh là tối tăm, trái với trí tuệ Bát Nhã, là bà già mù đi trong rừng xương sọ. Rừng xương tức là thân của chúng ta. Đời này nhận một nắm xương là thân mình, chết buông ra, rồi kiếp sau nhận một nắm xương khác lại buông ra, cứ như thế thành cả một rừng xương và cứ như thế đi qua con đường sanh tử. Bà già bị mù hồng cả hai con mắt. Pháp ngữ kinh Kim Cang quan trọng ở chỗ phải mở hai con mắt ra. Hai con mắt là chấp ngã và chấp pháp. Chấp ta, người, chúng sanh, thọ giả rồi là chấp một con mắt; còn con mắt kia là chấp pháp tức là chấp có sáu trần là thật. Cho nên học kinh Kim Cang là phải an trụ tâm để gỡ mù hai bên mắt ra thì bà già mới hết chuyện tối tăm và mới hết chuyện đi trong rừng xương sọ nữa.

Pháp ngữ số một của kinh Kim Cang chỉ có vài lời về cách hàng phục và an trụ tâm như vậy thôi nhưng việc làm rất cao thượng khó nghĩ bàn. Phạm phu với tấm lòng hạn hẹp thu nhỏ thì khó thể tưởng tượng nổi được các tâm lượng bao la của chư Phật và bồ tát. Như chúng ta tới chùa làm công quả hay cúng dường chùa hay giúp ai một việc gì đó, hay cảm hoá người đi nghe pháp, vv... thì mình đã tự cao, tự đại cho là mình hơn người rồi. Chỉ giúp một hai người thôi mà đã vậy, huống chi chúng ta giúp được cả ba bốn trăm người đi tu học xuất gia, huống chi giúp được cả loài ma quỷ, loài súc sanh, loài a-tu la, địa ngục, cảm hóa cho tất cả mười loài đều giác tỉnh đến nơi đến chốn, bỏ tham, sân, si và thành Phật cả.

Qua điểm so sánh giữa hạnh của Phật và chúng ta để thấy trình độ tâm lượng của chúng ta còn thấp lắm. Thêm vào đó, độ tận mười loài chúng sanh như thế mà không khởi tâm kiêu hãnh, ngênh mặt thấy mình có độ cho các loài chúng sanh đó, tức là không còn vướng vào ta, người, chúng sanh và thọ giả mà hóa độ. Không thấy có ta làm phước, không thấy có người kia được độ và không thấy có sự diệt độ. Tất cả niệm khởi hoặc là niệm về người, hoặc là niệm về vật, niệm về muôn ngàn hình tướng, bao nhiêu niệm, chúng ta đều cho lặn vào chỗ không sanh diệt, như thế gọi là hàng phục tâm và an trụ tâm. Các bồ tát độ tất cả

mười loài đều thành những vị Phật sáng suốt hữu ích như vậy mà không có một tơ vương vào chấp thủ nào hết thì biết khả năng của các ngài thật vĩ đại vô cùng, trí hiểu biết thông thường của loài người chúng ta khó tưởng tượng nổi.

---o0o---

II. KHÔNG TRỤ NƠI NÀO MÀ SANH TÂM

(Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm)

Đức Phật dạy: Nay các vị đại Bồ-tát, phải nên sanh tâm thanh-tịnh như vậy: chẳng nên trụ trước nơi sắc mà sanh tâm, chẳng nên trụ trước nơi thanh, hương, vị, xúc, và pháp, mà sanh tâm, nên "không-chỗ-trụ-trước" mà sanh tâm thanh-tịnh kia.

Một đoạn khác:

Bồ-tát phải rời lia tất cả tướng, phát tâm Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác. Chẳng nên trụ-trước nơi sắc mà sanh tâm, chẳng nên trụ-trước nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp, mà sanh tâm. Nên sanh tâm không trụ-trước vào đâu cả.

Đức Phật dạy chúng ta phải có trí tuệ Kim Cang Bát Nhã, không vương mắc vào sáu trần, không trụ nơi đâu mà sanh tâm. Đối với những hình tướng, những vọng thân, vọng tâm, vọng cảnh thì không chấp là ta thấy, ta nghe, ta ngửi, ta nếm, ta xúc, ta biết, đó là những chấp ngã. Khi thấy sắc là pháp, không chấp có ta thấy, không chấp những hình sắc là thật. Khi nghe âm thanh, cái ngã đã không thì âm thanh là những pháp ta nghe đâu có thật. Khi ngửi, cái ta ngửi đã không thì các pháp hương thơm, mùi hôi đâu không có thật. Khi nếm, các pháp ngọt chua, mặn lạt cũng đâu có thật; các pháp nóng, lạnh cũng không thật; các pháp trần bóng ảnh suy nghĩ tốt xấu cũng không có. Sự suy nghĩ đã là không thì những tốt xấu, phải trái, những vật này kia mà cái ta thấy biết đó, tất cả đâu có thật. Như vậy cả sáu căn và sáu trần đều không thật. Khi biết sáu cảnh sắc, thanh, hương vị, xúc, pháp hiện lên ở nơi sáu căn của mình là cái không thật, gọi là không chấp pháp. Khi biết không có thân, có vọng tâm, có vọng thức là mình thì gọi là không chấp ngã.

Khi nào đối với thân, tâm, cảnh, chúng ta không chấp trước, nhẹ nhàng buông xả, giữ tâm như như bất động thì đó là Như Lai tạng chứ không có gì lạ cả. Không trụ vào sáu căn¹⁵, sáu trần¹⁶ và sáu thức¹⁷ mà sanh tâm. Khi tâm đã sáng suốt không còn chấp vào ba thứ vọng đó thì tâm ấy đâu còn gọi là vọng tâm hay vọng thức nữa. Bản thể Như Lai Tạng là thân mình mà cũng ngay tất cả cảnh tượng xung quanh như ngôi chùa, núi đồi, bông hoa, cỏ lá rừng rậm đây. Chúng ta nên thật nhận biết được việc này. Đó là chân lý, là chỗ thấy chỗ biết của các bậc thánh nhân. Đức Phật đã chứng thấy được sự thật này, cho nên ngài đã

truyền đạt lại ý này trong kinh Kim Cang và các kinh Đại thừa. Chúng ta học trong kinh đại thừa thì chúng ta hiểu biết và tin tưởng nhưng thỡ ra chúng ta chưa có tu, chưa có chứng. Cho nên bây giờ phải tập, khi đối với cảnh, tâm chúng ta phải như như bất động thì đó là Như Lai, chứ không có gì lạ cả.

Như Lai là các Đức Phật, là các thánh nhân đã tu, đã chứng và ngộ nhập vào Như Lai Tạng. Còn bây giờ chúng ta chỉ mới có học hiểu, rồi nói trên đầu lưỡi, chứ những vô minh tế hoặc, ngũ trược¹⁸, năm ám¹⁹ vẫn còn bị bao phủ, chúng ta chưa phá được. Bây giờ chỉ cần tâm chúng ta như như bất động, nghĩa là ngồi yên, không có khởi vọng tưởng nào cả nơi sắc thanh hương vị xúc pháp, không trụ nơi đâu cả mà sanh tâm, nhưng như vậy chúng ta vẫn chưa thành Phật. Hiện tại chúng ta đang còn mê, đang còn trong vòng vô minh thì chúng ta chưa phải thật là Như Lai. Tánh thể là Như Lai nhưng mà còn bị năm lớp vô minh che đậy. Vì vậy, bây giờ phải tập dần không trụ vào các tướng của thân, trần và thức mà sanh tâm tức là tập buông vô minh để về với tánh thể. Ngài Huệ Năng nhân nghe câu pháp ngữ số hai: “Không trụ nơi nào mà sanh tâm” (Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm) này mà tâm đắc đốn ngộ thành Lục Tổ. Điều này cho thấy thâm ý của pháp ngữ rất mạnh mẽ giúp chúng ta nhìn thẳng bản thể để kiến tánh thành Phật, chứ đừng trụ một pháp nào mà sanh tâm.

---o0o---

III. HỄ CÓ TƯỚNG ĐỀU LÀ HƯ-VỌNG

(Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng)

Này Tu-Bồ-Đề! Ý của ông nghĩ sao? Có thể do nơi thân tướng mà thấy Như-Lai chăng?"

"Bạch đức Thế-Tôn! Không thể do nơi thân tướng mà thấy được Như-Lai. Bởi vì sao? Vì đức Như-Lai nói thân-tướng đó chính là chẳng phải thân-tướng".

Đức Phật bảo ông Tu-Bồ-Đề: "Đúng vậy! Phàm hề có tướng đều là hư-vọng cả!"

Một đoạn khác:

"Không chấp lấy nơi tướng, như-như chẳng động?" Bởi vì sao?

Tất cả pháp hữu-vi Như mộng, huyễn, bào, ảnh Như điện, cũng như chớp.

Hãy quán chiếu như vậy.

1. Tướng là hư vọng

Trong Phật giáo đại thừa hầu như ai cũng thuộc lòng câu: “Tất cả tướng đều là hư vọng” (Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng). Chúng ta không sống với

sự thật mà cứ sống với cái giả. Hiện tại thấy thân này là thân của mình (ngã) rồi thấy các vị xung quanh là bạn bè của mình (pháp). Khi còn thấy có ngã và pháp là chúng ta chưa có công phu định lực, chưa có con mắt của Trí Kim Cang và chưa thấy tất cả chúng sanh đều là tánh Kim Cang Bát Nhã. Chúng ta cứ thấy con kiến là con kiến, con sâu là con sâu, con gà vịt heo là thực phẩm của mình. Thế là chúng ta bắt nạt con gà vịt heo, cưỡng lấy thân mạng của chúng. Thấy con kiến nhỏ thì dí chơi trong khi thấy con voi, con sư tử thì sợ, chạy đi. Đó là chúng ta cho các tướng là thật cả cho nên khởi đủ loại tâm nay sợ mai không sợ, nay yêu mai ghét, nay giận mai hờn. Cứ như vậy cả ngày, cả đời, cả nhiều đời, từ đời này sang kiếp khác, sống với những bóng ảnh, những hình tướng chứ không đi tìm sự thật. Bây giờ hiện tại đời sống của chúng ta là giả cho đến thờ ông Phật cũng bằng giấy, bằng đồng, bằng xi măng cốt sắt là những tướng giả, chớ Phật thật trong tâm thì chúng ta lại quên.

Như Lai nói tất cả tướng không phải là tướng, tất cả chúng sanh không phải là chúng sanh. Tướng là nói về ngã và pháp. Sáu trần là pháp chấp; còn nói về ta, người, chúng sanh, thọ giả là ngã chấp. Mỗi chúng ta bị mây pháp chấp và ngã chấp che mù như bà già mù đi trong rừng xương sọ. Hiện nay chúng ta đang vướng ở chỗ nào? Trong thì chấp ta, người, chúng sanh, thọ giả; ngoài thì vướng mắc sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Chúng ta phải buông cả ngã chấp và pháp chấp vì tất cả tướng đó chỉ là điện chớp, bóng ảnh mộng huyễn, tạm hiện lên trong chốc lát rồi tan.

Hàng ngày tập cửu tướng quán²⁰ để thấy minh bạch thân này không phải ta, chỉ là đất nước gió lửa, là bất tịnh. Tập quán mọi người là đất, nước, gió, lửa giả hiện nhưng tất cả vẫn có tánh thật tức là tánh thấy, tánh nghe, tánh biết đau, biết đón. Tánh ấy không hình, không tướng như hư không, thường trụ khắp pháp giới, đồng thể với Phật. Thân hiện tại là giả hiện do nghiệp báo hiện lên một thời gian như ánh chớp lóa sáng rồi sẽ tan. Thân mình không thật, thân người cũng không thật. Thân con chó, mèo, bướm, sâu và mười loài chúng sanh cũng không thật. Mặc dù thân súc sanh giả hiện như thế, nhưng tánh của nó là thật. Loài vật cũng biết đau đón như người. Hàng ngày chúng ta tiếp xúc với mọi người, với mọi vật, tập nhận ra sự thật giữa mình, người và mười loài chúng sanh. Phải tập quán tánh bình đẳng, không phân biệt, sống với sự giác tỉnh, sống với tất cả tuệ giác, biết sự thật, không bị đánh lừa, không bị cảnh lôi cuốn, không yêu cũng không ghét khi sáu căn tiếp xúc sáu trần. Cảnh dù hấp dẫn lôi cuốn đến đâu, chúng ta cũng giữ chánh niệm, biết các hình tướng là hư vọng. Gặp cảnh dù trái ý đến đâu, gặp hình tướng dù đẹp đến thế nào, chúng ta cũng nên biết sự thật rằng tất cả là hư vọng mộng huyễn, cho nên cứ một lòng từ bi, hỷ xả đối với mọi vật, mọi người đây giả huyễn này. Hàng ngày học kinh, chúng ta phải nhớ Đức Phật dạy minh bạch rằng tánh Kim Cang Bát Nhã mới là tánh của mình, còn

những hình tướng hiện tại đây như ta, người, chúng sanh đều là những tướng hư vọng. Cảnh đang sống đây dù sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, thứ nào đều cũng là hư vọng. Hàng ngày chúng ta quán và thấy hình sắc chỉ là sự giao tiếp với bóng ảnh trong mắt; do ánh sáng mặt trời chiếu vào con mắt, theo hai trần sáng và tối mà hiện ra bóng ảnh. Mắt người thấy hình khác, mắt loài vật như mắt con cua, mắt con cá thì thấy ra hình ảnh khác. Tùy theo nghiệp mỗi loài mà hình ảnh hiện ra có khác nhau. Như vậy, mới biết những gì chúng ta thấy là chúng ta không thấy được sự thật mà chỉ thấy qua bóng ảnh và bóng ảnh này lại chỉ theo duyên và nghiệp mà giả hiện chứ nó không phản ánh đúng sự thật bên ngoài.

Những gì chúng ta đang thấy là trong mê lầm gọi là kiến hoặc (cái nhìn sai lầm). Tỉnh ra và phá được kiến hoặc gọi là chứng Tu-đà-hoàn. Phá được tư hoặc (suy nghĩ sai lầm) sẽ chứng A-na-hàm, quả vị á-thánh của Tiểu thừa. Nếu ngay nơi thân giả tạm này đây mà chúng ta nhận được tánh đang nghe, đang thấy, đang nếm, đang ngửi là tánh Kim Cang Bát Nhã thì chúng ta sẽ thành Phật.

2. Xâu Chuỗi Bong Bóng

Trong Kinh Bách Dụ²¹ có kể câu chuyện: có một cô công chúa đang dạo chơi ở vườn thượng uyển. Lúc đó, mưa từ trên mái cung điện rơi xuống tạo thành vũng nước có những quả bong bóng xinh xinh. Thế là cô công chúa đòi hoàng hậu xâu cho mình một chuỗi bong bóng mưa đó để chơi. Hoàng hậu từ chối. Công chúa liền giận và khóc đòi cho bằng được. Vua và hoàng hậu dỗ dành không được và đành bó tay. Trong triều đình, có một ông quan già thấy vua và hoàng hậu không vui vì không biết làm thế nào chiều theo ý cô công chúa được, nên vị quan phát tâm sẽ đến để xâu chuỗi bong bóng cho cô đeo. Cô công chúa mừng quá và hí hửng đợi ông quan xâu chuỗi cho mình. Vị quan mới bảo rằng tôi biết xâu nhưng tôi không biết hạt nào vừa ý công chúa, xin công chúa tự chọn đi, đưa từng hạt lên để tôi xâu. Công chúa liền cúi xuống vũng nước và đưa tay vớt những hạt tròn to và đẹp nhất, nhưng hạt nào vừa vào tay công chúa thì tan bở ra. Công chúa nhặt mãi chẳng được hạt nào nên chán quá, không thèm đòi xâu những hạt bong bóng nữa. Lúc đó, vua mới ban cho công chúa một chuỗi hạt kim cương thật đáng giá nghìn vàng và công chúa rất vui nhận lấy, không thèm đòi chuỗi bong bóng nữa. Vị vua đó chính là tiền thân của Đức Phật, còn công chúa là chúng sanh.

Câu chuyện này cho chúng ta thấy vô tướng là hơn hết, là chân thật, còn các hình tướng khác đều tan nhanh như xâu chuỗi bong bóng của cô công chúa. Trí tuệ Bát Nhã vô tướng là chân tâm thật của mình. Đức Phật vừa giáng sanh một tay chỉ lên trời, một tay chỉ xuống đất và nói rằng: “Trên trời dưới đất chỉ có cái Ta là đáng tôn, đáng quý”, còn tất cả những chuyện thế gian đều hư vọng hết. Cuộc đời sanh tử đều hư vọng, thân như bong bóng nước, chọt còn, chọt mất,

biến hóa suốt ngày. Quang cảnh cũng thế vừa mưa rồi chợt nắng, vừa mới sáng rồi lại tối. Nay chuyện này mai chuyện khác như bóng bóng nước huyền hóa, vừa thấy nó đẹp, đưa tay chớp lấy thì nó tan liền, đấy là những cái không có.

Còn bây giờ quay trở về, học kinh Kim Cang sống với chân tâm, tánh Phật, vô lượng quang, vô lượng thọ, tánh thật của mình thì sẽ thường còn mãi, không có chợt hiện, chợt tắt. Cho nên, Đức Phật vừa giáng sanh Ngài đã dạy chúng ta buông những hư vọng mà trở về với cái thật. Đức Phật cả đời giảng kinh, chỉ dạy cho chúng ta buông hư vọng và sống với chân thật. Cuối đời, Đức Phật cũng buông thân hư vọng để trở về cảnh giới Niết bàn. Như vậy, Ngài đã thấy được tánh thật, Ngài đã an định trở về tánh của Ngài. Còn chúng ta nếu không vâng lời Ngài, sống với tâm thân hình sắc này rồi sẽ già, bệnh, chết đi thì sẽ bơ vơ không nơi nương tựa. Vì thế, Đức Phật dạy: “Này Tu-bồ-đề! Ta nói thật, các ông phải tin và quan sát mà tập tỉnh ra, buông hư vọng mà trở về sống với cái thật”. Chúng ta từ nhỏ đến lớn, ăn cơm uống nước bào chế ra máu, bào chế ra da thịt, tạo ra đồng đất này, rồi hít thở không khí, lãnh nắng ấm mặt trời để giữ thân và nương tựa vào thân này, sống chết với cái này và cứ thế vẫn theo thói quen vào vào những giả tạm trong nhiều đời kiếp. Bây giờ chúng ta sống với tâm chân thật vô tướng của mình. Tuy biết là vô sanh bất diệt nhưng thật ra tâm mê của chúng ta vẫn cứ chạy theo những hình tướng hư vọng, cứ biến hóa hết thân này sang thân khác. Vì vậy, Đức Phật khẳng định rằng ngài nói lời chân thật, Tu-bồ-đề hãy để ý và tất cả chúng ta cũng nên để tâm hiểu ý nghĩa rằng: “Hễ cái gì có tướng đều là hư vọng”.

---o0o---

IV. NẾU THẤY CÁC TƯỚNG KHÔNG PHẢI TƯỚNG TỨC LÀ THẤY ĐƯỢC NHƯ LAI

(Nhược kiến chư tướng phi tướng, tất kiến Như Lai)

“Thân tướng chính là chẳng phải thân tướng. Vì nếu nhận thấy các tướng đều là không phải tướng, chính là thấy Như-Lai”.

... “Rời lia tất cả tướng, chính đó gọi là chư Phật”.

Như Lai là Phật, nhưng không phải Đức Phật có 32 tướng tốt và 80 tướng phụ như ở Ấn-độ cách đây 2600 năm mà chúng ta đang tượng hình ngài để thờ. Thân Phật tại Ấn độ cũng là đất nước gió lửa, không thật. Thân chúng ta đây cũng không thật vì được làm bằng đất, nước, gió, lửa nhưng chúng ta vẫn phải nương thân hình này để mà phân biệt đây là cô A, cô B, cô C cho không có lẫn lộn. Đức Phật có 32 tướng, chúng ta không có 32 tướng, như vậy chúng ta là chúng ta và Phật là Phật, chứ không thể nói là một được. Vậy chúng ta phải xử lý thế nào với những hình tướng giả đó? Đối với những tướng giả chúng ta đừng

nên cố chấp. Phải buông những giả huyền và nắm cái thật và cũng phải biết rằng những cái giả này nó từ cái thật mà hiện ra, cho nên kinh Kim Cang nói “Lìa những tướng giả, đó chính là Như Lai”.

Từ pháp thân Phật thật mới có hoá thân 32 tướng của Đức Phật Thích Ca. Còn chúng ta từ tâm tham, sân, si, vô minh ái nhiễm mà hiện ra thân cô A, cô B, cô C. Biết là giả tạm thì đừng nên cố chấp và mất thời gian vào các tướng huyền ảo. Chúng ta học Phật là để tìm ra sự thật. Nhưng mặt khác cũng đừng nghĩ rằng các tướng là giả, rồi thấy tượng Phật không thêm lễ thì không nên. Thật ra, chính từ cái giả, từ những biểu tượng bằng đồng, bằng giấy ấy, mới có Phật thật. Vì thế, khi vào chùa chúng ta học Tứ-niệm-xứ, học các kinh của Phật giáo Nguyên Thủy trước, để thấy các pháp là giả và sau đó chúng ta cũng phải vội vàng học kinh Lăng-nghiêm, kinh Kim Cang và các kinh Đại Thừa để nhận ra cái thật là bản thể của các pháp. Đức Phật thật vẫn có mặt ở nơi Phật giả, bởi vì Phật thật là pháp thân ở khắp pháp giới chỗ nào cũng có ngài. Ở cái chuông, ngọn cỏ, lá hoa đều là Phật. Cho nên, thấy Phật giả bằng xi măng, bằng đồng thì vẫn lễ, chứ đừng bảo đây là Phật giả nên không để tâm làm gì thì sẽ thiệt thời sự phước đức của chúng ta. Vì nếu bỏ Phật giả ra để đi tìm Phật thật thì tìm ở đâu? Chúng ta tìm sẽ không có và chúng ta sẽ thấy mênh mông bát ngát không biết lối nào mà tìm.

Thế cho nên, chúng ta phải y vào 32 hảo tướng của Đức Phật để tìm ra Phật thật. Cũng giống như chúng ta phải y vào thân căn giả tạm này của chúng ta để nhận lấy tánh thấy, tánh nghe nơi bản thân mình là thật, rồi từ đó sẽ nhận ra pháp thân thường trụ là Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật này. Vì vậy, chúng ta đừng cố chấp vào lời nói là giả rồi buông hết. Chúng ta y theo lời nói nhưng phải hiểu rằng đây mới là một phần của lẽ phải và trong lẽ phải này chúng ta phải tìm ra chân lý nữa. Đó là trong giả có cái thật, nương cái giả để thấy cái thật.

Pháp ngữ thứ bốn này nói: “Thấy các tướng đều không phải tướng, chính là thấy Như-Lai”. “Như Lai” là chỉ cho pháp thân không sanh không diệt sẵn có của Phật và của tất cả chúng ta. Pháp thân Phật này đồng thể với pháp thân của chúng ta. Nhận được nơi chúng ta thì cũng nhận ra ngài. Đức Phật có tánh biết, tánh nghe như chúng ta. Thể tánh ấy thường trụ ở khắp pháp giới. Phật pháp thân là tánh thể chẳng sanh, chẳng diệt, sẵn có nơi mọi người, mười loài chúng sanh và cả muôn loài vạn tượng, cả cây ổi, cây xoài và khắp sơn hà đại địa, vạn tượng thế gian. Bây giờ chúng ta tạm mượn hình tượng Phật giả để thờ và để nhớ đến Phật thật. Nhưng khổ nỗi! Lỗi của chúng ta là lại quen sống với cái giả và cứ hay quên cái thật. Những cái không hình không tướng, không hiện ra hình tướng thì chúng ta lại dễ hay quên. Thế cho nên chúng ta phải nhớ đến cái thật, đừng cố chấp đến cái giả. Chúng ta chỉ mượn cái giả để tìm cái thật. Đừng khư khư cố chấp cho Phật hình tượng là xi măng cốt thép, ngồi trên chùa, không biết

gì hết, còn chúng ta ở dưới nhà bếp này tha hồ làm những điều sằng bậy thì không nên.

Chúng ta học Phật phải để ý đến ý nghĩa ẩn bên trong văn tự, bởi vì lời nói nhiều khi dễ bị hiểu lầm. Lời nói không đủ để hiểu được sự thật. Sự thật lại không hình không tướng nên chỉ tạm dùng lời nói để phô bày tánh vô tướng đó nên dễ bị hiểu lầm lắm. Kinh dạy là Pháp nhãn tức bình tĩnh kiên trì học đạo để hiểu “pháp vô sanh pháp nhãn của Phật”. Lý là lìa tướng, là Phật, nhưng thật ra vẫn y nơi sự là tướng giả mà trở về. Lý sự phải dung thông nhau.

---o0o---

V. DÙNG SẮC ĐỂ THẤY NHƯ LAI LÀ TÀ ĐẠO

Này Tu-Bồ-Đề! Nơi ý của ông nghĩ thế nào? Có thể do nơi ba-mươi-hai tướng mà xem là đức Như-Lai chăng?"

Tu-Bồ-Đề bạch rằng: "Đúng thế! Đúng thế! Do nơi ba mươi hai tướng mà xem là đức Như-Lai".

Đức Phật dạy rằng: "Này Tu-Bồ-Đề! Nếu do nơi ba mươi hai tướng mà xem là đức Như-Lai đó, thời vua Chuyển-Luân-Thánh-Vương chính là đức Như-Lai rồi!"

Tu-Bồ-Đề bạch với đức Phật rằng: "Bạch đức Thế-Tôn! Theo như con hiểu nghĩa-lý của đức Phật nói, thời chẳng nên do nơi ba-mươi-hai tướng mà xem là đức Như-Lai".

Bấy giờ đức Thế-Tôn liền nói kệ rằng:

Nếu dùng sắc thấy ta, Dùng âm thanh cầu ta, Người ấy tu đạo tà!

Chẳng thấy được Như-Lai.

1. Pháp thân Đức Phật thường trụ khắp pháp giới

Như vậy, nếu chúng ta lấy hình tượng thân kim sắc của Phật để thờ Phật, lấy âm thanh “Nam mô A Di Đà Phật” mà niệm Phật cũng là tà đạo sao? Thật ra, như các Tổ thường nói: đây là dùng phương tiện để thờ, đáng lẽ là quán tưởng thân Phật, nhưng có những người không quán được nên các Tổ phải đặt ra bài kệ:

Phật chúng sanh tánh thường rỗng lặng

Đạo cảm thông không thể nghĩ bàn

Lưới Đế Châu ví đạo tràng

Mười phương Phật Bảo hào quang sáng ngời

Trước bảo tọa thân con ảnh hiện

Cúi đầu xin thệ nguyện quy y.
(Năng lễ sở lễ Tánh Không tịch,
Cảm ứng đạo giao khó nghĩ bàn
Ngã thử đạo tràng như Đế Châu.
Thập phương chư Phật ảnh hiện trung.
Ngã thân ảnh hiện chư Phật tiền,
Đầu diện tiếp túc quy mạng lễ).

Năng lễ là chúng ta, sở lễ là Phật đang nhận lễ, không tịch là các Ngài có tánh Phật không hình không tướng tịch tĩnh, ứng biết khắp nơi. Cho nên khi chúng ta tha thiết một lòng lễ và quán tưởng đến ngài thì sẽ có sự cảm ứng diệu dụng hoà hợp của đôi bên không thể nghĩ bàn. Đức Phật có nguyện cứu độ chúng sanh nên chúng ta vừa cầu, vừa cảm thì ngài liền có ứng, hiển hiện. Sự cảm ứng này vừa nhanh chóng, hiệu lực, lợi ích và vi diệu cho người lễ. Đức Phật ở khắp mười phương, nên đứng góc nào lễ, chúng ta đều nhận được sự cảm ứng không thể nghĩ bàn. Cảm xúc thiêng liêng rất khó diễn tả bằng lời được.

2. Chấp Ba mươi hai tướng của Như Lai là tà đạo

“Tà đạo” nghĩa là chúng ta lúc nào cũng khư khư chấp vào sắc tướng, âm thanh, rồi bị sắc tướng, âm thanh đánh lừa. Do bị đánh lừa nên không tìm được Phật thật, không thấy được tánh tịch tĩnh và không nhận được sự cảm ứng khó nghĩ bàn của người lễ và người nhận lễ đó, nên làm cái gì cũng sai với ý đạo, trở thành ngoại đạo.

Hào tướng của Đức Phật là ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp. Sắc thân là đầy đủ mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý và các phần của thân. Còn chúng ta chưa có ba mươi hai hào tướng như Đức Phật nhưng sắc thân chúng ta vẫn có đầy đủ mắt tai mũi lưỡi, nhưng đó là trược thân, chứ không phải là thân phạm hạnh phước báu như Đức Phật. Ngài Tu Bồ Đề hỏi: “Nếu nói thấy sắc thân Phật thì có thấy Phật không?” Đức Phật bảo: “Ai thấy sắc thân Phật tức không phải thấy Phật. Vì có sao? Vì Như Lai nói đầy đủ sắc thân tức chẳng phải đầy đủ sắc thân mới gọi là sắc thân”. Đây là phong cách và pháp ngữ thứ năm của Kim Cang.

Đầy đủ sắc thân của Đức Phật là tướng Thái tử Sĩ-đạt-đà ở Ấn Độ cách đây 2600 năm thì chúng ta ai cũng biết. Có những Đức Phật như Phật Quan Thế Âm Nam Hải, Phật Chuẩn Đề nghìn mắt nghìn tay, Phật Dược Sư cầm châu sáng... Hóa thân và ứng thân của chư Phật và chư Bồ tát có vi trần tướng hảo, vô số hình sắc, nhưng thật ra pháp thân của các ngài vốn đồng thể không hình, không tướng, ở khắp pháp giới. Kinh Kim Cang Bát Nhã dạy: “Phàm có hình tướng thì không phải là thật”, chỉ là tướng hóa hiện giả tạm mà thôi. Vì thế, các tướng là chuyện

hư vọng của cuộc đời phàm phu của chúng ta, còn Đức Phật thì không có sắc thân cũng không có hình tướng. Lìa pháp, lìa tướng tức là lìa chấp pháp và chấp tướng là Như Lai. “Như Lai” là nói về pháp thân chứ không phải nói về sắc thân hay hóa thân. Đức Thích Ca minh bạch rằng nếu thấy sắc thân ba mươi tướng mà cho là thấy Đức Phật Thích Ca, tức không thấy Như Lai. Mỗi người chúng ta đều có Pháp thân. Như Lai tức là tánh Phật vốn có của chúng ta. Chúng ta tuy có tánh Phật thật nhưng chúng ta chưa hiển lộ ba mươi hai tướng và còn mang tướng nghiệp báo của thân người.

Trong kinh Phật thường dạy rằng ai có đủ ba mươi hai tướng tốt của loài người thì đó là một con người hoàn mãn. Đó là tướng hảo cụ túc của loài người chứ không phải là thật tướng của đức Phật. Do muốn độ thế giới ta bà, nên Đức Phật mới hiện thân con người với ba mươi hai tướng tốt của loài người để độ sanh, chứ Đức Phật thì có vi trần tướng hảo ở khắp pháp giới, chứ không phải chỉ có ba mươi hai tướng này thôi. Trong kinh cũng nói minh bạch rằng các vị Chuyển Luân Thánh Vương đều có đủ ba mươi hai tướng, nghĩa là hễ ai làm chúa tể trong loài người đều có tướng đẹp hoàn mỹ như thế. Đức Phật Di Lặc trong thời Phật có đủ ba mươi hai tướng bởi vì ngài cũng sắp sửa thành Phật nên cũng có tướng phước báu của ba mươi hai tướng hảo và tám mươi tướng phụ. Đức Phật Di Lặc bụng tròn mà cười với sáu chú lục tặc là Bồ Đại Hòa Thượng, là đức Phật Di Lặc của người Trung Hoa. Nhiều vị đệ tử của Phật như tôn giả A-nan, Ca Diếp, Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên cũng có những tướng hảo như Phật.

Đức Phật Thích Ca có ba mươi hai tướng tốt thì trong đó có một tướng là vô kiến đánh tướng²². Các bồ tát và Chuyển Luân Thánh Vương có thể có ba mươi hai tướng tốt nhưng chưa thể có tướng vô kiến đánh tướng, chỉ có bậc giác ngộ chúng vô thượng chánh đẳng chánh giác như Đức Phật mới có. Những vị chưa giác ngộ như Phật thì khó thấy được vô kiến đánh tướng này. Các bậc Chuyển Luân Thánh Vương có đủ ba mươi hai tướng. Nếu chúng ta chấp vào ba mươi hai tướng là tướng sắc thân tốt đẹp, tướng quý báu sống lâu, tướng trí tuệ sáng suốt là tướng của Đức Phật thì Chuyển Luân Thánh Vương cũng có ba mươi hai tướng như vậy thì Chuyển Luân Thánh Vương cũng là Đức Phật hay sao? Cho nên không thể chấp ba mươi hai tướng là tướng của Như Lai được.

Phàm cái gì có tướng cũng đều mộng huyễn bởi vì chính hình tướng đâu có thật. Hình tướng là do nương tựa sắc thân mà hiện ra nhưng chính sắc thân là cái không có. Sắc thân là đất nước gió lửa mà đất nước gió lửa đâu có hình tướng cố định bởi lẽ hễ cái gì có hình tướng thì đều là hư vọng. Ở đây, Đức Phật lấy ngay thân của ngài để làm bằng chứng. Thân của Đức Phật là bậc chứng được vô thượng chánh đẳng chánh giác mà còn là hư vọng thì bao nhiêu các thân uế trước như chúng ta đây đều không có thật. Cho nên, Đức Phật không cần nói những thân khác, ngài chỉ lấy ngay thân của ngài để minh bạch rằng sắc thân và

hình tướng là hư vọng huyền ảo. Lìa cả sắc lìa cả tướng thì mới sống với tánh Kim Cang Bát Nhã này được.

3. Nhập Tánh Không để đón pháp thân vô tướng của Đức Phật

Tôn giả Tu Bồ Đề rất khéo diễn thuyết Tánh Không cũng như khéo ứng dụng diệu lý không trong các động tác đi đứng nằm ngồi và suy nghĩ của mình. Cho nên ngài nghĩ rằng nghênh đón Đức Phật tức là đón Pháp thân thường trụ khắp nơi, chứ không phải thân kim sắc 32 tướng của Đức Phật. Có câu chuyện²³ như sau:

Lúc đó, sau ba tháng đức Phật giảng pháp cho mẫu hậu Ma Da tại cung trời Đao Lợi nghe và ngài chuẩn bị trở về lại cõi ta bà. A Na Luật báo cho đại chúng biết Đức Phật sắp trở về, ai cũng tranh nhau xuống núi trước để được coi là người nghênh đón đức Phật trước nhất. Lúc bấy giờ tôn giả Tu Bồ Đề đang ngồi vá áo trong động Kì Xà. Khi nghe được tin này, liền buông kim chỉ đứng dậy, định cùng mọi người đi nghênh đón Phật, nhưng rồi một ý nghĩ dấy lên trong tâm tư, tôn giả liền ngồi xuống lại như cũ, lòng thâm nhủ: “Ta đi nghênh đón đức Phật để làm gì? *Chân thân của Phật không thể nhìn thấy được ở mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý của Phật.* Nếu bây giờ ta đi nghênh đón Phật có nghĩa là ta lấy cái thân tứ đại giả hợp kia làm pháp thân Phật; và như thế tức là ta đã không biết gì về tính không của các pháp. Nếu không viết gì về tính không của các pháp thì không thể nhìn thấy pháp thân của Phật, Tính không của các pháp hay pháp thân của Phật không phải là chủ thể tạo tác, cũng không phải là vật được tạo tác; vì vậy, muốn trông thấy Phật, trước hết phải thấy rõ tính chất vô thường của năm uẩn, bốn đại, cũng như tính chất vô ngã, không tịch của vạn tượng, Không có ta, không có người; không có vật tạo tác, không có vật được tạo tác. Tất cả vạn pháp là không tịch, pháp tính bao trùm mọi nơi, pháp thân Phật không có chỗ nào là không hiện hữu. Ta qui y và hành trì giáo pháp của Phật, đã thể chứng được diệu lý không của các pháp thì không thể nào để cho sự tướng làm mê hoặc”.

Vì nghĩ như vậy cho nên tôn giả không theo mọi người xuống núi, tiếp tục vá áo một cách thông thả, thân nhiên.

Đức Phật từ thiên cung trở về là một việc vui mừng rất lớn đối với tăng đoàn. Tất cả mọi người mặt mày hớn hở. Ai cũng mong được gặp Phật và lạy Phật trước nhất. Bấy giờ trong chúng tì kheo ni, ni sư Liên Hoa Sắc là người có thần thông bậc nhất. Ni sư đã nhanh chân xuống núi trước nhất, vừa đánh lễ đức Phật, vừa thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con là Liên Hoa Sắc, xuống nghênh đón Thế Tôn trước tiên, xin cho con được đánh lễ Thế Tôn. Đức Phật mỉm cười và dịu dàng bảo:

- Ni sư Liên Hoa Sắc! Lần này Như Lai trở về, người nghinh đón Như Lai trước nhất không phải là ni sư đâu!

Liên Hoa Sắc cực kì kinh ngạc. Ni sư nhìn quanh quất, chừ tăng và chừ ni, kể cả các vị trưởng lão của tăng đoàn như tôn giả Đại Ca Diếp, cũng vẫn vừa mới xuống tới, còn đang ở sau lưng mình kia mà! Lòng rất đỗi hoài nghi, ni sư bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Vậy thì còn có vị nào đã tới đây trước con?

Vẫn nụ cười từ hòa, đức Phật nhìn khắp lượt đại chúng, vừa trả lời ni sư Liên Hoa Sắc, vừa như muốn bảo chung cho đại chúng biết:

- Chính Tu Bồ Đề là người đã nghinh đón Như Lai trước nhất. Tu Bồ Đề đang ở trong động Kỳ Xà, quán chiếu thấy rõ tính không của các pháp, thấy rõ được *pháp thân của Như Lai là vô tướng*, như thế mới chính thực là nghinh đón Như Lai trước nhất.

Nghe Phật dạy như thế, ni sư Liên Hoa Sắc cùng tất cả đại chúng hiện diện đều lấy làm hổ thẹn, tự biết mình không sánh kịp với Tu Bồ Đề trong việc chứng nghiệm Tánh Không mà pháp ngữ Kim Cang dạy: “Dùng sắc để thấy Như Lai là tà đạo”. Như vậy, chỉ có người chứng ngộ mới thấy được sự thật rất ráo và mới thoát khỏi các hiểu biết hạn hẹp sai lầm do chấp tướng mà sanh ra.

---o0o---

VI. TÂM QUÁ KHỨ, HIỆN TẠI & TƯƠNG LAI LÀ BẤT KHẢ ĐẮC

Đức Phật bảo Tu-Bồ-Đề: "Bao nhiêu thứ tâm niệm của tất cả chúng sanh trong ngàn ấy cõi nước, đức Như Lai đều biết rõ. Bởi vì sao? Vì đức Như Lai nói các thứ tâm đều là chẳng phải tâm, mới gọi là tâm. Vì có sao thế? Nay Tu Bồ Đề! Tâm quá khứ không có chi mà đặng, tâm hiện tại không có chi mà đặng, tâm vị lai không có chi mà đặng".

1. Chuyện Tổ Đức Sơn với Ba Tâm Bất Khả Đắc

Sư Đức Sơn họ Chu, quê ở Kiến Nam, Giản Châu, xuất gia lúc 20 tuổi. Sư rất lâu thông tam tạng: kinh, luật và luận. Bởi ngài thường giảng Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật nên mọi người thường gọi Tổ là Chu Kim Cương (Pháp sư Chu hay giảng Kinh Kim Cang).

Pháp sư Đức Sơn giống như ngài Thần Tú ở phương Bắc²⁴ chuyên lấy sách vở chữ nghĩa và các học vấn uyên bác làm quan trọng. Cả hai ngài đều học hết kinh sách này sang kinh sách khác, cả trăm bộ kinh sách và boi lội trong biển văn chương chữ nghĩa. Một hôm, sư nghe ở miền

Nam có giáo pháp của tổ Huệ Năng chuyên dạy: “bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền, trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật” nghĩa là chỉ thẳng tâm người thấy tánh thành Phật, chứ không dùng văn chương chữ nghĩa. Muốn thành Phật phải quay về nhận tâm của mình thì sẽ thành Phật. Pháp sư Đức Sơn mới cho là Tổ Huệ Năng và Tổ Long Đàm (vị kế thừa tông chỉ thiền của Tổ Huệ Năng) nói không đúng, vì sư Đức Sơn đã học biết bao nhiêu kinh sách, học cả tam tạng kinh điển, còn chưa thành Phật, ngay cả ngài Thần Tú còn chưa thành Phật và còn biết bao nhiêu vị thầy giáo thọ tài giỏi khác cũng vậy. Quý ngài uyên bác biết bao nhiêu mà còn chưa đến đâu, còn chưa vào đâu, hướng chỉ là nói không cần học kinh điển gì cả, không lập văn tự, chỉ quay về soi tâm mình, minh tâm kiến tánh, là thành Phật, nói dòng giống Phật. Sư Đức Sơn cho là vô lý, là nói không đúng. Sư Đức Sơn mới đem tất cả mấy trăm quyển sách luận giảng về Kim Cang Bát Nhã đến đỉnh núi để gặp đệ tử của Lục tổ Huệ Năng là ngài Long Đàm để chấn vấn.

Sư bèn khăn gói lên đường, mang theo bộ *Thanh Long số sao* tới Lễ Châu. Khi đến chân núi thì mệt quá nên sư ngồi nghỉ mệt. Sư gặp một bà lão bán bánh rán, bảo bà bán vài cái bánh để sư dùng điểm tâm. Bà lão bán hàng thấy sư khuôn vác đầy nặng to đùng, nên hỏi thế sư vác cái gì mà nhiều thế? Sư trả lời: “Thanh Long số sao (Luận Giải của các Tổ về Kinh Kim Cang)”. Bà lão nói rằng: “Tôi có thắc mắc một câu hỏi, nếu sư đáp được, tôi xin cúng dường bánh điểm tâm. Bằng đáp không được, mời sư đi nơi khác”. Sư ưng ý, bà liền hỏi: “Tôi nghe trong kinh Kim Cang có *pháp ngữ*: Tâm quá khứ bất khả đắc, tâm vị lai bất khả đắc, tâm hiện tại bất khả đắc. Vậy sư muốn mua bánh để điểm tâm nào?”

Sư mới giật mình không biết mình ăn bánh này là để điểm tâm nào? Đúng là bà lão đã nói đúng pháp ngữ số sáu của kinh Kim Cang về ba tâm đều bất khả đắc cả. Vậy bây giờ mua bánh ăn thì điểm tâm nào? Sư không trả lời được câu đó nên sư đành để bụng đói, ôm đầy sách Kim Cang nặng nề ấy đi lên núi. Sư leo đến cửa động của Tổ Long Đàm, không thấy ai cả. Sư liền nói lớn lên:

“Nghe danh Long Đàm đã lâu, nay đến đây, đàm (đàm) cũng chẳng thấy, rồng (long) cũng chẳng hiện”.

Lúc đó Tổ Long Đàm bước ra trả lời: “Người đã tới Long Đàm rồi”.

Sau đó sư ở đó tu học. Một đêm, sư đứng hầu. Tổ Long Đàm bảo:

“Đêm khuya sao chẳng xuống?”

Sư kính chào bước ra, lại trở vào thưa: “Bên ngoài tối đen, con không thấy đường đi”. Tổ Long Đàm thấp đèn đưa Sư. Sư toan tiếp lấy, Tổ Long Đàm liền thổi tắt cây đèn dầu. Sư Đức Sơn bỗng nhiên đại ngộ, tất cả kiến chấp chữ nghĩa đều tan vỡ, quì xuống lễ bái. Tổ Long Đàm hỏi: “Người thấy gì?”

Sư thưa: “Từ nay về sau chẳng còn nghi lời nói chư Hoà thượng trong thiên hạ”.

Câu chuyện dừng đến đó. Vì sao Tổ Long Đàm thổi tắt đèn thì Sư Đức Sơn đôn ngộ? Đèn là vật trợ duyên bên ngoài. Kinh sách là bên ngoài. Hãy dùng đèn trí tuệ của mình, tức hãy vận dụng công phu tu tập quay lại soi mình, mình tâm kiến tánh ngay mình, đừng xách đũa đi tìm Phật bên ngoài. Quay về bên trong thì ai cũng có thể làm được, không cần người đó phải thông minh, học giỏi, phải có bằng cấp, văn chương chữ nghĩa nhiều. Đến đây Sư Đức Sơn cảm thấy nhẹ nhõm vì tất cả nghi ngờ từ lâu đều tan biến như trời trong vắt, không có mây che. Ngài không còn nghi ngờ về các pháp ngữ của các tổ nói rằng: Không cần học kinh điển gì cả cũng có thể thành Phật và vững chắc lòng tin rằng: chỉ cần soi tâm mình lại và mình tâm kiến tánh là có thể thành Phật.

Như bà lão bán hàng xén ở chân núi hiu quạnh xa xôi, không có học chữ nào cũng là một vị đã minh tâm kiến tánh, đưa ra câu pháp ngữ thứ sáu để chấn vấn sư Đức Sơn. Bà lão ấy đâu có sức học mênh mông uyên bác như sư Đức Sơn và đáng lẽ với sức học cả trăm cuốn luận giải như thế thì sư đã có thể đối đáp được câu hỏi của bà. Câu chuyện của bà lão giúp sư Đức Sơn giảm bớt kiêu ngạo và bằng chứng cho thấy chứng ngộ tâm là có thể thành Phật, không cần chữ nghĩa nhiều. Là những bậc chân tu thì không có kiêu ngạo, tự cao, tự đại. Chính sau đó, Tổ Long Đàm cũng đánh thức tự tâm của ngài Đức Sơn bằng cách thổi tắt đèn để ngài Đức Sơn phải quay về bên trong, tự dùng đèn trí tuệ của mình, buông các đèn của kiến thức văn chương chữ nghĩa đi, cho nên nhà thiền hay chủ trương: “Bất lập văn tự, kiến tánh thành Phật”.

Bà lão giống như một vị bồ tát hiện thân để điểm hóa những người ngạo mạn cho là mình học được nhiều chữ, tài cao hiểu rộng. Câu hỏi của bà lão chỉ có những vị đã đắc đạo như Đức Phật, Bồ tát và chư tổ mới có thể trả lời được, chứ như phàm phu thông thường thì sẽ nghĩ rằng điểm tâm là để khỏi đói hay là làm đầy bao tử. Theo kinh Kim Cang thì không có tâm nào để điểm cả, vì tâm quá khứ, hiện tại và vị lai đều bất khả đắc, vậy mà sư Đức Sơn đòi dùng bánh rán để điểm tâm nào?

2. Tâm quá khứ, hiện tại và vị lai đều không nắm được

Chúng ta thường than rằng: “Khổ tâm quá!” Thật ra, không có tâm nào khổ cả, tự mình làm khổ mình thôi. Tự mình vướng vào sáu trần và làm nặng phiền não thêm. Vì sao những ý thức suy nghĩ đó là vọng? Khi chúng ta nhớ đến hoa cúc thì tâm nghĩ tới hoa cúc. Khi nhớ tới cái bánh thì hình bóng cái bánh hiện lên, nhớ tới bài học thì tâm nghĩ đến bài học. Bản chất của những loại tâm nghĩ tưởng như thế vốn không có bản chất. Chúng vịn và leo chèo như con khỉ²⁵, hết cảnh này sang cảnh khác. Chúng thuộc về tướng ám trong năm ấm (sắc, thọ, tưởng, hành, thức). Chúng ta thường tưởng cái này, cái kia liên tục

suốt ngày và nhận chúng làm mình: tôi thích, tôi yêu, tôi ghét... Các tướng ấy đưa đến hành động lưu chuyển. Hành ám là công dụng của tâm bởi vì chúng ta sống trong vô minh không biết, cho nên công dụng suy nghĩ này cứ lông bông hết việc này sang việc khác, tán loạn, rồi rốt cuộc chỉ là con số không hão huyền mà thôi, còn chúng ta thì đau khổ, thăng trầm lên xuống mười loài vì các thứ tâm không nắm được đó. Cho nên, Đức Phật tổng quát lại là tâm quá khứ là tâm đã đi qua rồi, không nắm được. Ngày hôm qua hay giây phút vừa rồi chúng ta vừa suy nghĩ trên trời dưới đất đó bây giờ còn không? Đã tan biến không còn nữa nên gọi là tâm quá khứ. Khi còn trẻ, tâm chúng ta hay suy nghĩ cả trăm thứ nhưng bây giờ đâu còn nữa, tất cả qua rồi, không còn bóng dáng, nên gọi là quá khứ không thể nắm được. Tâm vị lai sẽ suy nghĩ những gì chúng ta đâu có biết nên cũng không nắm được. Còn tâm hiện tại bây giờ đây đang nghĩ về bài học, về thi cử thì cũng bất khả đắc. Vì chúng ta vừa nghĩ đến thì nó đã tan thành quá khứ, thành con số không rồi. Hoặc tâm hiện tại đang suy nghĩ để nhớ về quá khứ hoặc tưởng tượng về tương lai thì đều là vọng tưởng cả. Cho nên tâm hiện tại cũng là bất khả đắc, tan như mây khói, không nắm bắt được.

Quá khứ không nắm được, hiện tại không nắm được và tương lai cũng không nắm được. Như vậy, Đức Phật đã chỉ rõ cái mà ta nhận cho là tâm quá khứ, hiện tại và vị lai của chúng ta thì tất cả những tâm đó đều là vọng tâm, đều là bất khả đắc. Vì chúng ta nhận những tâm hư vọng chớp nhoáng dễ tan thành không đó làm tâm tánh của mình, cho nên chúng ta sống lông bông, lãng xãng, lao xao lên xuống với đủ loại vọng tưởng phiền não trong đường sanh tử. Chúng ta phải buông vọng tánh ấy ra, đừng nhận những tâm tánh mừng, giận, thương, lo, buồn, tủi là mình vì đó đều là những vọng tưởng hư ảo. Tôi buồn, tôi lo, tôi vui, tôi yêu, tôi ghét đây là không phải tôi, đây chỉ là những vọng tưởng mà thôi, buông nó ra. Ngày này qua ngày khác, chúng ta cứ nhận ba vọng tâm làm tâm tánh của mình, khóc lên khóc xuống, khổ lên khổ xuống chỉ vì cho ba vọng tâm ấy là thật. Cho nên phải học Kim Cang Bát Nhã để biết những vọng tâm đó cứ đánh lừa chúng ta mà buông nó đi không cần nuôi tiếc, để an định vào tánh Kim Cang Bát Nhã mà thành Phật.

---o0o---

VII. PHÁP CÒN NÊN BỎ HUỐNG CHI PHI PHÁP - CHIẾC BÈ QUA SÔNG

Như-Lai thường dạy rằng: "Pháp của Ta nói ra đó, dù như thuyền bè, đến pháp còn phải xả bỏ, huống nữa là phi-pháp!"

1. Pháp và phi pháp đều buông bỏ

Theo định nghĩa, chữ “Pháp” là phải, là đúng pháp; “phi pháp” là sai quấy, là không đúng pháp. Vì sao phi pháp thì bỏ đã đành mà pháp cũng phải

bỏ? Điều sai thì bỏ rồi nhưng còn điều đúng sao cũng bỏ luôn? Pháp là không có tướng pháp và không có tướng phi pháp. Vì có sao? Do vì “phải” nên chúng ta mới theo và cứ cố chấp y theo cái phải đó chứ không uyển chuyển. Thí dụ có cô A và cô B. Cô A tu hành đúng đắn là đúng pháp, còn cô B tu lồi thoi thì gọi cô ấy là phi pháp. Vậy người phi pháp chúng ta coi thường đã đành, còn người tu đúng pháp nhiều khi có lúc cô A làm không đúng mà mình cứ luôn cố chấp khư khư lúc nào cô A cũng đúng, cũng tốt, cứ bênh cô A. Vậy chúng ta đúng không? Cho nên đúng pháp cũng phải thời, phải lúc. Còn lúc không phải thời, cô A không đúng, chúng ta cũng không nên cố chấp, cô A luôn luôn đúng. Cho nên, chúng ta không nên cố chấp đúng pháp và cũng không nên cố chấp phi pháp mà nên biết sự hay dở tùy theo hoàn cảnh, môi trường, giác dục của từng mỗi người. Chúng ta nên có lòng bình đẳng đối với cả hai cô A và B, nên buông là buông điều phi pháp, còn buông Phật pháp là bởi vì người học Phật pháp còn chấp là có học Phật pháp. Cho nên, Đức Phật dạy không phải là buông Phật pháp mà là buông sự chấp pháp, buông sự chấp cái phải, chấp cái đúng pháp.

Đức Phật đã cho chúng ta một thí dụ rất rõ ràng như chiếc bè khi ở dòng sông thì nó là bạn, là vật hữu ích, nhưng khi lên bờ mà cứ khư khư ôm chiếc bè trên vai để đi trên bờ thì trở thành vô ích, trở thành phi pháp, trở thành vật chướng ngại. Nhưng vì quý chiếc bè nên mặc dù lên bờ và cứ khư khư vác chiếc chiếc bè theo. Thế cho nên phải tùy thời mà dùng bè và phải tùy thời mà dùng pháp, cũng có lúc phải buông xuống. Nếu không phải thời mà cứ khư khư chấp pháp thì pháp trở thành vô ích.

Cũng giống như bước đầu chúng ta học Phật giáo Nguyên thủy rồi tiến tu từ từ học thêm đại thừa nhưng bao giờ cũng nhớ căn bản Nguyên thủy, chứ không phải mình bỏ lớp căn bản ấy. Như chúng ta học Tứ Niệm Xứ và Tứ Pháp Ấn để biết các pháp vô thường, vô ngã, khổ và không, rồi tiến lên, chúng ta học tiếp Kinh Lăng Nghiêm để nhận chân tâm bản tánh của mình. Khi biết vạn pháp là vô thường, vô ngã, khổ và không; biết vọng thân, vọng tâm, vọng cảnh là giả rồi mà buông các tướng ra thì mới nhận được chân tâm bản tánh. Như vậy, cả tiểu thừa và đại thừa đều quan trọng và phải biết lúc nào cần buông bỏ để tiến lên. Cũng giống như các vị thánh A La Hán, sau khi học Tứ niệm xứ, các ngài thấy vô thường, vô ngã, khổ và không thì các ngài chấp khư khư rằng thế gian này vô thường và hư vọng, các chúng sanh này không thật, là giả, vô ngã, là khổ, sanh tử, là bất tịnh dơ dáy. Do cứ khư khư cho thân mình, thân chúng sanh và cả thế gian này đầy bản chất ô uế như thế, cho nên các ngài bỏ mặc tất cả, không độ chúng sanh để nhập Niết bàn. Đức Phật nói những vị ấy là các A-la-hán nhập Niết bàn, không tế độ và buông bỏ chúng sanh, đó là những vị chấp pháp, chấp Tứ niệm xứ mà các ngài đã học. Đó là do các ngài chấp Tứ niệm xứ, khư khư giữ Tứ niệm xứ mà không nhận chân tâm bản tánh thường trụ. Thật ra, các ngài

không chịu nhận những hạnh của Bồ tát để độ chúng sanh, không chịu tiến lên đại thừa để thành Phật, vì thế, Đức Phật gọi các vị A-la-hán này là những vị chấp pháp. Còn các Bồ tát đã học Tứ niệm xứ, các ngài vẫn giữ Tứ niệm xứ, chứ không phải các ngài phá. Các ngài vẫn giữ Tứ niệm xứ nhưng các ngài vẫn lăn vào đường sanh tử để độ chúng sanh, bởi vì các ngài biết rằng những chúng sanh này có tánh Phật. Các ngài biết thân này là huyền giả, không thật, chúng sanh nhiều tham sân si.

Các Ngài biết tham sân si là hư vọng cho nên các ngài tận tình giáo hóa để chúng sanh tỉnh ra, để được giải thoát cũng như các ngài. Đức Phật nói các vị A-la-hán nhập Niết bàn là chấp pháp. Các ngài tu Tứ niệm xứ rồi chấp vào Tứ niệm xứ mà không nhìn rộng, thấy xa, còn các vị Bồ tát không chấp ngã cũng không chấp pháp, các ngài không bỏ Tứ niệm xứ mà tận tình quên mình để độ chúng sanh.

Nếu chúng ta nói học đại thừa đủ rồi, không cần học

Tứ Niệm Xứ vì đại thừa cần hơn thì cũng không đúng.

Thật ra, nếu không học Tứ Niệm Xứ hay Phật Giáo Nguyên Thủy thì rất là nguy hiểm. Vì chúng ta chưa nhớ được hết những lời dạy trong các kinh A-hàm, cho nên chúng ta phải học cho đến bao giờ nhớ được thì lúc bấy giờ mới thôi không học nữa. Ý niệm của chúng ta chưa nhớ, miệng và thân cứ quên thì cũng chưa thực hành được, cho nên cứ phải học đi học lại đến bao giờ in sâu trong tạng thức, hoặc nhớ hoài không quên nữa thì lúc bấy giờ mới không phải học. Còn bây giờ chúng ta tuy học đại thừa, tuy tu đại thừa nhưng mà phần tiểu thừa, phần tu Tứ niệm xứ chúng ta vẫn chưa thấm, chúng ta vẫn là những kẻ chưa lên bờ. Nếu mà bỏ bè của Phật Giáo Nguyên Thủy thì rất nguy hiểm, cho nên vẫn học kinh đại thừa mà chưa qua sông, chưa lên bờ thì không thể bỏ được bè kinh tiểu thừa.

Cũng thế, ngay đến hình tượng Phật với ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của Phật mà chúng ta đang thờ, chúng ta cũng không nên cố chấp vào thân tướng, đây là Phật, rồi cứ bo bo an trú ở đó mà phải đi tìm Phật ở pháp thân, chứ không tìm Phật ở thân tướng. Đức Phật ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp hiện lên ở Ấn-độ thì rất quý nhưng bây giờ ngài đã nhập Niết bàn rồi thì thân ba mươi hai tướng đó bây giờ cũng không còn nữa, cho nên không nên chấp vào các pháp ấy. Phạm có hình tướng đều là hư vọng, không nên chấp phi pháp mà ngay pháp cũng không nên cố chấp. Thế cho nên, chánh pháp hay phi pháp chúng ta đều không nên chấp, bởi vì chính chữ pháp đã hiện lên một pháp, một hình, một tướng thì pháp đó là hư vọng. Nếu chúng ta còn chấp một cái gì thì có cái ngã (cái ta) đứng đó để chấp. Còn bây giờ chúng ta biết chính ngã đó

là hư vọng rồi thì nên bỏ cái chấp thôi chứ không phải là bỏ cái pháp, cho nên Đức Phật dạy không chấp ta, người, chúng sanh, thọ giả.

Đức Phật giảng pháp suốt một đời, nói bao nhiêu kinh sách. Đức Phật thường nhắc đi nhắc lại là “Ta chưa từng nói một lời”, bởi vì Đức Phật muốn tránh cho chúng ta chấp pháp là thật. Khi chấp phi pháp là bệnh đã đành mà chấp pháp thì cũng bệnh vậy, tức chấp những lời dạy trong kinh sách là lời vàng ngọc là thật thì chúng ta cũng bị bệnh vậy. Nghe pháp của Phật, nghe lời vàng ngọc rất là quý nhưng chúng ta phải biết âm thanh là hư vọng. Bởi vì chúng ta mê, nên Phật phải giảng, phải nói, chứ âm thanh là cái không có. Đức Phật tạm dùng âm thanh hư vọng, tạm dùng cái giả huyền để độ cho chúng sanh còn đường sống ở trong đường huyền. Chúng ta biết những âm thanh là hư vọng, nó chỉ là sự rung động của không khí, là cái không hề có, cho nên âm thanh pháp thoại cũng là tạm có. Nhưng ngược lại, chúng ta học Tứ niệm xứ và cố chấp âm thanh là huyền, không nghe âm thanh lời vàng của Phật, không học kinh Phật nữa thì cũng không đúng, cũng là bị bệnh, bị chướng ngại sự tiến tu.

Đức Phật dùng cái huyền tạm của âm thanh để độ cho chúng sanh còn trong vòng huyền. Thế cho nên, nếu chúng ta phá pháp của Phật thì tội rất nặng. Chúng ta phải sáng suốt biết trái, biết phải thì khi Đức Phật nói “Ta chưa từng nói một lời” nghĩa là Phật không phải nói dối, không phải Phật chối việc ngài đã làm mà bởi vì âm thanh là cái không thật, cho nên ngài nói mà như là không có nói. Học kinh Đại thừa chúng ta phải nhận triết lý, lý lẽ ẩn bên trong này, không cố chấp vào lời nói. Chúng ta như là những người đi trong tối mò phải thắp đèn lên mới thấy, còn các vị đã học sâu, sự tu đã cao, đã an định. Các ngài vô niệm, tâm phẳng lặng vào định, nhập tam muội như Đức Quán thế Âm an định trong cái tánh nghe không có khởi niệm, cho nên các ngài đã nắm được cái thật rồi, các ngài buông những cái giả, không dùng âm thanh, sắc tướng bên ngoài. Còn chúng ta học những lời nói của Phật thì chúng ta chưa thể buông được, cho nên Đức Phật mới ví pháp như là cái bè, khi đến bờ giác rồi thì để bè lại ở sau.

Chúng ta phải tùy duyên, tùy hoàn cảnh, chứ đừng khư khư cố chấp. Pháp còn nên bỏ, huống chi là phi pháp. Pháp như là lời nói thật, chánh ngữ, chúng ta học Bát chánh đạo thì có chánh ngữ là lời nói chân chánh. Như có trường hợp một người mẹ bị đau tim nặng, nhận fax ở phương xa. Bà không biết chữ, nhờ chúng ta xem fax đó. Chúng ta biết bà này có bệnh đau tim nặng và mình đọc dây thép biết đứa con của bà chết rồi thì lúc bấy giờ chúng ta không nên nói sự thật. Vào hoàn cảnh ấy thì nên nói rằng con trai bà đánh dây thép về bình an, bà cứ yên tâm đi và như vậy bà sẽ được sống trong an ổn. Nếu lúc bấy giờ, chúng ta cứ khư khư chánh ngữ là không được phép nói dối thì chúng ta giết chết người mẹ đó, cho nên phải có trí tuệ trong từng trường hợp, không nên cố chấp mặt nào. Pháp còn nên bỏ nghĩa là chánh ngữ còn phải uyển chuyển để nói khác đi, còn

những phi pháp như nói dối, đã đành là chúng ta phải buông bỏ, nhưng vào trường hợp cần lời nói dối, chúng ta cũng phải nói.

Còn khả năng thật sự của chúng ta thì thế nào? Phật dạy là những phi pháp phải bỏ thì chúng ta bỏ được chưa? Thật ra, ngay những phi pháp chúng ta còn chưa chịu bỏ.

Chúng ta vẫn còn sống trong ở phi pháp, vẫn cứ phạm giới, vẫn cứ buông lung, tranh nhau, cãi nhau, bực bội, tức tối, những phi pháp này chúng ta chẳng chịu bỏ. Huống chi là nói Phật pháp chúng ta đã tu được bao nhiêu? Chúng ta còn chìm trong phi pháp, cái phi pháp chưa bỏ được thì làm sao chúng ta tiếp cận với pháp của Phật. Chúng ta chưa bỏ cái phi pháp tức là mình còn xa pháp, chưa nắm được pháp của Phật, chưa nắm được pháp của Phật thì có lo chuyện bỏ không? Ý này cao lắm, khả năng chúng ta chưa tới. Thế cho nên, đừng lo bỏ pháp, chưa lo vội. Bây giờ giờ hãy lo bỏ những phi pháp của chúng ta trước đi đã.

2. Pháp Phật như liều thuốc trị bệnh

Đức Phật cho thí dụ như do bệnh nên chúng ta cần thuốc uống. Khi khỏi bệnh thì lúc đó sẽ không dùng thuốc nữa, như qua sông rồi thì phải bỏ bè lại sau lưng. Áp dụng lời Đức Phật dạy trong đời sống tu tập như khi chúng ta có bệnh hay sân giận không làm chủ được tánh khí của mình. Đức Phật dạy chúng ta phải quán từ bi, hỷ xả trong lúc mình đang sân để từ từ giúp tâm chúng ta mát mẽ, từ bi, hoan hỷ lại. Nhưng nếu có những đứa trẻ con phá phách hư hỏng cây cối trong chùa, chúng ta phải hiện tướng quát mắng, giận dữ, phải cầm gậy để dạy chúng thì lúc bấy giờ không phải chúng ta quên những lời của Phật dạy về từ bi quán. Chúng ta vẫn giữ tâm từ bi, hỷ xả, nhưng hiện tướng nghiêm nghị “bi thể giới lôi chân” để cho đứa trẻ sợ, không dám làm bậy nữa. Chúng ta nhớ rằng bỏ lời Phật tức là không phải hủy hoại, vứt lời Phật đi mà chúng ta vẫn giữ, chỉ có điều là khi chúng ta thành thực rồi thì tùy vào hoàn cảnh mà hiện tướng nghiêm minh (khó khăn) hay từ hòa (nhẹ nhàng) nhưng căn bản chúng ta vẫn có tình thương với đứa bé, nhưng vì giáo dục dạy dỗ cho nên tạm hiện tướng sân giận, trợn mắt để bắt đứa bé trở về chánh pháp.

Đức Phật sáng suốt dặn dò để chúng ta phải uyển chuyển. Thường mỗi khi nói lời nào đúng thì chúng ta cứ nghĩ phải đĩnh ninh khư khư giữ lời đúng đó. Đức Phật sáng suốt, biết là tùy hoàn cảnh có lúc thực hành được việc này mà cũng có lúc không nên thực hành, cho nên Đức Phật mới dặn dò là dùng lời nói của Phật phải cho đúng lúc, hợp thời, chứ đừng dùng trái thời. Cũng như lúc nhức đầu mà đi uống thuốc đau bụng tức là không phải thời. Phải tùy bệnh mà uống thuốc, chớ không nên cố chấp. Đức Phật rất sáng suốt, thấy rõ, nhìn xa cho nên ngài dặn dò chúng ta. Còn chúng ta mỗi khi dạy con, dạy cháu thì chính cái ngã của

mình bắt con cháu theo đúng lời của mình chứ không có tùy cơ, tùy thời áp dụng. Đức Phật muốn chúng ta phá cái ngã chấp thủ này.

3. Do mê nên Đức Phật thuyết Pháp

Do mê nên Đức Phật mới thuyết pháp để giác tỉnh cho chúng sanh. Nếu không mê thì Đức Phật sẽ không nói pháp. Vậy pháp thoại là pháp hữu vi vì còn tùy thuộc vào cơ duyên chúng sanh mê ngộ mà giả hiện là có pháp thoại hay không có pháp thoại. Hiện tại, chúng ta đang học lời giác tỉnh, cho nên tạm có danh từ Pháp pháp. Phật pháp vốn phẳng lặng tịch tĩnh, bất động thường trụ, không có tên, không có chữ, không có lời nói; còn tất cả những lời nói, những danh từ, những chữ nghĩa, những kinh sách đó là theo duyên mà tạm đặt ra, gọi là pháp hữu vi, đều không thật. Đức Phật ban pháp thoại cả ngàn vạn lần và vẫn khuyên chúng ta nghe pháp thoại nhưng đừng cố chấp. Đức Phật chỉ cho chúng ta quan sát, quán chiếu, nhận xét cái thật và giả của chân tâm và phương tiện. Sau khi thức tỉnh giác ngộ rồi thì Phật khuyên không chấp vào lời Phật dạy. Vậy pháp mà còn nên buông bỏ, hướng chỉ là những hảo huyền của tham sân si vọng tâm hàng ngày, càng phải bỏ sớm. Chúng ta không nên chấp thủ, buông hết để an ổn tinh thần vào tánh Kim cang.

Bỏ bè không có nghĩa là chọc thủng bè, phá bè mà chỉ có nghĩa là không nên dùng đến nó nữa, nhưng chúng ta nên để bè đó cho người khác dùng. Bỏ đây nghĩa là đừng chấp nữa. Chúng ta lo tu học thêm, cũng như chúng ta khỏi bệnh nhức đầu rồi thì không nên uống thuốc nhức đầu nữa và cũng không nên phá hủy thuốc đó. Hễ chúng ta còn bệnh nhức đầu thì chúng ta còn phải để dành thuốc và còn phải uống thuốc. Khi hoàn toàn khỏi bệnh thì chúng ta đừng uống thuốc nữa, để dành thuốc đó cho người khác dùng. Nếu hoàn cảnh đang có bệnh mà chúng ta lại bỏ thuốc thì nguy hiểm, hoặc là khỏi bệnh rồi nhưng chúng ta cứ uống thuốc mãi thành bệnh cố chấp thì cũng nguy và nguy cả tính mạng. Thế nên cả hai đều lầm lẫn, đang có bệnh mà bỏ thuốc là khổ và khỏi bệnh rồi vẫn uống thuốc cũng là lẫn. Hiểu như thế là chúng ta hiểu được pháp ngữ số bảy của kinh Kim Cang rồi.

---o0o---

VIII. CÔNG ĐỨC THỌ TRÌ BỐN CÂU KỆ KINH KIM CANG NHIỀU HƠN BỐ THÍ CỦA BÁU KHẮP TAM THIÊN ĐẠI THIÊN THẾ GIỚI

"Tu-Bồ-Đề! Như trong một sông Hằng có bao nhiêu số cát, lại có những sông Hằng nhiều như số cát đó. Ý của ông nghĩ thế nào? Số cát trong những-sông-Hằng đó, có nhiều chăng?"

Ông Tu-Bồ-Đề bạch rằng: "Bạch đức Thế-Tôn! Rất nhiều. Nội những-sông-Hằng đã là nhiều vô-số rồi, huống nữa là số cát trong sông!"

"Này, Tu-Bồ-Đề! Nay Ta nói thật mà bảo ông: Nếu

có trang nam-tử, thiện nữ-nhơn nào đem bảy thứ báu đầy cả ngàn ấy Hằng-hà sa-số cõi Tam-thiên đại-thiên để làm việc bố-thí, người đó đặng phước có nhiều không?"

Ông Tu-Bồ-Đề bạch rằng: "Bạch đức Thế-Tôn! Rất nhiều".

Đức Phật bảo ông Tu-Bồ-Đề: "Nơi trong kinh này, nếu có trang thiện-nam, người thiện-nữ nào, thọ-trì nhẫn đến một bài kệ bốn câu v.v... và giảng nói cho người khác nghe, thời phước-đức này hơn phước-đức trước kia".

Này Tu-bồ-đề! Như-lai nói lời chơn thật, lời chẳng dối, lời chẳng khác. Như Lai nói đem bảy báu đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới mà bố thí thì thật ra phước đức không bằng ngồi đọc một bài kệ của kinh Kim Cang này.

Khi nghe pháp ngữ số tám này, chúng ta có dễ tin không? Chúng ta nhớ chính Đức Phật và chư tổ thường dạy hễ mà bố thí cho ai một chén cơm, thìa cháo hay chai nước lã mà thí cho người đang bị bệnh khổ cần ăn uống thì phước đức đó bằng biển cả đại dương. So sánh ba phước đức: đem thí bảy báu đầy cả tam thiên, thìa cháo và đọc một câu Kim Cang thì ta thấy Đức Phật nói phước đức tụng bốn câu kinh Kim Cang hơn cả việc đem bảy báu khắp tam thiên đại thiên thế giới mà bố thí, hay hơn cả đại dương phước đức của việc thí thìa cháo, bát cơm cho người bệnh khổ... Việc này chúng ta cảm thấy rất khó tin.

1. Tướng phước đức và tánh phước đức

Phước đức là phước báo của những việc làm tốt lành mà chúng ta đã gieo. Phước đức chúng ta đang hưởng đây như được làm vua quan, được giàu có, sung sướng, học cao, danh tiếng, trúng số, ngồi mát ăn bát vàng, nhà cao cửa rộng. Những phước đức này chỉ hiện tướng một thời gian rồi sẽ tan đi, cho nên phước đức ấy chẳng phải là tánh phước đức mà chỉ là tướng phước đức. Tánh phước đức là chân tâm bản tánh của mình, là vô vi không hình, không tướng, khắp pháp giới thường trụ mãi mãi. Những phước đức của y báo và chánh báo được hưởng đây là hình tướng bởi vì có tướng, cho nên mới có số lượng ít nhiều. Còn tánh là vô vi, vô tướng cho nên không có nói nhiều với ít.

Ở đây, Đức Phật dùng thí dụ so sánh như có người thọ trì bốn câu kệ của kinh Kim Cang hay các kinh Đại Thừa thì phước đức này nhiều hơn phước đức bố thí châu báu của cải đầy cả hư không. Trong thực tế, chúng ta hiểu rằng rất vất vả để có được vàng bạc, của báu, gia sản, nhà cửa, xe hơi. Bây giờ trong kinh Kim Cang lại nói trân châu, tiền của đầy cả hư không thì biết công sức lao động, buôn bán dành giùm tiết kiệm đến cả hàng triệu triệu kiếp, chứ không phải chỉ giành giùm trong vài năm. Đức Phật lấy công sức lao động vất vả nhọc nhằn đổ mồ hôi, đổ nước mắt cả hàng triệu triệu kiếp để có tiền của mà đem bố thí để so

với công đức của người trì bốn câu kinh Kim Cang. Người thọ trì bốn câu kinh Kim Cang đâu có vất vả gì, nhàn nhã chỉ đọc kinh, nhận được nghĩa rồi thọ trì và vì người khác mà san sẻ giảng nói cho họ nghe. Một bên thì rất vất vả nặng nề cả triệu triệu kiếp để có của cải thực hành tài thí. Một bên khác thì rất nhàn nhã thanh thân ngồi mát mà thí pháp trì kinh. Đây gọi là một trong những pháp ngữ rất khó hiểu.

Thế gian thường quan niệm rằng vàng là quý hơn tất cả. Như bây giờ đem bao nhiêu vàng cho loài thấp sanh, hóa sanh hay noãn sanh, chúng sẽ không cảm thấy quý, như đối với trâu thì cỏ quý hơn; đối với gà, vịt thì thóc, cơm quý hơn, chứ đưa vàng cho chúng thì vô ích. Cho nên, vàng quý là do quan niệm của con người, chứ không phải là sự thật. Theo quan điểm nhà Phật, tiền của, vàng bạc là cái giả, bao nhiêu cái giả cũng không đổi được một cái thật. Người nhàn nhã học kinh Kim Cang, giảng kinh Kim Cang thì sẽ đi về cảnh giới thường lạc ngã tịnh, lại càng nhàn nhã, an lạc sung sướng, đi vào thẳng tánh phước đức của mình. Còn người nhọc nhằn, vất vả lao động buôn bán để kiếm tiền của thì lại đi cứ mãi vào đường mê, vì chỉ là tướng phước đức. Hưởng hết phước sung sướng thì lại đọa vào cảnh khổ. Thế cho nên một đằng đem cái giả mà lấy cái thật, không ai chịu đổi. So sánh tánh với tướng phước đức thì tánh phước đức sẽ có giá trị nhiều hơn. Cho nên người sống trong đường sanh tử, làm bao nhiêu phước cũng chỉ để hưởng tướng phước giả tạm ở thế gian, còn vị tu kinh Kim Cang nhàn hạ, đã nhàn, rồi đi về cảnh nhàn nhã an lạc cho nên vĩnh viễn thường hưởng tánh phước đức an lành, mãi an trụ vào tánh vô vi, bất sanh bất diệt, vĩnh viễn.

2. Ngón Tay & Mặt Trăng

Chúng ta học kinh để nhận tánh Phật và trí tuệ Bát Nhã của mình. Trong kinh Lăng nghiêm có cho thí dụ như ngón tay chỉ mặt trăng. Chúng ta phải nương ngón tay mới thấy mặt trăng. Nhờ ngón tay để thấy mặt trăng, chứ không phải cốt để ngó ngón tay. Cũng thế, chúng ta học hiểu kinh để khai mở trí tuệ Bát Nhã, chứ không phải đọc tụng để đọc tụng thôi, nhưng mà nếu không có đọc tụng thì không khai mở trí tuệ Bát Nhã cho nên hai việc này nương nhau. Nhờ ngón tay mà thấy mặt trăng, mục đích là thấy mặt trăng, chứ không phải để thấy ngón tay. Việc tụng đọc kinh là rất cần nhưng nhớ đó chỉ là phương tiện, mục đích là trực nhận trí tuệ Bát Nhã Kim Cang của mình. Trì tụng kinh để thấy được mặt trăng chân tâm đó là hưởng được tánh phước đức.

3. Tam thiên đại thiên thế giới và số cát sông Hằng

Trong kinh Phật²⁶ nói: "Một hệ mặt trời, mặt trăng là một thế giới nhỏ (tiểu thế giới) hay thái dương hệ. Núi Tu Di là trung tâm, mặt trời mặt trăng quay vòng xung quanh núi Tu Di. Một ngàn tiểu thế giới gộp lại, gọi là tiểu thiên thế giới; phạm vi của một tiểu thế giới trong tiểu thiên thế giới là từ núi Tu

Di cho tới cõi trời Phạm thiên của sắc giới. Một ngàn tiểu thiên thể giới, gọi là một trung thiên thể giới, phạm vi của một trung thể giới trong trung thiên thể giới, kéo dài tới Vô lượng tịnh thiên của sắc giới. Một ngàn trung thiên thể giới là một đại thiên thể giới, phạm vi của mỗi đại thể giới trong đại thiên thể giới, kéo dài tới Quang âm thiên của sắc giới. Như vậy là đại thiên thể giới là một ngàn tiểu thể giới, nhân lên một ngàn lần, thành một trung thiên thể giới, rồi lại từ một trung thiên thể giới nhân lên một ngàn lần nữa mà thành... Như vậy là kinh qua ba lần lũy tiến con số ngàn, vì vậy mà có tên gọi tam thiên đại thiên thể giới. Thực ra, đó chỉ là một đại thiên thể giới mà thôi.

Thống trị một Đại thiên thể giới là Đại Phạm thiên vương ở cõi Trời Sắc cứu kính thiên. Mỗi đại thiên thể giới có một Đại Phạm Thiên vương. Vì có vô số Đại thiên thể giới, cho nên cũng có vô số Đại Phạm Thiên vương. Đại thiên thể giới trong đó có loài người ở, gọi tên chung là ta bà thế giới. Mỗi đại thiên thể giới là cõi giáo hóa của một đức Phật. Phật Thích Ca được tôn xưng là ta bà giáo chủ vì lẽ như vậy. Địa cầu nơi chúng ta ở chỉ là một đơn vị vô cùng nhỏ bé trong đại thiên thể giới. Để hóa độ phổ biến khắp chúng sinh ở cõi ta bà này, Đức Phật Thích Ca phải dùng hàng trăm triệu hóa thân, vi trần tướng hải. Tuy dùng đến hàng trăm triệu hóa thân nhưng phạm vi giáo hóa của Phật Thích Ca chỉ là cõi ta bà này mà thôi.

Do đó, có thể thấy, thế giới quan Phật giáo thật là rộng lớn và phù hợp với quan điểm của thiên văn học hiện đại của thế kỷ 21^{st27} đã khám phá ra trong vũ trụ có rất nhiều thế giới khác như hỏa tinh, thổ tinh, mộc tinh, vệ tinh...

Nhà khoa học Andrew Howard²⁸, Đại học Hawaii cho biết: "Các hành tinh có thể duy trì sự sống xuất hiện rất nhiều trong thiên hà. Chúng tôi vẫn chưa biết sự sống có thể nảy nở trên các hành tinh một cách dễ dàng đến thế nào nhưng với 40 tỉ cơ hội, tôi lạc quan cho rằng con người không phải là đơn độc trong vũ trụ".

Trong pháp ngữ số tám này Đức Phật dạy rằng: “Bồ thí của báu nhiều như hằng hà sa số cõi tam thiên đại thiên thể giới”. Tam thiên đại thiên thể giới đã lớn lắm rồi, nhưng trong kinh lại nói rất nhiều tam thiên, đại thiên thể giới như số cát sông Hằng, chẳng những thế mỗi hạt cát trong sông ấy lại tính thành một con sông Hằng. Rồi tổng hợp tất cả số cát ấy theo cấp số nhân của các sông Hằng ấy. Cứ mỗi một hạt cát là một tam thiên đại thiên thể giới ấy có chứa toàn vàng bạc, lưu ly, xà cừ, san hô, mã não, trân châu quý giá đem bồ thí thì phước báu này vô cùng và của báu vô tận.

Sông Hằng bên Ấn Độ là con sông dài hơn 2500 km, nên số cát rất nhiều. Sông Hằng là con sông nhiều cát nhất và không bao giờ có ai đếm được số cát ấy. Vậy mà bây giờ Đức Phật lại cho thí dụ là mỗi hạt cát trở thành một con sông. Tổng

tất cả số cát của những con sông ấy lại thành một số lượng phước đức mà chúng ta không thể tưởng tượng nổi, bất khả tư nghì cùng cực không thể có phước đức nào hơn được. Từ việc bố thí của báu nhiều như tam thiên đại thiên thế giới sẽ đem đến phước báu là những hạnh phúc sung sướng của thế gian này, những hình tướng giàu có, sang trọng, sống trường thọ mãi để hưởng phước thế gian, nhưng phước báu hư vọng không thật đó chỉ tạm bợ ngắn ngủi, chứ không thể kéo dài. Trên đời này, chỉ có chân tâm bản tánh là thật, vĩnh viễn thường hằng. Cho nên, dù đem bao nhiêu cái giả của thế gian để so sánh với một cái thật thì cái thật bao giờ cũng đáng giá hơn. Đức Phật là bậc giác ngộ có thiên nhãn trí mới thấy rõ và so sánh được với phước hữu vi và phước vô vi này.

Cho nên, điều hay hơn hết là trở về sống với chân tánh của mình, không sanh, không diệt, thường trú khắp pháp giới. Chân tánh ấy vốn đầy đủ. Dù phước ít nhiều bao nhiêu chẳng nữa, đối với chân tánh ấy, cũng thành như nhiên. Phước lành thì có thật đấy nhưng đối với người sống với chân tâm bản tánh thì vị ấy không mong cầu gì nữa. Thành thật không mong cầu gì với phước báu của thế gian vì nhậm vận chân tâm bản tánh ở khắp pháp giới vốn tự đầy đủ rồi. Thế gian mong phước đức là những điều hạnh phúc sung sướng của thế gian trong khi vị sống với tánh Kim Cang biết rõ cả sáu trần sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp đều là huyễn thì không có mong cầu phước báu gì nữa. Cho nên, Đức Phật nói tụng kinh và giảng kinh Kim Cang là phước báu vô vi, là tánh phước báu hơn cả các phước báu cúng dường của báu đầy tam thiên đại thiên thế giới như số cát sông Hằng. Trong pháp ngữ số ba, Kinh Bách Dụ đã kể rằng công chúa đã chịu đeo chuỗi kim cương thật chứ không chịu chơi với chuỗi bong bong giả huyễn nữa. Vì vậy, Hòa Thượng Thanh Từ cũng nói nếu đem ngàn hạt sương long lanh buổi sáng để ra tiệm kim hoàn đổi lấy một viên kim cương thật thì chủ tiệm sẽ không chịu đổi, vì hạt kim cương thật dù bé xíu đi nữa cũng bền vững chắc thật, đáng giá hơn.

4. Phước vô vi và phước hữu vi

Thế nào là phước vô vi và phước hữu vi? Hữu là có, vô là không. Phước hữu vi là phước có làm ra. Phước vô vi là phước không làm mà có. Chúng ta bố thí, trì giới và làm tất cả việc phước thiện gọi là phước hữu vi. Chúng ta tụng kinh Kim Cang trở về chân tâm của mình. Chân tâm bản tánh là cái vốn sẵn có, bây giờ chúng ta chỉ buông thế gian hư vọng, trở về sống với tánh Kim Cương Bát Nhã chân thật như thế gọi là phước vô vi.

Đức Phật cho một thí dụ không thể nghĩ bàn như con sông Hằng có rất nhiều cát. Rồi mỗi hạt cát lại thành một con sông. Tổng quát tất cả cát của các sông thì rất nhiều, không ai đếm được. Như người đem của báu đầy tam thiên đại thiên thế giới nhiều như những số cát sông Hằng mà bố thí thì phước thật vô cùng vô

tận. Nhưng dù phước có nhiều đi nữa cũng không thật vì đó là phước hữu vi và phước vô vi thì hơn phước hữu vi rất nhiều. Nên Đức Phật nói với Tu-bồ-đề rằng việc này rất là khó tin. Bao nhiêu của cải khắp tam thiên đại thiên thế giới bố thí cũng không bằng công đức nhân rồi đọc một bài kệ bốn câu. Người không học kinh Đại thừa sẽ cảm thấy việc này khó tin khó hiểu lắm. Nên Đức Phật nhắc Tu Bồ Đề đây là chuyện thật do Đức Phật tự chứng biết. Nếu chúng ta mạnh mẽ tin chuyện này thì sẽ buông bỏ, không chạy theo những phước báu tạm bợ mà chuyên trì kinh Kim Cang để trở về với tánh phước đức thường trụ của mình.

---o0o---

IX. CÔNG ĐỨC THỌ TRÌ BỐN CÂU KỆ KINH KIM CANG NHIỀU HƠN BỐ THÍ THÂN MẠNG NHƯ SỐ CÁT SÔNG HẰNG

“Nếu có trang thiện-nam, người thiện-nữ nào, vào khoảng buổi sáng, đem thân-mạng bằng số cát sông Hằng để bố-thí, vào khoảng buổi trưa, lại đem thân-mạng bằng số cát sông Hằng để bố-thí, vào khoảng buổi chiều cũng đem thân-mạng, bằng số cát sông Hằng để bố-thí; trong vô-lượng trăm-ngàn muôn-ức kiếp, đem thân mạng bố-thí như thế.

Lại như có người nào, nghe kinh điển này mà sanh lòng-tin không trái, thời phước của người này, hơn phước của người trước kia, huống chi là biên-chép, thọ-trì, đọc-tụng, nói cho người khác nghe!”

Về hạnh bố thí, ở pháp ngữ số 9 này, Đức Phật nâng cao lên một tầng. Đoạn trên là so sánh người đem châu báu của cải khắp tam thiên đại thiên như số cát sông Hằng mà bố thí thì phước không bằng với người trì bốn câu kinh Đại thừa. Đoạn này, Đức Phật so sánh thiện nam, thiện nữ nào đem thân mạng nhiều như cát sông Hằng mà bố thí thì phước cũng không bằng người trì bốn câu kinh Kim Cang. Bây giờ không nói đến của báu nữa mà nói đến thân mạng người ta quý hơn tất cả các thứ báu để đem bố thí. Nhưng không phải một thân mạng mà rất nhiều thân mạng như số cát của các sông Hằng để bố thí thì phước đức ấy cũng không bằng người thọ trì bốn câu kệ của kinh Đại thừa. Như vậy, Đức Phật không bắt chúng ta thọ trì cả bộ kinh mà chỉ thọ trì bốn câu kệ thì công đức vẫn hơn người đem nhiều thân mạng như số cát sông Hằng để bố thí tim gan mật phổi hay các thân phần khác của thân thể.

**** Tài thí và Pháp thí**

Ở đoạn này, Đức Phật so sánh hai thứ phước đức của tài thí và pháp thí. Pháp thí là mình tự đọc tụng trì kinh, suy ngẫm tu tập và vì người khác mà giảng giải nghĩa lý kinh Kim Cang Bát Nhã để họ cùng khai mở trí tuệ và tu tập giải thoát. Đây là phước đức trí tuệ của pháp thí. Tài thí có hai là nội tài và ngoại tài.

Nội tài là bố thí thân mạng. Ngoại tài là bố thí tiền bạc châu báu, của cải vật chất thế gian. Đây là phước đức vật chất. Ở đây, so sánh phước đức trí tuệ với phước đức vật chất làm lành làm thiện, giúp đỡ mọi người. Bố thí nhiều nội tài và ngoại tài cùng cực bao nhiêu cũng không bằng phước báu trí tuệ của người đọc tụng thọ kinh Kim Cang. Chênh lệch hai phước đức này rất lớn, không thể nghĩ bàn được.

Bố thí vàng bạc tức mang niềm vui vật chất đến cho nhiều người nên bây giờ được hưởng sự vui giàu sang vô cùng. Quả báo sang giàu vui sướng sẽ không được bao nhiêu kiếp. Ví dụ trong nhiều lần tái sanh, lần nào cũng được hưởng gấp bội sự sung sướng giàu có, nhưng rồi nghiệp vẫn xoay quanh sanh, già, bệnh, chết cũng hết và còn lại là sự trôi buộc trong đường sanh tử. Trong khi phước người học kinh trở về chân tâm, bản tánh Bát Nhã, nhận tánh Kim Cang vô sanh bất diệt, tức là người ta thoát luân hồi, tiến tu, giải thoát an lạc vĩnh viễn. Một lần nữa, Đức Phật lại so sánh phước hữu vi và phước vô vi. Từ đây đến cuối cuốn kinh Kim Cang, Đức Phật còn nhắc đi nhắc lại nhiều lần về vô vi và hữu vi như vậy để chúng ta biết việc về với tánh Kim Cang vô tướng này rất là quan trọng.

Thân mạng con người quý hơn châu báu của cải nhiều. Bố thí thân mạng tức là bố thí một cái gì đó quý giá nhất của chúng ta như cứ đem tim gan phổi thận hay mạng sống của mình thí cho người khác. Nếu có một thân khác thì lại hy sinh cho tiếp, cứ thế thí hết thân mạng nhiều như số cát của các sông Hằng thì phước đức này rất nhiều. Nhưng bởi vì chúng ta còn chấp rằng có nhiều thân thật để thí nên phước báu thuộc hữu vi và chúng ta sẽ hưởng được phước hữu vi theo chỗ bố thí để kiếp sau chúng ta được làm vua quan, bổng lộc chức quyền hoặc giàu có hạnh phúc sung sướng, tất cả đều là phước hữu vi. Hữu vi là có làm thì sẽ có tan, cho nên tất cả các thứ của thế gian đều thuộc hữu vi thì dù nhiều bao nhiêu chẳng nữa rồi cũng hết và tan theo mây khói. So với phước của người học kinh, trì bốn câu kinh đại thừa nghĩa là trở về tánh Kim Cang của mình thì đó là phước vô vi sẽ không bị mất đi, phước đó còn mãi thường trú. Trí Kim Cang này không sanh không diệt, không hình không tướng nhưng hiện ra ở sáu căn của chúng ta. Tánh thấy, tánh nghe, tánh ngửi, tánh nếm, tánh xúc, tánh biết là sáu cái biết hiện tại mà nói gọn là tâm tánh của chúng ta. Kinh Kim Cang nói thân này có già, có hoại, có tan như bóng chớp chiều tà nhưng mà tánh Phật, tánh thấy, tánh biết ấy không già không hoại thường còn bền vững mãi. Trẻ cũng thấy, già cũng thấy, kiếp này thấy, kiếp sau thấy, làm con bò cũng thấy, con kiến cũng thấy và con người cũng thấy. Thân này có hoại diệt nhưng tánh thấy, tánh biết, tánh nghe của chúng ta hiện tại không sanh, không diệt mà thể của nó như hư không ở khắp pháp giới, đồng bản thể với tất cả vạn pháp. Hễ trì bốn câu kinh đại thừa để nhận tánh vô vi thường trú này thì chúng ta sẽ được

phước vô vi vĩnh viễn. Thế cho nên, trong kinh Kim Cang nhiều lần Đức Phật nhắc đi nhắc lại để chúng ta trở về sống với Tánh Không sanh không diệt này, đó gọi là phước vô vi, phước này còn hoài không bao giờ mất. Tánh Phật Kim Cang này vốn không sanh không diệt nên chúng ta trở về tánh này, chúng ta sẽ thành Phật, hưởng phước vô vi vĩnh viễn không bao giờ hết. Nói như thế chúng ta sẽ cảm thấy khó tin lắm. Đức Phật cũng biết sự khó tin này cho nên Đức Phật nhắc lại là Như Lai không có nói dối đâu. Đó là chân thật ngữ.

Lời nói chân thật là lời nói như thế nào? tức là không thay đổi. Hôm qua như thế, hôm nay cũng thế và năm tới cũng như thế. Dù không gian và thời gian như thế nào cũng không thay đổi. Công đức của bồ thí thìa cháo bằng biển cả đại dương và công đức của bồ thí bảy báu đầy khắp cả tam thiên đại thiên thế giới, công đức của bồ thí thân như số cát sông Hằng cũng không bằng công đức ngồi tụng hay giảng nói bốn câu kinh Kim Cang vậy. Khi nói về công đức của thìa cháo bằng cả biển đại dương là nói về công đức tài thí, còn bây giờ so sánh câu kinh Kim Cang là pháp thí, nhưng Đức Phật vẫn khen ngợi sự bồ thí chứ không phải là Đức Phật thay đổi lời nói. Đức Phật ấn chứng rằng lời ta nói thật chứ không có lừa, chẳng dối, chẳng khác, để cho chúng ta yên lòng.

Nếu ai nghe kinh Kim Cang Bát Nhã này với những nghĩa về tánh và tướng như vậy, mà công nhận kinh này là đúng, không sai với chân lý, tin chân tâm bản tánh là thật, tin phước đức của trì tụng kinh Kim Cang thì công đức rất lớn. Do có lòng tin không nghịch như vậy nên công đức của người nghe kinh hơn phước đức người bồ thí thân mạng. Chỉ nghe kinh công đức còn như thế, huống chi còn tin tưởng, còn biên chép, thơ tả, đọc tụng, thọ trì, giảng nói thì phước đức không thể nghĩa bàn.

---o0o---

X. NẾU NÓI NHƯ LAI THUYẾT PHÁP LÀ PHỈ BÁNG NHƯ LAI

Này Tu-bồ-đề! Ông chớ bảo Như Lai khởi nghĩ thế nào? Như Lai có thuyết pháp (năng thuyết) và có pháp để thuyết (sở thuyết)? Thật ra, nơi đây không có năng thuyết và sở thuyết gì cả. Ai nói Đức Phật thuyết pháp là người đó phỉ báng Phật.

Bấy giờ ngài Tuệ Mãn Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: “Người có trí tuệ mới hỏi câu: Chúng sanh đời sau có tin câu nói rằng ai nói Như Lai thuyết pháp là người đó phỉ báng Như Lai?”

Nếu không bình tĩnh và không hiểu ý nghĩa của tư tưởng Đại thừa thâm sâu thì chúng ta sẽ không hiểu ý nghĩa của pháp ngữ số mười này. Tại sao Phật tuyên bố: nếu cho rằng Đức Phật có thuyết pháp tức là phỉ báng Phật. Lời của Đức Phật nói mạnh mẽ như nhất búa như vậy, nhưng thật ra bên trong là cả một

tâm lòng tha thiết của Đức Phật muốn chúng ta đừng chấp thủ bất cứ pháp nào cho là thật. Thật ra, chẳng như Đức Phật mà ngay cả đệ tử của ngài là trưởng giả Tu Bồ Đề cũng phủ nhận là ngài Tu Bồ Đề cũng chưa từng giảng chữ nào qua câu chuyện²⁹ như sau:

1. Tôn giả Tu Bồ Đề chưa từng giảng pháp

Một hôm, Tôn giả Tu Bồ Đề đang nhập định trong động núi và an trú ở cảnh giới vi diệu của Không tam muội thì cảm ứng rung động đến cảnh giới chư thiên. Họ bèn cùng nhau xuất hiện giữa hư không, dâng từng đóa hoa trời xuống trước mặt tôn giả và chấp tay ca ngợi rằng:

- Thưa tôn giả Tu Bồ Đề! Làm người ở thế gian, dù có danh vị cao xa, của cải châu báu thật nhiều cũng không có gì đáng tôn quý. Dù có là quốc vương hay phú hộ thì rốt cuộc họ cũng chỉ là tù nhân của phiền não và dục vọng mà thôi. Thưa tôn giả! Điều tôn quý chân thật ở thế gian chính là sự tu hành cao cả mà tôn giả đang thể hiện. Chính uy đức cao sâu của tôn giả tỏa chiếu trong lúc tôn giả đạt đến cảnh giới Không tam muội đã làm cảm kích cả thiên cung chúng tôi. Tu Bồ Đề của loài người xứng đáng hưởng thọ sự cúng dường của cõi trời. Người khéo nói Bát Nhã, tự tại vân du trong cõi trời xanh muôn dặm của Không tam muội, vượt thoát tất cả những phạm tình của nhân gian; dù là mây đen phiền não hay mây trắng bồ đề cũng không che phủ được người. Người đã hoàn toàn chặt đứt sợi dây sắt của dục tình, bẻ gãy ống khóa vàng của pháp chấp. Thưa đại đức Tu Bồ Đề tôn quý! Xin người hãy tiếp nhận hoa trời của chúng tôi cúng dường. Chúng tôi xin đánh lễ người để tỏ lòng kính ngưỡng.

Lời ca ngợi của chư thiên và hoa trời tung rơi đã làm cho tôn giả xuất định. Tôn giả nhìn họ hỏi:

- Quý vị là ai? Sao lại đến đây rải hoa và ca ngợi tôi?

Vị đứng đầu thiên chúng đáp:

- Thưa tôn giả! Tôi là trời Đê Thích, còn tất cả đây đều là thiên chúng.
- Vì sao quý ngài lại ân cần ca ngợi tôi như vậy?
- Vì chúng tôi kính ngưỡng tôn giả đã an trú trong Không tam muội và đã khéo nói Bát Nhã Ba La Mật.
- *Đối với Bát Nhã, tôi chưa hề nói được một chữ thì hà tất quý ngài phải ca ngợi.*
- *Tôn giả đã không nói thì chúng tôi cũng không nghe.*

Không nói không nghe, đó là chân bát nhã.

Chúng ta thấy trình độ của Tôn giả Tu Bồ Đề và cả các vị chư thiên đều ngộ lý Bát Nhã, không có chấp tướng, cho nên ai cũng phủ nhận không có người nói và không có cả người nghe thì việc nói pháp làm sao có. Vì lý do đó, nếu ai nói Như Lai có thuyết pháp tức là người đó đã phỉ báng Như Lai.

2. Chân Đế & Tục Đế

Dưới cội bồ đề, khi sao mai vừa sáng, Đức Như Lai giác ngộ và thấy rằng tất cả chúng sanh đều có đầy đủ đức tướng trí tuệ của Như Lai không khác. Tất cả đều là Như Lai cả. Đó là chỗ thấy biết của ngài. Nếu bây giờ ngài lại thấy chúng sanh chưa bằng mình nên bây giờ Phật phải nói pháp cho chúng sanh nghe. Như vậy đâu có phải là thấy tất cả chúng sanh đều đầy đủ trí tuệ đức tướng Như Lai mà thấy có hai bên đối đãi là Như Lai cao và chúng sanh thấp. Nếu đã có phân biệt khác nhau giữa Phật và chúng sanh thì như vậy Như Lai chưa phải là Như Lai.

Cho nên nếu ai tuyên bố Như Lai có thuyết pháp và có chúng sanh nghe pháp thì như vậy gọi là phỉ báng Như Lai, là chưa hiểu được nghĩa rốt ráo của kinh Kim Cang. Chúng ta phải biết thân Phật đang nói pháp chỉ là hóa thân hoá hiện của phương tiện hóa thành dụ; còn chúng sanh đang ngồi nghe cũng chỉ là nghiệp báo giả hiện và âm thanh thuyết pháp chỉ là sự rung động của làn âm ba không khí, chứ không nắm bắt được. Đức Phật đánh mạnh để chúng ta đừng nắm chặt một pháp nào vì pháp còn phải bỏ huống gì phi pháp. Thân Như Lai còn giả huyễn hướng chỉ những thân ô trược của chúng ta và pháp thoại từ miệng của Phật cũng chỉ là những âm thanh gió động, cũng là huyễn giả.

Giáo lý của Đức Phật chia làm ba:

a) Không Như Lai tạng là *chân đế, toàn chân*, tuyệt đối chỉ nói về Như Lai tánh, chứ không có những chuyện giả tạm của tục đế, nên không có Đức Phật thuyết pháp và chúng sanh nghe pháp.

b) Bất không Như Lai tạng là *tục đế*, tức nói về những sự tùy duyên giả hiện, *toàn vọng*. Khi Đức Phật thành Phật, ngài thấy tất cả chúng sanh có tánh Phật nhưng họ mê mờ ngu dại lang thang sáu nẻo làm những điều sai lầm, nên ngài mới nói pháp để chúng sanh thức tỉnh mà trở về, đó là tục đế.

c) Không bất không Như Lai tạng: là *trung đế, toàn vọng tức chân*, rời vọng không tìm thấy chơn.

Tinh thần kinh Kim Cang là nói về chân đế tức tuyệt đối Như Lai tạng, nên không có Đức Phật thuyết pháp và chúng sanh nghe pháp.

Bấy giờ ngài Tuệ Mãn Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: người có trí tuệ mới hỏi câu: “Chúng sanh đời sau có tin câu nói rằng nếu ai nói rằng Như Lai thuyết pháp là người đó phỉ báng Như Lai?” Ở đây ngài Tu Bồ Đề hỏi chúng sanh sau này có

hiều và có tin câu tuyên bố này không? Chúng sanh là thân giả tạm và trong thân giả tạm đó có tánh biết thấy, biết nghe, biết nói, biết phải trái mọi chuyện, tức nơi thân này có tánh Kim Cang Bát Nhã. Như vậy, chúng sanh không phải là chúng sanh suông, cái hoa không phải là cái hoa suông, con thỏ không phải là con thỏ suông, bởi lẽ chúng sanh có tánh Phật. Tuy hiện tại chúng sanh có tánh Phật nhưng nó vẫn hiện ra thân bằng đất nước gió lửa và vẫn bị ngũ trược³⁰, năm lớp vô minh che phủ. Vì thế, nên Như Lai nói nó chẳng phải là chúng sanh đâu nhưng hiện tại vẫn có cái tên là chúng sanh. Như vậy, chúng sanh chẳng phải là chúng sanh bởi vì nó có tánh Phật, có tánh Kim Cang Bát Nhã. Chúng sanh chưa phải là Phật và hiện tại vẫn gọi là chúng sanh bởi vì nó đang hiện ra thân làm bằng bốn đại và vẫn bị ngũ trược ngăn che.

Ví có sao nếu có người nói Như Lai có nói pháp tức là hủy báng Như Lai? Đức Phật tùy cơ duyên mà giáo hóa chứ không phải ngài có sẵn giáo pháp, rồi ngài đến bắt chúng ta học. Ngài đến thế giới này theo chỗ mê muội của chúng ta mà khai mở, tùy căn cơ mỗi người mỗi khác. Có người hiểu thế này, có người trình độ thế kia và ngài đều có lời giảng giải khế cơ, khế lý, chứ không phải khư khư một pháp, cho rằng Ta có một pháp này, Ta đến xứ này và Ta bắt chúng sanh phải học thế. Không phải vậy, ngài đến thế giới ta bà để giáo hóa chúng sanh tức là tùy sự si mê của chúng sanh mà ngài khai mở cho mình, chứ không phải ngài đến có sẵn một bài pháp rồi bắt chúng ta học. Không có một pháp cố định mà ngài để lại cho chúng ta. Tùy theo trình độ mê lầm của chúng ta mà ngài giáo hóa hướng dẫn. Tại làm sao lại nói ai cho rằng Như Lai có thuyết Pháp là người đó hủy báng Như Lai? Hủy báng nghĩa là không hiểu ý của Như Lai. Nếu chúng ta hiểu được Đức Phật là pháp thân ở khắp pháp giới, Ngài là bậc thánh có trí tuệ tuyệt đối, Ngài tùy duyên mà hóa thân vì trần tượng hải để nói pháp. Chúng ta không biết sự giả hiện tùy duyên mà cho là sự thật, do chỗ không hiểu thành ra cứ khăng khăng chấp rằng có Đức Phật thuyết pháp trong 49 năm. Nếu ai nói như thế, người đó là người hủy báng Như Lai.

Đức Phật tùy căn cơ mà giảng dạy chứ không có một pháp cố định. Sau này chư tổ đặt tên cố định ví dụ như pháp Kim Cang Bát Nhã, Lăng Nghiêm, rồi Tứ Niệm Xứ... Nếu chúng ta hiểu không có pháp cố định, tin quyết định như vậy thì chúng ta không nên cố chấp, tùy căn cơ, khả năng mỗi người mà học. Bây giờ trên thế gian này có người, có pháp. Chúng ta học là để buông tính chất phàm phu để trở về tánh chân không, chứ thật ra bản thể tánh chân như thì không có gì cả. Xét khả năng mình ở trình độ nào thì theo đó mà học, đừng cố chấp, không nên cố chấp vào lời của kinh và của Phật.

3. Trí Tuệ như Đức Phật

Nếu chúng ta bắt chước có cái nhìn và hiểu giống như Đức Phật thì chúng ta cũng sẽ có trí tuệ như Đức Phật vì ca dao Việt Nam có câu: “Con nhà tông, không giống lông cũng giống cánh”. Với trí tuệ dẫn đầu, chúng ta nhìn đúng với chiều hướng Đức Phật nhìn, thế là chúng ta sẽ tỉnh giác hơn người khác. Phàm phu khi nghe nói nặng thì chịu không nổi, nên nổi giận đầu khẩu và đầu tay chân. Còn chúng ta nếu giác tỉnh biết lời nói âm thanh là hư giả nên không bị xoay chuyển và bình tĩnh thấy đúng lẽ thật. Đó là sống bằng trí tuệ. Chúng ta buông xả các cố chấp, không khư khư chấp người này trái, buông dần dần những vô minh khư khư cố chấp của mình. Nếu chúng ta thấy không đúng lẽ thật, cố gắng nhẫn nhịn rồi khổ tâm, cố đè nén nhưng chỉ đến một lúc nào thôi thì sẽ bùng nổ. Thấy không đúng lẽ thật, nghĩa là thấy chúng sanh là chúng sanh, thấy cô A là cô A, cô B là cô B. Thấy như vậy là thấy lầm, thấy sai. Vì thấy như vậy, nên cho là có lời nói nặng, có sự cố gắng nhẫn nhịn, rốt cuộc càng khổ tâm, vì chỉ nhẫn được một thời gian thôi. Khi hết sức chịu nổi thì cơn giận của chúng ta sẽ nổ tung ra bởi vì tầm nhìn của chúng ta là phàm phu. Vì chúng ta cho có lời nói thật, có sự khen vui thật, nên khi bị chê thì giận; khi được khen thì vui, nhưng vui chỉ một thời gian ngắn rồi buồn. Nhẫn chỉ một thời gian ngắn rồi lại nổ tung ra la hét chửi rủa vì quá sức chịu đựng. Thế cho nên phải cải đổi tính tình phàm phu của chúng ta, nên quan sát con người là đất, nước, gió, lửa duyên hợp; nên quán âm thanh tiếng nói là sự rung động của làn sóng không khí. Thế thì tự nhiên chúng ta sẽ không giận khi họ nói xấu mình. Do vậy, chúng ta sẽ có sức nhẫn chịu lâu dài, đều là nhờ tu tập có tầm nhìn của trí tuệ, có tầm nhìn của Kim Cang Bát Nhã thì đời sống của chúng ta sẽ nhẹ nhàng, thanh thản. Như vậy là chúng ta đang học theo trí tuệ của Phật.

4. Đức Phật Chưa Từng Nói Một Lời

Tại sao lại nói là Đức Phật chưa từng giảng pháp? Đức Phật chưa từng nói bởi vì âm thanh là hư vọng. Ngài mượn tạm âm thanh hư vọng để nói chuyện với những người còn sống trong vòng hư vọng mê mờ, chứ thật ra âm thanh là cái không hề có. Đệ tử thắc mắc rằng trong bốn mươi chín năm, Đức Phật có thuyết pháp rõ ràng ở nhiều nơi? Thật ra, thân cũng giả hiện và âm thanh cũng chỉ là những làn sóng âm ba chạm vào màng nhĩ, thân kinh màng nhĩ nương vào nghiệp người mà phân biệt, chứ không có một âm thanh thật để cầm nắm được. Lời nói âm ba chỉ là phương tiện để độ cho những người còn ở trong vòng mê. Đức Phật trong đoạn trước đã dạy rằng nếu còn nhận rằng ta là Phật đã thành, ta là Phật thuyết pháp, còn thấy có ta, có người thì là chưa có trí tuệ Bát Nhã. Vì vậy, nói là không có pháp thành Phật mà cũng không có lời nói, không có pháp vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Nhận được chân tâm của mình là tánh giác mà tánh giác này bình đẳng nơi tất cả vạn pháp. Tất cả mọi chúng sanh ai cũng có tánh giác đầy đủ trọn vẹn vốn sẵn

cho nên gọi là chánh đẳng. Ai nhận được tánh vô thượng chánh đẳng chánh giác này gọi là thành Phật, mà tánh này bản lai chúng ta có rồi, cho nên đâu có thành tựu cái gì mới hay cái gì thêm vào. Cho nên Đức Phật nói là không có một pháp nào để mà chứng, để mà thành Phật. Chúng ta chỉ có công tu, gia bồi công phu để lọc cho sạch những vô minh, cho nên nói không tu mà tu, không được mà được. Bây giờ, Đức Phật vẫn hơn chúng ta, vì Đức Phật biết là ngài ở khắp pháp giới, còn chúng ta cứ thấy mình nhỏ thu lu trong thân đất nước gió lửa này. Đức Phật nói tuy ngài không chứng được cái gì, nhưng thật ra ngài có được thành Phật, cho nên ở đây nói được mà không được. Phật có tu, có chứng chứ không phải là không. Đức Phật cứ phải nói tới, nói lui. Nói xong lại phá đi, cứ lập rồi lại phá đi, thành ra chúng ta thấy rắc rối, nhưng thật ra nghĩa lý thì giản dị như vậy thôi, nếu chúng ta chịu khó bình tĩnh ngẫm lại. Bởi vì chúng ta mê, tuy có tánh giác sẵn đây nhưng mà không biết. Đức Phật có công phu tu, ngài có chỗ hơn chúng ta là ngài thấy được tánh của mình. Ngài sử dụng được pháp thân ở khắp pháp giới. Ngài có chân thường, chân lạc, chân ngã và chân tịnh. Còn chúng ta tuy có pháp thân nhưng mà không biết gì cả, có cũng như không, nên nói là chưa đắc.

Đức Phật nói như vậy để chúng ta biết mặt trái, mặt phải và cũng biết mặt trong, mặt ngoài. Thế nào gọi là bậc hiền, bậc thánh? Hễ còn sanh diệt thì là phàm phu, còn đang tập tu thì gọi là bậc Hiền, còn nhận được tánh vô sanh bất diệt, tánh vô lượng thọ thì là bậc Thánh. Như vậy, phàm phu, Hiền với Thánh là ở chỗ chúng ta có nhận được tâm vô tướng Kim Cang bất hoại của mình hay không?

---o0o---

XI. TRANG NGHIÊM CÔI PHẬT TỨC KHÔNG PHẢI TRANG NGHIÊM MỚI GỌI LÀ TRANG NGHIÊM

Này, Tu-Bồ-Đề! Ý của ông nghĩ thế nào? Bồ-tát có trang-nghiêm Phật độ chăng?"

"Bạch đức Thế-Tôn! Không, tại vì sao? Vì trang-nghiêm Phật-độ đó, chính chẳng phải trang-nghiêm, đó tạm gọi là trang-nghiêm".

1. Trang Nghiêm cõi Phật A Di Đà, Dược Sư và Huyền Hoa Tạng Pháp Giới Kinh A Di Đà³¹ dạy rằng:

"Phương Tây cách đây hơn mười vạn ức cõi Phật, có một thế giới tên là Cực Lạc, Đức Phật cõi đó hiệu A Di Đà, hiện đang thuyết pháp".

"Tại sao gọi là Cực Lạc? Vì các chúng sinh trong cõi nước đó không có khổ não, chỉ hưởng an vui, cho nên gọi là Cực Lạc... Cõi nước Cực Lạc có ao bảy báu, chứa đầy nước tám công đức, dưới ao thuận là cát vàng... Cõi nước Cực Lạc đầy đủ công đức trang nghiêm như vậy".

"Cõi đó đất thuần là vàng, trên không thường có nhạc trời, ngày đêm sáu thời hoa Mạn Đà La từ trên không trung rơi xuống như mưa, tỏa hương kỳ diệu... Cõi nước Cực Lạc đầy đủ công đức trang nghiêm như vậy".

"Cõi nước Cực Lạc gió hiu hiu thổi, rung động những hàng cây báu và hàng lưới báu, phát ra tiếng pháp cực kỳ vi diệu... Cõi nước Cực Lạc đầy đủ công đức trang nghiêm như vậy".

"Phật A Di Đà thành Phật đến nay đã hơn mười kiếp.

Đệ tử của Ngài toàn là những bậc Thanh Văn, bậc A La Hán và Đại Bồ Tát, nhiều đến vô lượng, vô số, vô biên không thể dùng toán mà tính biết được. Cõi nước Cực Lạc đầy đủ công đức trang nghiêm như vậy".

Kinh Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai Bản Nguyện Công Đức³²

"Này ông Mạn Thù Sư Lợi, đó là những nguyện lớn của Thế Tôn Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai. Ngài đã phát ra, khi Ngài còn đương hành đạo Bồ Tát, và những công đức trang nghiêm ở bên cõi nước của Ngài, nếu ta nói ra, đến hết một kiếp hay hơn một kiếp cũng không hết được.

Nhưng có một điều: ở nước Phật kia một màu thanh tịnh, không có nữ nhon, không có ác thú và những tiếng khổ; mặt đất thuần là ngọc pha lê lưu ly, những thừng bằng vàng giăng bên đường đi, thành khuyết, cung, các, hiên, cửa, màn lưới, đều bằng thất bảo cũng như thế giới

Cực Lạc Phương Tây, công đức trang nghiêm giống nhau không khác".

Kinh Hoa Nghiêm³³ dạy rằng:

"Lúc đó Phổ-Hiền Bồ-Tát lại bảo đại-chúng rằng: 'Chư Phật-tử! Hoa-tạng thế-giới-hải này, được trang-nghiêm tịnh là do đức Tỳ-Lô-Giá-Na Như-Lai, thuở xưa lúc tu hạnh Bồ-Tát trải qua thế-giới-hải vi-trần số kiếp, trong mỗi kiếp gần gũi vi-trần số Phật, nơi mỗi Phật tu-tập vitrần số đại nguyện thanh-tịnh.

Hoa-Tạng trang-nghiêm thế-giới-hải này... rùng bằng châu báu, hoa tốt đua nở, cỏ thơm trải đất, minh-châu xen trang-nghiêm, khắp nơi đây những hoa thơm, châu ma-ni làm lưới giăng trùm, có thế-giới-hải vi-trần số sự trang-nghiêm tốt-đẹp như vậy.

Trong đại-luân-vi-son nơi thế-giới-hải này, tất cả đại-địa đều do kim-cang hiệp thành, kiên cố trang-nghiêm chẳng thể hư hoại, bằng phẳng thanh-tịnh, ma-ni làm luân, các thứ báu làm tạng, những ma-ni bửu xen lẫn trong đó, rải những hạt châu báu, hoa sen trải đất, hương tạng mani xen trong hoa. Những đồ trang-nghiêm đầy khắp như mây, tất cả sự trang-nghiêm trong tất cả quốc-độ của tam thế chư Phật đều họp lại để nghiêm-sức, ma-ni diệu-bửu làm lưới hiện tất cả cảnh-giới của Như-Lai như lưới Thiên-đế giăng hàng trong đó.

Đại-địa của thế-giới-hải này có thế-giới-hải vi-trần-số sự trang-nghiêm như vậy. Trong đại-địa của thế-giới-hải này... có bất-khả-thuyết trăm ngàn ức na-do-tha rào tường bằng châu báu bao quanh khắp nơi để trang-nghiêm... Hai bên bờ đất của những sông hương-thủy này đều trang-nghiêm bằng những diệu-bảo... Thế-giới-hải trang-nghiêm của chư Phật Thế-Tôn đều bất-tư-nghì. Vì sao vậy? Nay Chư Phật-tử! Tất cả cảnh-giới của Hoa-Tạng thế-giới-hải này, mỗi mỗi đều dùng thế-giới-hải vi-trần-số công-đức thanh-tịnh để trang-nghiêm”.

Qua đoạn chánh văn trên, kinh A Di Đà giới thiệu rằng có cõi Cực Lạc do Đức Phật A Di Đà thành lập. Cõi nước Cực Lạc ấy có đầy đủ công đức trang nghiêm như chúng sinh trong cõi nước đó không có khổ não mà lại có ao bảy báu, chứa đầy nước tám công đức, dưới ao thuần là cát vàng, đất thuần là vàng, trên không thường có nhạc trời, ngày đêm sáu thời hoa Mạn Đà La từ trên không trung rơi xuống như mưa, tỏa hương kỳ diệu, gió hiu hiu thổi, rung động những hàng cây báu và hàng lưới báu, phát ra tiếng pháp cực kỳ vi diệu, đệ tử của Đức Phật toàn là những bậc Thanh Văn, bậc A La Hán và Đại Bồ Tát, nhiều đến vô lượng, vô số, vô biên không thể dùng toán mà tính biết được.

Trong kinh Dược Sư, cõi nước Tịnh Lưu Ly là một màu thanh tịnh, không có nữ nhon, không có ác thú và những tiếng khổ; mặt đất thuần là ngọc pha lê xà cừ, có ao thất bảo cũng như thế giới Cực Lạc Phương Tây, công đức trang nghiêm giống nhau không khác.

Trong cõi Huyền Hoa Tạng Pháp Giới của Đức Tỳ Lô Giá Na Phật có rừng bằng châu báu, hoa tốt đua nở, cỏ thơm trái đất, châu ma-ni làm lưới giăng trùm, tất cả đại-địa đều do kim-cang hiệp thành, kiên cố trang-nghiêm chẳng thể hư hoại, bằng phẳng thanh-tịnh, rải những mặt châu báu, hoa sen trái đất, hương tạng ma-ni xen trong hoa.

Những đồ trang-nghiêm đầy khắp như mây, tất cả sự trang-nghiêm trong tất cả quốc-độ của tam-thế chư Phật đều họp lại để nghiêm-sức... Có rào tường bằng châu báu bao quanh khắp nơi để trang-nghiêm... Hai bên bờ đất của những sông hương-thủy này đều trang-nghiêm bằng những diệu-bảo... Thế-giới-hải trang-nghiêm là cõi huyền hoa tạng, sự lý vô ngại pháp giới.

Như vậy chúng ta thấy rằng, các cõi của chư Phật rất trang nghiêm thù thắng thanh tịnh không có sự xấu xa, ô ứ, đau khổ của tam tai tám nạn như cõi người. Cảnh giới trang nghiêm của chư Phật cho thấy khi còn đương hành đạo Bồ Tát, Đức Phật A Di Đà, Phật Dược Sư và Đức Tỳ Lô Giá Na Phật đã gieo trồng vô lượng phước thiện và những phước thiện đó có nói ra suốt kiếp cũng không hết được. Nhờ những công đức bất khả tư nghĩ đó, mà sắc thân của chư Phật (y báo) và cảnh giới của các ngài (chánh báo) được vô lượng trang nghiêm thù thắng thanh tịnh. Cõi Phật cũng toàn là các vị Bồ Tát, các bậc thượng nhân, không có

phàm phu tầm thường cho đến không có nữ nhân. Đức Phật trong các cõi ấy vì thương chúng sanh nên có nguyện “đổi nghiệp vãng sanh” độ cho những chúng sanh phước mỏng nghiệp dày. Cho nên, những chúng sanh đầy nghiệp chướng mà được ở trong cảnh giới huyền hoa tạng của Đức Phật Tỳ Lô Giá Na Phật hay cảnh giới Cực lạc của Đức Phật A Di Đà thì chúng ta sẽ cảm cái quả nhìn thấy cảnh thanh tịnh của cõi Phật. Còn nếu thấy cái ác xấu tai họa là do nghiệp, chứ thật ra cảnh giới của các Ngài toàn là cảnh trang nghiêm, Đức Phật và Bồ tát toàn là thánh nhân, cảnh giới toàn là những thanh tịnh nhiệm màu và công đức trang nghiêm.

2. Trang Nghiêm Cõi Phật của Kinh Kim Cang

Vị Phật nào thành Phật cũng ở trong cảnh giới trang nghiêm tốt đẹp như vậy. Những quyến thuộc của Ngài, đệ tử của Ngài, những người cùng Ngài tu học cũng cùng câu hội một nơi. Cho nên, các ngài ở đâu, là có các vị Bồ tát, thánh nhân, thiện hữu tri thức ở đấy. Như thế gọi là các Bồ tát có trang nghiêm cõi Phật, nghĩa là bây giờ các Bồ tát phải tu các công hạnh để sau này về cảnh giới của mình là toàn những công đức trang nghiêm. Cho nên, chúng ta phải gieo nhân Bồ tát. Chúng ta muốn thành Phật để có cảnh giới trang nghiêm thì phải gieo nhân từ lúc còn làm bồ tát mới phát tâm. Vậy tại sao nơi đây Như Lai lại hỏi rằng: “*Này Tu Bồ Đề! ý ông nghĩ sao Bồ Tát trang nghiêm cõi Phật chăng? Ngài Tu Bồ Đề trả lời rằng: Bạch Thế Tôn không, vì trang nghiêm cõi Phật tức không phải trang nghiêm, mới gọi là trang nghiêm*”.

Trang nghiêm tức không phải trang nghiêm, mới gọi là trang nghiêm và trang nghiêm đến nơi đến chốn. Thế nào là trang nghiêm? tức là Bồ tát sửa soạn cõi Phật của mình thật tuyệt vời. Ngài phải độ chúng sanh, làm lợi ích cho chúng sanh và trong khi làm lợi ích chúng sanh ấy phải thật từ bi thương chúng sanh. *Chính lòng từ bi của chúng ta mới đắp xây và mai đây mới thành cõi cực lạc.* Chứ còn nếu dăm dăm vào ta (ngã), lo sửa soạn một cõi thật đẹp, mua bông mua hoa về chưng, nhưng trong khi đó lại ngó lơ một chúng sanh đang đói, đang khổ thì không phải là trang nghiêm. Nếu chúng ta thật lòng thương chúng sanh ấy, lo cho nó khỏi đói, lo cho nó khỏi rét thì mới là Bồ tát. Còn bây giờ đưa cho nó chén cơm mà nghĩ là nhờ bố thí này mà mai đây chúng ta sẽ hưởng phước, bố thí cho người homeless (người ăn xin) một cái áo mà nghĩ rằng tương lai mình sẽ được nhiều áo. Thế thì ngày mai chúng ta có còn phước nữa không? Có phải chúng ta còn vụ lợi từ chén cơm, chiếc áo mà chúng ta bố thí? Vậy chúng ta đâu có tâm thương chúng sanh. *Chúng ta không có tâm từ bi thì mai đây chúng ta sẽ không có cõi Phật.* Chúng ta không định trang nghiêm tâm mình thì ngày mai cõi của mình sẽ khổ như ta bà, chứ không phải cõi Phật. Còn nếu bây giờ chúng ta chỉ một lòng nghĩ lo cho chúng sanh, tìm cách làm sao cho chúng sanh khỏi khổ, thì gọi là *bồ tát trang nghiêm cõi Phật*. Thế cho nên, *Bồ tát trang nghiêm*

mà không trang nghiêm thì mới thật là trang nghiêm. Chứ bây giờ cả ngày cứ dăm dăm lo cho mình ngày mai, đưa cho chúng sanh chiếc áo, chén cơm để mong rằng ngày mai chúng ta sẽ có nhiều áo và nhiều cơm. Cứ dăm dăm làm phước để ngày mai hưởng phước thì phước ấy còn kém lắm. Phước như vậy thì trang nghiêm ấy bị hỏng, không phải là trang nghiêm nữa. Thế cho nên, Đức Phật mới bảo trang nghiêm tức là tận tình lo cho chúng sanh, một lòng thành thật từ bi, đừng vụ lợi, đừng nghĩ gì cho mình cả thì ngày mai mới thực sự có quả phước trang nghiêm, vì vậy cho nên nói trang nghiêm mà không phải trang nghiêm mới gọi là trang nghiêm trong kinh Kim Cang.

3. Xây Ngôi Nhà Phật Pháp

Muốn xây một toà nhà thì chúng ta phải có xi măng, sắt, đá, gạch và cốt thép để xây dựng. Ở đây cũng thế, muốn xây ngôi nhà Phật pháp thì chúng ta phải có công sức và công lao trong Phật pháp tức là chúng ta phải để dành công đức, phải luyện tâm chúng ta cho có công có đức. Vậy chúng ta sẽ luyện thế nào? Như Đức Di Đà có 48 đại nguyện, Đức Dược Sư có 12 nguyện, Đức Quan Âm có 12 nguyện, Bồ tát Phổ Hiền có 10 nguyện... Mỗi vị bồ tát đều có những nguyện để thành Phật. Muốn nguyện thành tựu, các ngài phải dự trữ công đức mà công đức là do luyện tâm của mình. Tâm của chúng ta phải có từ bi triệt để, phải hỷ xả và kiên nhẫn triệt để, phải bố thí ba-la-mật, trì giới bala-mật, phải lục độ ba la mật và từ công đức ấy mà hiện lên vạn hạnh gọi là lục độ vạn hạnh. Chính vạn hạnh ấy là chánh nhân hiện lên ở tạng thức. Tâm địa của chúng ta và nhờ công đức ấy mà sau này thành cảnh cực lạc, thành Phật. Còn duyên là chúng ta phải làm lợi ích cho tất cả những người hiện tại đây trên cõi đất ta bà này đều có mặt tại cõi Phật, đều thành Phật. Chúng ta giúp cho những chúng sanh ở cõi đất của mình đều là các vị Bồ tát. Tất cả việc nhân duyên này, chúng ta phải làm ngay từ bây giờ. Lo nhân là lo lọc cho thật sạch các lâm mê, lọc cho sạch những thói hư tật xấu, chỉ chứa toàn những hạt giống tốt trong tạng thức của mình thôi. Lo duyên là lo độ những người xung quanh chúng ta, ngay ông bà, cha mẹ, bạn bè, họ hàng thân quyến, con chó, con mèo, cho đến con kiến, con sâu, con trùng nhỏ nhít mà hàng ngày chúng ta gặp chúng nó đây, đều là những thắng duyên độ sanh của chúng ta cả. Làm thế nào những duyên này ngày mai toàn là duyên tốt thánh thiện thì đây là trang nghiêm. Thế cho nên phải có công phu, chứ không phải không? Phải nhớ lo hạt giống trong tạng thức của chúng ta là hạt giống tốt. Khi làm lợi ích cho ai, đừng nghĩ làm để ngày mai chúng ta được quả báo lành mà tận tình trồng hạt giống từ bi trong tạng thức của mình. Trang nghiêm mà không trang nghiêm mới gọi là trang nghiêm. Chứ còn cứ lo ích kỷ, bo bo cho mình để ngày mai mình thành Phật, mình sung sướng thì như vậy là gieo hạt giống ích kỷ trong tạng thức thì tương lai chúng ta sẽ thành Bích Chi Phật³⁴ hay Độc giác Phật cô đơn một mình.

Bồ tát cứ ngồi khoanh tay một chỗ, không làm gì cả thì không gọi là bồ tát. Bồ tát phải giác tỉnh, làm tất cả các việc thiện, lợi ích tất cả chúng sanh và lúc nào cũng có tuệ Bát Nhã biết được thân mình không thật, tất cả những việc mình làm đây theo duyên theo nghiệp chứ không phải là thật. Chúng sanh chịu ơn mình cũng theo duyên theo nghiệp mà giả hiện chứ không thật. Bồ tát có trí tuệ mới gọi là bồ tát. Nếu không có trí tuệ thì đó là việc thiện của phàm phu chỉ hưởng các quả báo hữu lậu và dùng thân sanh tử để hưởng phước hữu lậu sanh diệt.

Trí tuệ Bát Nhã là thấy được các phước báu của cõi trời và cõi người là không thật. Ngay cả hưởng phước làm thân vua nhưng thân vua cũng không thật, cũng bằng đất nước gió lửa, rồi mai cũng già, cũng bệnh, cũng chết, cho nên chính thân vua giàu có uy quyền cũng là cái không thật thì những sự giàu sang phú quý kia làm sao mà thật? Thế cho nên cầu sự sung sướng ở kiếp sau không phải là sự sung sướng mà là sự mê lầm, hệ lụy, ràng buộc, để đi mãi trong đường sanh tử, không tỉnh ra. Vì còn mong cầu ngày mai có phước, tức là không biết đường sanh tử là sự nguy hiểm thì là vị này không có trí tuệ. Thế cho nên, bồ tát chỉ vì lợi ích cho chúng sanh mà làm việc tốt lành, chứ không có mong cầu cho mình cái gì cả. Cho nên gọi là trang nghiêm mà không trang nghiêm, mới gọi là trang nghiêm cõi Phật.

---o0o---

XII. NHÃN NHỤC KHÔNG PHẢI NHÃN NHỤC MỚI GỌI LÀ NHÃN NHỤC

Đức Phật dạy: “Này Tu-Bồ-Đề! Nhãn- nhục Ba-lamật, đức Như-Lai nói đó chẳng phải Nhãn-nhục Ba-lamật, mà tạm gọi là Nhãn-nhục Ba-la-mật.

Bởi vì sao? Này Tu-Bồ-Đề! Như Ta thuở xưa, bị vua Ca-Lợi chặt đứt thân thể. Trong lúc đó, Ta không có tướng ngã, không có tướng nhân, không có tướng chúng-sanh, không có tướng thọ-giả.

Vì sao vậy? Vì thuở xưa, trong lúc thân phận bị chặt rời rã đó, nếu Ta còn có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng-sanh, tướng thọ-giả, thời lẽ ra Ta khởi lòng hờn-giận.

Này Tu-Bồ-Đề! Ta lại nhớ hồi thuở quá-khứ, trong năm trăm đời, Ta làm vị Tiên nhãn-nhục. Trong bao nhiêu đời đó, Ta không tướng ngã, không tướng nhân, không tướng chúng-sanh, không tướng thọ-giả”.

1. Chuyện Vua Ca Lợi và Tiên Nhân³⁵

Thuở xưa có một vị Tiên nhân tu tập Thiền Định trong rừng vắng. Một hôm vua Ca lợi (Kali) dẫn các cung phi mỹ nữ đi vào rừng dạo chơi săn bắn. Đoàn người đông đảo chia nhau tản mác khắp nơi. Có một số cung nữ vào sâu trong rừng và gặp một vị Tiên nhân đang tọa thiền trên bệ đá dưới bóng cây to.

Họ sinh lòng cung kính liền đem hoa quả dâng cúng và ngồi quanh thưa hỏi. Vị tiên vì họ mà thuyết pháp. Chợt vua Ca Lợi xuất hiện trông thấy cảnh tượng vị tiên nhân ngồi giữa đám cung phi xinh đẹp của mình, bất giác sinh lòng tức giận, đến hỏi:

- Người làm gì ở đây?
- Tôi là người tu đạo.
- Tu đạo thì đã chứng quả A-la-hán chưa?
- Chưa chứng quả A-la-hán.
- Vậy đã chứng quả Tu đà hoàn hay A-na-hàm chưa?
- Tôi chưa chứng được.

Vua Ca Lợi nói:

- Trong thế gian này có một số tiên nhân, hít thở khí trời và ăn trái cây để sống, nhưng họ vẫn còn lòng dục về tham và về dâm. Còn người trẻ tuổi như thế, lại chưa chứng quả, vậy người còn lòng dâm dục chăng?

- Tôi cũng chưa đoạn hết được.
- Người chưa đoạn hết được lòng dâm dục, vậy khi trông thấy các cung phi mỹ nữ của ta làm sao người nhẫn được?
- Tuy tôi chưa đoạn được dâm, nhưng tôi không hề khởi tâm dâm. Tôi quán mọi sự đều vô thường và tu tập quán sát chín loại bất tịnh (cửu tướng quán).
- Người nói tu quán chín loại bất tịnh, đó chỉ là điều lừa dối. Vậy có bằng cứ gì chứng tỏ người không hề khởi tâm dâm?
- Tôi có thể nhẫn không khởi tâm dâm. Cái gì tôi cũng có thể nhẫn nhịn được.
- Tốt lắm! Để ta xẻo cái tai của người coi thử ra sao?

Nói rồi, vua Ca Lợi rút kiếm ra cắt đứt đôi tai của vị tiên nhẫn nhục. Các quan văn võ trông thấy vua Ca Lợi cắt tai của tiên nhẫn nhục mà tiên nhân không tỏ chút gì đau khổ cả, bèn tâu rằng:

- Đại vương nên dừng tay. Người này chính là một vị đại sĩ, là một Bồ tát hóa thân. Đại vương không nên cắt thêm nữa.
- Các ông làm sao biết người này là Bồ tát?
- Khi Đại vương cắt tai tiên nhân mà sắc mặt tiên nhân vẫn không biến đổi như chẳng có chuyện gì xảy ra

- Làm sao biết hấn ta không đau đớn? Biết đâu lòng hấn ta rất căm hận ta, ta thử lần nữa xem sao?

Nói xong, vua Ca Lợi vung kiếm cắt luôn lỗ mũi của tiên nhân nhục và nói:

- Người có căm hận không?
- Tôi không căm hận.
- Người vẫn chưa chịu nói thật à! Để coi người có thật sự nhẫn được chăng, nay ta chặt thêm hai tay của người thì thử coi lúc đó người có tâm sân hận không?

Tiên nhân nhục đáp:

- Không có.
- Người vẫn nói là không có tâm sân hận, ta không tin. Ta không thể tin rằng trong thế gian này lại có kẻ bị người ta xẻo tai, cắt mũi, chặt cả hai tay mà lòng không sân hận.

Đó là điều kỳ quái.

Nói xong vua Ca Lợi chặt chân của vị tiên nhân nhục, rồi hỏi:

- Người vẫn chẳng sân hận sao?
- Không sân hận.

Vua chặt nốt chân kia. Vậy là hai chân, hai tay, hai tai và mũi đều bị cắt. Vua lại hỏi tiếp:

- Bây giờ, người có sân hận hay không?

Tiên ông vẫn một mực trả lời:

- Không sân hận.

Lúc bấy giờ trên tầng trời, các vị Tứ Đại Thiên Vương cả giận bảo rằng:

- Vua Ca Lợi này thật là không phải. Tiên nhân là bậc tu hành mà người xem thường một cách quá đáng. Chúng ta là hộ pháp nên phải trừng phạt người.

Sau đó các vị trời cho mưa đá xuống, rồi nổi gió làm cát đá bay mù mịt.

Vua Ca Lợi thấy vậy rất sợ hãi, biết là tai họa sắp đến, liền đến trước vị tu hành năn nỉ rằng:

- Bây giờ tôi đã biết lầm lỗi, trời đã trừng phạt tôi, xin tiên nhân đừng sanh lòng oán hận tôi.
- Tôi không tức giận và cũng không sân hận đức vua đâu.

Vua Ca Lợi không tin thì tiên nhân nói:

- Đây là bằng chứng. Nếu thật tâm tôi không sân hận đức vua thì tay chân, tai, mũi tôi lập tức khôi phục lại như xưa.

Nói xong quả nhiên vua thấy tay, chân, tai, mũi của tiên mọc ra như cũ. Tiên nói:

- Đến khi nào tôi thành Phật thì đức vua sẽ là người đầu tiên tôi độ cho thành đạo nghiệp.

Bởi vậy, sau khi Đức Thích Ca thành Phật thì Ngài đến vườn Lộc Uyển của xứ Ba la Nại để độ đầu tiên cho tôn giả Kiều Trần Như tức là vua Ca Lợi trong kiếp xa xưa.

Tại sao khi thân thể bị chặt đứt từng mảnh mà tiên nhân không sanh tâm sân hận?

Đức Phật trả lời:

- “Trong lúc bị vua Ca Lợi cắt xẻo tai, cắt thịt ra từng mảnh thì Ta không có tướng ta, tướng người, tướng chúng sinh và tướng thọ giả”. Tại sao? Bởi vì nếu còn cái ngã thì thấy thân này là thật, là của Ta, nên muốn bảo vệ giữ lấy, cho nên nếu ai xâm phạm nó thì chắc chắn sẽ sanh lòng sân hận. Lúc đó, vì không còn ngã, cho nên Ta không hề khởi lòng sân hận. Vì không có ta, không có người, không có chúng sinh và thọ giả nên đối với Ta tất cả là không thật. Nếu là không thật thì sống chết có gì phải sợ, cho nên Ta không phát tâm sân hận là vậy”.

2. Nhẫn nhục

Qua câu chuyện của vua Ca Lợi, chúng ta thấy tiên nhân, bậc xuất gia ly dục, đã thể hiện hạnh nhẫn nhục rất cao thượng. Nhẫn nhục là sự chịu được, sự từ bi, không hề oán trách hay trả thù lại đối phương.

Nhẫn nhục không phải nhẫn nhục, mới gọi là nhẫn nhục. Như có một người đến xỉ vả thì chúng ta thấy nhục lắm. Nếu thấy nhục lắm thì chúng ta nuốt nhục để nhẫn, như thế gọi là nhẫn của nhục. Chúng ta nuốt nhục được một lần, hai lần, ba lần. Như thế, nếu đối phương tiến tới càng dữ và nặng nề hơn thì sự nhục, sự nhẫn mình càng cố gắng nhiều hơn. Càng cố gắng bao nhiêu thì càng ngậm sự hờn oán trong lòng bấy nhiêu. Do không bật được ra cho nên nhẫn. Nhẫn như thế được một thời gian, nhưng nếu đối phương tiến tới quá đáng thì sức nhẫn của chúng ta bật ra, hết chịu nổi vì quá sức chứa. Lúc bấy giờ chúng ta (nếu không điều ngự) dễ có những hành vi độc ác để trả thù và dễ có những lời nói nặng nề trả đũa lại. Hễ chúng ta thấy có nhục thì chúng ta còn phải nhẫn thì sức nhẫn này nó có cùng có tận. Cho nên nếu nó quá đáng thì sức nhẫn sẽ bật ra, vì không chịu được nữa. Vì thế, nếu còn thấy có nhục để mà nhẫn thì sức nhẫn này khó được bền lâu, khó được lâu dài, khó được mãi mãi. Còn các vị có trí tuệ Bát

Nhã, các ngài quán sắc thân bất tịnh, quán cái miệng đang chửi rủa này ngày mai khi các hơi thở không còn làm việc nữa thì sẽ thành thối nát, tan rã đi, thể người ấy thành đồng đất. Âm thanh người ta la hét, bêu xấu, chửi rủa, hiểm độc đến đâu thì âm thanh ấy chỉ là sự rung động của không khí. Chúng ta nhận thấy rõ âm thanh là cái không có, rời sắc thân của người mắng chửi cũng không thật và tâm mắng chửi cũng vô thường biến mất. Tâm vô thường vọng tưởng ấy khi thì hiện ái nhiễm, khi thì hiện sân giận, hờn ghét, đủ loại tâm sở. Tâm vọng tưởng triền miên hết tâm này đến tâm khác, liên tục biến hiện và tan nhanh vì nó là vọng tưởng. Vậy thì tâm nham hiểm, độc ác, chửi bới kia cũng là vọng tưởng, không có; cái thân kia cũng là đồng đất tan thành không và những lời nói kia cũng chỉ là sự rung động của không khí. Khi chúng ta thấy rõ như thế, chúng ta sẽ buông xả, bỏ qua một cách nhẹ nhàng. Vậy thì đâu có cái nhục nào để cho chúng ta nhẫn. Thấy được như thế là có trí tuệ Bát Nhã, là thấy cái nhục không có. Cái nhục đã không có thì việc gì mình phải nhẫn. Ấy là ta không hề nhẫn, không có cái nhục nào để cho mình nhẫn cả. Do không có nhẫn nên nhẫn nhục mà phi nhẫn nhục mới gọi là nhẫn nhục. Vì không nhẫn, nên cái nhẫn ấy bền lâu, tha hồ mà ai chửi bới, chúng ta vẫn tự tại an nhiên như Bồ tát Quán Tự Tại trong Tâm Kinh Bát Nhã. Thế cho nên, có người đến cắt cả tai, mũi, chặt cả chân, tay, mà Đức Phật và các Bồ tát vẫn bỏ qua, xem nhẹ nhàng và còn phát nguyện rằng sau này khi các ngài đắc đạo thì sẽ độ cho Đức vua đầu tiên (vì đức vua là người cắt tay chân của bồ tát), là người đã từng gieo duyên với Bồ tát.

Như trong một kiếp trước, năm anh em Kiều Trần Như là năm mẹ con con cọp đang chết đói mà Đức Phật đã xả thân làm thức ăn cho họ và ngài cũng hứa sẽ độ họ. Do đó mà kiếp này, Đức Phật độ cho năm anh em Kiều Trần Như. Đức Phật coi thường tám thân, biết nó hư vọng nên dễ thí thân cho chúng sanh. Biết thân là hư vọng nên không có cái nhục nào phải nhẫn thì cái nhẫn ấy mới thật là cái nhẫn, nhẫn vô cùng, nhẫn vô tận, bởi vì chẳng có cái gì mà nhẫn cả. Đức Phật đã nhẫn để độ cho vô số chúng sanh trong vô số kiếp, đến nỗi ngài tuyên bố rằng trên trái đất này không có một chỗ nào, không có một khoảng không gian nào dù nhỏ bằng hạt cải mà ngài chưa đã từng xả thân vì chúng sanh. Đức Phật đã nhẫn đến trình độ bố thí thân mạng hết đời này đến kiếp khác, cho đến khắp quả địa cầu này, không chỗ nào cho dù là một hạt cải nhỏ nhít mà ngài chưa từng xả thân vì chúng sanh. Sự nhẫn của ngài đi đến cùng cực như vậy, bởi vì ngài đã thấy không có sự nhẫn, không có cái gì để nhẫn cả, cho nên nhẫn nhục phi nhẫn nhục mới là nhẫn nhục.

3. Nhẫn Nhục Ba La Mật

Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật: “Bạch Đức Thế Tôn, nhẫn nhục ba la mật, không phải nhẫn nhục ba la mật, mới gọi là nhẫn nhục ba la mật”. Nếu chúng ta thấy có nhục để nhẫn thì làm sao nhẫn được, cho nên trí tuệ giác tỉnh không thấy

có nhục nào để nhẫn cả, thế mới đến “ba la mật” được. “Ba la mật” nghĩa là tu tập đến cứu cánh rốt ráo. Có người xin cánh tay thì cho cánh tay, xin con mắt thì móc con mắt cho, tu tập đến thế mới gọi là bố thí “ba la mật” được. Còn bây giờ có người đến mắng một câu mà mình đã giận rồi, vì chúng ta cho có nhục để nhẫn, thế thì không nhẫn được lâu. Phải không thấy có nhục để nhẫn thì người ấy mới nhẫn được hoàn toàn.

Nhẫn nhục là cái không có, huống chi là có sự nhẫn và người chửi ấy cũng do duyên hợp mà thành hình. Như Đức Phật (tiên nhân) bị vua Ca Lợi chém, cắt tay chân, nhưng ngài vẫn an lạc vì ngài có trí tuệ Kim Cang Bát Nhã thấy không có ta, người, chúng sanh, thọ giả; không có thanh hương, vị xúc pháp cho đến sáu trần, không có cái nhục nào phải nhẫn, cho nên ngài nhẫn được hoàn toàn, đến nơi, đến chốn, rốt ráo “nhẫn nhục Ba la mật”.

Trong cuộc sống sẽ có rất nhiều nghịch cảnh để nhẫn. Gặp cảnh nghịch nào chúng ta cũng phải an nhẫn mà tu tập. Tận dụng những nghịch cảnh thử thách như thế để tu nhẫn nhục ba la mật. Người ta không tốt với mình nhưng mình vẫn chấp tay xá, nghĩa là tu hạnh nhẫn chịu. Dù bất cứ hoàn cảnh nào và cứ nhắm vào sự nghiệp tu hành của mình làm chính. Bên ngoài tốt xấu ra sao đều là những duyên tốt để chúng ta vun bồi lục độ, vun bồi lý tưởng bồ tát, vun bồi tánh Kim Cang Bát Nhã của mình.

4. Lục độ³⁶ là Lý Tưởng Bồ Tát

Đức Phật chỉ cho chúng ta thấy rằng nếu còn trụ vào *ta, người, thọ giả* thì còn chấp ngã; nếu còn trụ chấp có *chúng sanh* thì còn chấp pháp. Ngài khuyên tất cả Bồ tát trong không chấp ngã, ngoài không chấp pháp, không trụ, không chấp, không kẹt gì cả. Nếu còn chỗ trụ tức là còn vướng mắc như pháp ngữ số hai đã dạy. Tâm thật của chúng ta là tâm bồ đề; nếu còn vướng vào một bóng ảnh nào, một hư vọng nào nơi sáu căn, sáu trần, sáu thức nghĩa là còn mắc vào hư vọng thì còn mê và bị che tánh bồ đề. Muốn buông được sáu căn, sáu trần, sáu thức thì phải có trí tuệ Bát Nhã chiếu soi, không vướng mắc. Phải nắm được tánh bồ đề, nhận lấy tánh của mình đi rồi buông xả mọi việc. Các vị Bồ Tát buông xả không nắm giữ vào một cái gì hết, nhưng vẫn phải bố thí, trì giới, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, thực hạnh lục độ. Buông mà vẫn làm tất cả việc thiện mới là đại thừa, là lý tưởng đại thừa, còn buông hết sáu căn, sáu trần, sáu thức mới chỉ là tiểu thừa thanh tịnh nghiệp của mình thôi.

Sau khi giác ngộ, Đức Phật dạy là buông xuống thật hết sáu trần, là bước căn bản của tiểu thừa (hệ A-hàm trong 12 năm đầu). Rồi tiếp đến Đức Phật mới hướng chúng ta lên đại thừa rằng buông xả hết nhưng phải thực hành sáu (mười) ba la mật là bố thí, trì giới, tinh tấn, thiền định, nhẫn nhục, trí tuệ và làm tất cả các việc thiện. Có buông các trần xuống thì chúng ta mới xả thân làm các việc

thiện. Như Đức Phật Thích Ca biết thân này không phải ta, thân các người bên ngoài kia không thật, vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ giả, cho nên chúng sanh đến xin đôi chân, ngài liền bỏ thí đôi chân; chúng sanh xin đôi tay thì ngài cho đôi tay. Nếu chúng ta chưa buông hết thì làm sao chúng ta hết lòng bỏ thí, trì giới, tinh tấn, thiền định, nhẫn nhục, trí tuệ và làm tất cả các việc thiện?

Tiểu thừa là cùng một con đường với đại thừa nhưng chỉ mới nửa đường của đại thừa. Tiểu thừa là nửa con đường trước, rồi còn nửa đường sau của đại thừa mà chúng ta phải đi. Tiểu thừa là buông, sau đó đại thừa là gặt, là tu hạnh phải làm, trong lúc làm việc lục độ ấy chính mình buông hết mới làm được việc thiện; nhờ tiểu thừa mà chúng ta mới thực hiện được đại thừa.

---o0o---

XIII. BÁT NHÃ BA LA MẬT KHÔNG PHẢI BÁT NHÃ BA LA MẬT MỚI GỌI LÀ BÁT NHÃ BA LA MẬT

“Ngài Tu-Bồ-Đề bạch đức Phật rằng: "Bạch đức Thế-Tôn! Tên gọi kinh này là gì? Chúng con phải phụng-trì thế nào?"

Đức Phật bảo ông Tu-Bồ-Đề rằng: "Kinh này tên là Kim-Cang Bát-Nhã Ba-La-Mật, ông nên theo danh-tự ấy mà phụng-trì.

Bởi vì sao? Nay Tu-Bồ-Đề, đức Phật nói Bát-nhã Ba-la-mật, chính chẳng phải Bát-nhã ba-la-mật, đó gọi là Bát-nhã Ba-la-mật”.

Lại nữa, nay Tu-bồ-đề, Như Lai nói đệ nhất ba-lamật, tức không phải là đệ nhất ba-la-mật, mới gọi là đệ nhất ba la mật.

1. Bát Nhã Ba-la-mật

Bát Nhã là trí tuệ. Ba-la-mật nghĩa là tới bờ kia, tức là trí tuệ cùng cực. Chúng ta là những người mê thì hãy còn ở bờ bên này. Vì có người ngu si nên mới có người trí tuệ, vì có người lên bờ kia tức là còn những người ở bờ bên này. Nếu còn đối đãi hai bên thì không phải là Bát Nhã ba-lamật.

Bát Nhã ba-la-mật nghĩa là trí tuệ cùng cực, thấy cả năm âm, mười hai xứ, mười tám giới, bảy đại, đều là Như Lai tạng diệu chân như tánh, không có phân chia sai khác, chỗ nào cũng là Như Lai tạng, diệu chân như tánh hết thì lúc đó sẽ không thấy có đất, nước, gió, lửa, hư không, thức biết gì nữa, vì cái nào cũng là Như Lai tạng cả, cũng là tánh Phật cả. Lúc bấy giờ sẽ không thấy có người ngu, người khôn nữa. Ngày xưa vì si mê nên thấy toàn vọng, còn chia đôi bờ này bờ kia, bây giờ không chia đôi nữa mới là trí tuệ ba la mật. Nhưng nếu thấy có trí tuệ ba la mật tức là thấy có bờ kia đối đãi, cho nên Bát Nhã ba la mật không phải là Bát Nhã ba la mật, mới gọi là Bát Nhã ba la mật. Đây chỉ tạm dùng tên để phân chia, dùng lời nói để gọi, chứ trên sự thật đã là Bát Nhã ba la mật thì không

có phân chia. Tuy nhiên, chúng ta còn đang sống ở thế gian này, nên còn tạm dùng lời nói để phân chia rằng vị này có trí tuệ, vị kia chưa có trí tuệ, vị này được ba la mật trong khi vị kia chưa được ba la mật. Chúng ta tạm dùng lời nói nhưng phải hiểu rằng đã đạt được ba la mật thì không có thấy đối đãi nữa.

2. Đệ Nhất Ba La Mật

“Này Tu-bồ-đề, Như Lai nói đệ nhất ba-la-mật, tức không phải là đệ nhất ba-la-mật, mới gọi là đệ nhất ba la mật”. Tu hành phải chân thật và thấy sự thật. Sự thật là thế nào? Phải tìm ra được sự thật mới gọi là thành Phật, như Đức Phật Thích Ca là đệ nhất Ba la mật. Thế làm sao gọi không phải đệ nhất ba la mật, mới gọi là đệ nhất Ba la mật?

Khi Đức Thích Ca thành đạo dưới cội cây bồ đề, ngài tuyên bố: “Lành thay! Tất cả chúng sanh đều có đầy đủ đức tướng trí tuệ của Như Lai”. Đức Phật thấy các chúng sanh đều đầy đủ trí tuệ, đức tướng như ngài, không thêm, không bớt. Do thấy được sự thật này nên ngài được gọi là đệ nhất Ba la mật. Vì chúng ta chưa thấy được các đức tướng trí tuệ này nên còn thấy có đệ nhất, đệ nhị và nên còn gọi là đệ nhất, đệ nhị. Chứ Đức Phật là người đã chứng được đệ nhất không, nên không thấy có đệ nhất, đệ nhị nữa, mà chỉ tạm gọi là đệ nhất, đệ nhị thôi.

Đức Phật Thích Ca chứng được đệ nhất nhưng một khi đã chứng thấy được tất cả chúng sanh đồng thể với mình, chính trí tuệ cứu cánh đệ nhất ấy mới thấy không có cái đệ nhất. Về sau, chúng ta đặt ra ngôn thuyết để tạm phân biệt Đức Phật đã giác ngộ, còn chúng ta bây giờ còn mê. Chứ Đức Phật đã thấy tất cả chúng sanh đều thành Phật cả và các ngài đã được sự cứu cánh ấy nên mới thấy không có sự đồng dị sai khác.

3. Không có pháp nào để đắc

Nếu nói rằng có được pháp Bát Nhã ba la mật là không thật, nghĩa là chúng ta không được cái gì cả vì hiện tại chúng ta có đầy đủ trí Bát Nhã trong tâm rồi. Chúng ta đâu có được cái gì mới mà bảo là chúng ta được pháp này. Chúng ta có nhân Phật, vốn không hư và nhờ Đức Phật chỉ cho nên chúng ta mới biết, mới nhận được tánh Kim Cang Bát Nhã thật của mình. Như vậy chúng ta có được thật chứ không phải là không được cho nên nói là không hư vậy. Nói không hư là chúng ta vốn có mà không biết, mãi đến bây giờ chúng ta mới nhận ra.

4. Không thấy đối đãi hai bên

Người thế gian nói có cái này tốt, cái kia xấu, cái này ngắn, cái kia dài là bởi vì còn tâm phân biệt. Chúng ta còn dùng ý thức vọng tâm để phân biệt cho nên còn mắc kẹt ở hai bên. Chúng ta luôn thấy đối đãi, xấu đối với tốt, tròn đối với vuông, hư đối với thật. Người thế gian dùng tiếng nói để sống con đường đối

đãi, còn bây giờ tánh Bát Nhã Kim Cang này vượt ra ngoài sự hiểu biết của loài người, không ở trong vòng đối đãi của lời nói âm thanh, sắc tướng hay sáu trần. Kinh Kim Cang đã dạy rõ rằng chân tâm bản tánh của chúng ta rời tất cả tướng tức tất cả pháp (ly nhất thiết tướng tức nhất thiết pháp). Chúng ta đừng dùng lý luận để tìm hiểu chân tâm cũng giống như người chạy theo nắm bắt hư không, hư không có bao giờ để cho chúng ta nắm bắt. Cũng thế, chúng ta không thể dùng tiếng nói để giảng hay hiểu ý kinh Kim Cang này được mà ai nấy tự nhận thẳng tánh của mình, ngay nơi mình, nóng lạnh tự biết. Vì vậy, Đức Phật nói bao nhiêu kinh đại thừa như Kim Cang, Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm và biết bao nhiêu kinh đại thừa khác nữa, cốt cho chúng ta vượt vòng đối đãi hai bên để nhận được chân tâm bản tánh Bát nhã ba la mật của mình.

5. Đức Phật và Tu Bồ Đề trong Hội Bát Nhã

Một hôm tại pháp hội Bát Nhã³⁷, đức Phật bảo tôn giả Tu Bồ Đề:

- Nay Tu Bồ Đề! Thầy đã thể hội được đạo lí chân không, lại có đầy đủ biện tài. Trong pháp hội hôm nay có sự hiện diện rất đông của chúng Bồ Tát, thầy hãy nói cho họ nghe về pháp “Tương Ứng Bát Nhã Ba La Mật” để họ bổ túc thêm cho sự học hỏi và cũng là để cùng nhau sách tấn việc tu tập.

Tất cả đại chúng đều biết rằng pháp môn Bát Nhã là pháp môn vô cùng sâu xa màu nhiệm. Nay nghe đức Phật bảo thế thì họ đều tự hỏi rằng, Tu Bồ Đề sẽ dùng trí tuệ biện tài của chính mình hay thừa thọ uy lực của đức Phật để thuyết minh?

Tôn giả đã thấy rõ tâm ý ấy của đại chúng, bèn nói:

- Đã có từ mệnh của Phật, tôi đâu dám không tuân. Là đệ tử Phật, mỗi khi chúng ta thuyết giáo, bất luận là giáo pháp sâu hay cạn, nếu đáp ứng được hai điều kiện khế lí và khế cơ, là đều do thừa thọ uy lực của Phật cả. Bởi vì, có thừa thọ uy lực của Phật thì mới có thể khuyên người tu học, có thể thực chứng được bản tính của vạn pháp, có thể tương ứng với thật tướng của vạn pháp, cũng như có thể cảm thông được tâm ý của đức Phật. Hôm nay tôi cũng xin nương vào uy lực của đức Phật để nói về pháp “Tương Ứng của Trí Tuệ Bát Nhã” của những người tu học đạo Bồ Tát.

Tôn giả lại đánh lễ Phật và thưa rằng:

Bạch Thế Tôn! Vâng lời dạy của Thế Tôn, giờ đây con xin nói về pháp tương ứng giữa Bồ Tát và trí bát nhã. Nhưng pháp gì gọi là Bồ Tát, và pháp gì gọi là bát nhã? Thật ra con không thấy có pháp nào gọi là Bồ Tát, cũng không thấy có pháp nào gọi là bát nhã. Thậm chí cả cái danh xưng của hai pháp này, con cũng không thấy có gì khác nhau để phân biệt. Bạch Thế Tôn! Pháp tương ứng giữa

Bồ Tát và trí bát nhã là như thế. Xin Thế Tôn chỉ dạy cho, con nói như thế đã đủ để bỏ túc cho sự tu học cho chúng Bồ Tát chưa?

Đức Phật hoan hỉ khai thị:

- Này Tu Bồ Đề! *Bồ Tát chỉ có danh xưng là Bồ Tát; bát nhã cũng chỉ có cái danh xưng là bát nhã*; ngay cả cái gọi là danh xưng của Bồ Tát và bát nhã cũng chỉ có danh xưng mà thôi. Cái đó vốn không sinh không diệt, chẳng qua vì để tiện việc diễn nói mà phải tạm lập ra danh xưng. Cái giả danh ấy cũng không phải ở trong, không phải ở ngoài, cũng không phải là ở khoảng giữa của trong và ngoài; nó vốn là cái gì không thể nắm được (bất khả đắc). Cũng ví như nói ngã, đó cũng cũng chỉ là giả danh. Bản thể của ngã vốn không sinh không diệt. Tất cả các pháp hữu vi đều giống như giấc mộng, như tiếng vang, như bóng, như ảo, như trăng dưới nước. Mặc dù vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ Tát muốn chúng đạt cái không sinh không diệt, vẫn phải tu học cái giả danh và giả pháp của pháp Bồ Tát và pháp Bát nhã. Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát tu học pháp Bát nhã, sắc thọ tướng hành thức là thường hay vô thường, vui hay khổ, ngã hay vô ngã, không hay bất không, hữu tướng hay vô tướng, hữu vi hay vô vi, dơ hay sạch, sinh hay diệt, lành hay dữ, hữu lậu hay vô lậu, thế gian hay xuất thế gian, luân hồi hay niết bàn, đối với tất cả các pháp ấy đều không chấp trước, không phân biệt, và đối với tất cả các pháp khác nữa cũng đều như vậy.

Này Tu Bồ Đề! Vì sao Như Lai nói thế? Vì Bồ Tát khi tu học pháp Bát nhã thì đối với tất cả vạn pháp không nên sinh tâm phân biệt mà phải an trú ở tính không, an trú ở tính vô phân biệt. Bồ Tát khi tu học sáu pháp ba la mật cùng các hạnh bồ tát khác cũng không thấy có danh xưng Bồ Tát, không thấy có danh xưng ba la mật. Bồ Tát chỉ cầu đạt được tuệ giác siêu việt, thấy tất cả đều là thật tướng của các pháp, và cái thật tướng ấy thì không dơ, không sạch. Nếu Bồ Tát quán chiếu và tu tập pháp Bát nhã như thế, biết rằng danh tướng chỉ là vì phương tiện mà giả tạm lập nên, thì đối với sắc thọ tướng hành thức cùng tất cả các pháp khác đều không chấp trước, đối với trí tuệ cũng không chấp trước, đối với thần thông cũng không chấp trước, đối với bất cứ pháp gì cũng không chấp trước.

Vì sao vậy? Tại vì, nếu có chấp trước, thì không bao giờ đạt được giải thoát. Này Tu Bồ Đề! Khi Bồ Tát quán chiếu và tu học pháp Bát nhã như vậy và không chấp trước đối với tất cả vạn pháp thì có thể hoàn thành công hạnh tu tập sáu pháp ba la mật, có thể tiến vào quả vị bất thối, đầy đủ thần thông, qua lại các cõi Phật, hóa độ chúng sinh, trang nghiêm Phật độ, và tự mình an trú trong cảnh giới tự tại giải thoát. Này Tu Bồ Đề! Sắc có phải là Bồ Tát không? Thọ, tướng, hành, thức, có phải là Bồ Tát không? Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân ý, có phải là Bồ Tát không? Đất, nước, gió, lửa, không, thức, có phải là Bồ Tát không? Người

nào xa lìa được sắc, thọ, tưởng, hành, thức, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, đất, nước, gió, lửa, không, thức, cũng có phải là Bồ Tát không?

Tu Bồ Đề thưa:

- Bạch Thế Tôn! Tất cả những gì Thế Tôn vừa nêu lên đó, đều không thể gọi là Bồ Tát.

- Này Tu Bồ Đề! Vì sao mà thầy bảo là tất cả những gì Phật vừa nêu lên đó đều không thể gọi là Bồ Tát! Ông có thể cho biết được không?

- Bạch Thế Tôn! Cái mà xưa nay vẫn được gọi là chúng sinh là cái không thể biết, không thể nắm bắt; bất luận là pháp gì đi nữa, kể cả Bồ Tát, cũng đều là như vậy cả. Bảo rằng có pháp này, bảo rằng không có pháp này, cho đến bảo rằng xa lìa pháp này, đều không thể gọi là Bồ Tát.

Phật khen ngợi:

- Đúng như vậy, Tu Bồ Đề! Cái được gọi là Bồ Tát, được gọi là Bát nhã đều không thể nắm bắt. Bồ Tát tuy đang tu tập nhưng vốn thật không có tu tập. Này Tu Bồ Đề! Như Lai lại hỏi ông, các pháp sắc, thọ, tưởng, hành, thức v.v.. có phải là ý nghĩa bồ tát không?

- Bạch Thế Tôn! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức v.v... đều không phải là ý nghĩa bồ tát.

- Tu Bồ Đề! Ông nói rất đúng. Bồ Tát khi tu tập trí tuệ Bát nhã, đối với các pháp sắc thọ tưởng hành thức, hoặc thường hoặc vô thường, hoặc hữu vi hoặc vô vi v.v... đều không thể nắm bắt. Bồ Tát hãy lấy tâm ý trống không rộng rãi để tu tập trí tuệ Bát nhã. Này Tu Bồ Đề! Ông nói ông không thấy có Bồ Tát cùng danh xưng Bồ Tát, pháp cùng pháp giới, pháp giới cùng nhân giới, nhân giới cùng ý thức giới v.v... những pháp tương đối này đều không phải là đối lập nhau. Vì sao vậy? Vì nếu bỏ pháp hữu vi thì không thể thành lập pháp vô vi được. Này Tu Bồ Đề! Bồ Tát tu tập trí tuệ bát nhã như thế đó, không thấy có bất cứ pháp gì thì sẽ không có sợ hãi, tâm ý không dính mắc ở bất cứ pháp nào thì sẽ không có hối hận. Như ông đã nói, Bồ Tát tu học trí tuệ Bát nhã như thế đó cũng không dính mắc vào danh xưng Bồ Tát, đó mới là chân danh Bồ Tát, chân danh Bát nhã; đó mới là giáo pháp của Bồ Tát đã nói.

Trong số mấy vạn thánh chúng tại pháp hội Bát Nhã này, chỉ có đức Phật và Tu Bồ Đề đối thoại với nhau, đó là vì chỉ có Tu Bồ Đề là người thể chứng được trí tuệ bát nhã và có nhận thức sâu sắc, rất ráo về đạo lý Không sâu xa mâu nhiệm, và cũng vì thế mà tôn giả được tôn xưng là vị thượng thủ hiểu rõ về tính Chân không Bát Nhã bậc nhất trong tăng đoàn. Cho nên ngài mới thấy rằng Bát Nhã ba la mật tức không phải Bát Nhã ba la mật mới gọi là Bát Nhã ba la mật.

XIV. VI TRẦN KHÔNG PHẢI VI TRẦN MỚI GỌI LÀ VI TRẦN

Tu-Bồ-Đề! Ý của ông nghĩ thế nào? Bao nhiêu vitrần trong cõi tam-thiên, đại-thiên, thế là nhiều chăng?"

Ông Tu-Bồ-Đề bạch rằng: "Bạch đức Thế-Tôn! Rất nhiều".

"**Này Tu-Bồ-Đề!** Những vi-trần ấy, đức Như-Lai nói chẳng phải vi-trần, đó tạm gọi là vi-trần. Đức Như-Lai nói thế-giới cũng chẳng phải thế-giới, chỉ tạm gọi là thếgiới.

Trong kinh Lăng Nghiêm, Đức Phật đã giảng do tâm động, mê muội tự thấy ra hư không, chứ hư không vốn là không có. Do kết ám thành sắc nên có vi trần (hạt bụi), chứ vi trần cũng vốn là cái không hề có như mắt nhắm mà thấy hoa đóm lăng xăng, nếu mắt hết nhắm thì hoa đóm biến mất. Như vậy, hạt bụi vi trần là cái không có, chỉ do mê muội mà thấy. Nguồn gốc của kết ám là từ đâu? Do vô minh. Từ tâm động, chấp thủ kết những cái không sáng suốt lại mới thấy hạt bụi. Cả thế giới này là do từ nhiều hạt bụi hợp thành, cho nên thế giới này vốn không thật.

Thế giới là do những hạt bụi hợp lại, vậy hạt bụi là do cái gì hợp lại? Theo các nhà khoa học khám phá rằng hạt bụi không phải là hạt bụi mà nó là sự hợp lại của các phân tử, nguyên tử nhỏ li ti (mắt người không thể thấy, phải nhìn bằng kính hiển vi). Chúng ta trông thấy thì gọi là hạt bụi, chứ chia chẻ hạt bụi ra càng nhỏ thành những nguyên tử, rồi càng nhỏ nữa thì không có gì cả. Nguyên tử là những động lực, chuyển động quá nhanh, khi thấy cứ tưởng là có thật, nhưng nếu dừng lại, nó sẽ hoàn toàn không có thể chất nào cả, cho nên các nhà khoa học đặt tên chỉ là những động lực, những năng lực chuyển động không có thể chất. Hạt bụi không phải là hạt bụi, chỉ có danh tự do con người đặt tên là hạt bụi mà thôi và chúng ta là loài người đang sống ở thế gian cùng nhau đồng ý đặt tên là hạt bụi, chứ hạt bụi là cái không thật.

Đức Phật hỏi cõi tam thiên đại thiên có nhiều hạt bụi không? Ngài Tu Bồ Đề trả lời rằng rất nhiều, không thể tưởng nổi. Nội một trái đất của chúng ta đập ra thành những hạt bụi, rồi hạt bụi đập nhỏ nữa thành những phân tử li ti thì nhiều vô số kể. Đức Phật trả lời nếu bụi có thật và cố định thì mới nói nhiều hay ít. Đàng này nó không có thật và không cố định, cho nên không nói nó nhiều hay ít mà chỉ tạm giả hiện thôi. Vì lý do đó Đức Phật nói hạt bụi chẳng phải hạt bụi mà chỉ tạm gọi là hạt bụi. Thế-giới cũng chẳng phải thế-giới, chỉ tạm gọi là thế-giới. Trong kinh Lăng Nghiêm, Đức Phật dạy chúng ta quan sát hạt bụi không phải là nhân duyên sanh, cũng chẳng phải là tự nhiên sanh³⁸ mà hạt bụi là Như Lai tạng

diệu chân như tánh. Chúng ta không biết lầm cho là nhân duyên hay tự nhiên đều là những so đo phân biệt của ý thức. Phải biết bản thể tất cả vạn pháp là Như Lai tạng diệu chân như tánh, theo nghiệp, theo duyên mà tạm ứng hiện thôi.

---o0o---

XV. HỢP TƯỚNG CHẴNG PHẢI HỢP TƯỚNG MỚI GỌI LÀ HỢP TƯỚNG

Bạch đức Thế-tôn! Cõi tam-thiên, đại-thiên của đức Như-Lai nói, chính chẳng phải thế-giới, mới gọi là thếgiới. Bởi vì sao? Vì nếu thế-giới là thiệt có ấy, thời là một hợp-tướng.

Đức Như-Lai nói một hợp-tướng chính chẳng phải một hợp-tướng, đó tạm gọi là một hợp-tướng".

Hợp tướng là do nhiều tướng hợp lại, cũng giống như do nhiều hạt bụi gom lại thành một thế giới. Hạt bụi là cái không có, hợp những cái không có lại thì cũng thành cái không có, nhưng phàm phu tham trước cho là thật có hợp tướng. Pháp ngữ số bốn của Kinh Kim Cang dạy rằng: “Hễ cái gì có tướng đều là hư vọng” (Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng). Như thân chúng ta là một hợp tướng. Dùng minh sát tuệ quan sát thì toàn thân của chúng ta gồm có da thịt làm bằng đất, máu là nước, hơi thở là gió, hơi ấm là lửa, chẳng có gì là thân của chúng ta. Vậy thân thể là cái không có, không thật, do duyên hợp lại thành một hợp tướng. Thế giới là do nhiều hạt bụi hợp thành, nên thế giới là cái không có, chỉ tạm gọi là một hợp tướng mà thôi.

Ý của Đức Phật muốn dạy rằng chúng ta phải có trí tuệ Bát nhã biết tường tận các pháp của thế gian này từ thân thể, sự nghiệp, danh lợi cho đến núi sông đất liền, sơn hà đại địa không có gì là thật. Nếu biết rõ sự thật như thế, tâm mình thanh thản, không vướng mắc, không tham đắm, và khi gặp những việc trái ý sẽ không sanh giận hờn thì thân hiện tại bình an, mai sau sẽ được giải thoát. Nếu chúng ta không biết hợp tướng là duyên giả hiện, cứ chấp cho là thật, tức là bị trói buộc, vướng mắc thì đời sống chúng ta sẽ có nhiều chướng ngại đầy tham sân, đời sau khó giải thoát.

Bởi không biết các pháp hợp lại là nhân duyên, nên chúng ta hay “chấp có” cho cái gì cũng là có thật. Đức Phật dạy rằng các hợp tướng do nhân duyên hợp lại thành hình. Ngay thân mình cũng không thật do hợp tướng của ăn cơm uống nước kết hợp đất, nước, gió, lửa, lại mà thành. Nhưng chúng ta cứ cho là thật, lúc sống thì cứ chạy theo tham, sân, si. Cái gì lợi cho mình là tham, cái gì không lợi thì si, không bằng lòng. Ba độc tham, sân, si là gốc luân hồi sanh tử, biển khổ thế gian. Thân này là sanh, già, bệnh, chết cho nên của cải sở hữu từ tay mình sẽ chuyển sang tay người khác. Cây cối hoa cỏ cũng bị chi phối bởi thành, trụ,

hoại, không. Một năm có bốn mùa: xuân, hạ, thu, đông. Một ngày có sáng trưa chiều tối và chợt mưa, chợt nắng. Đó là những “chấp có” nơi các hợp tướng của vạn pháp. Còn ngoại đạo thiên về “chấp không” cho rằng cái gì cũng không hết, chết là hết chuyện, không có tội phước, nhân quả, con người, vạn vật, chẳng có gì cả. Các vị Thanh Văn tin có nhân quả, tội phước. Các Ngài trì trai, giữ giới, vâng theo Phật. Vì chấp cho các hợp tướng của thân, tâm và cảnh thế gian này là vô thường, giả tạm, hư vọng, cho nên các Ngài nhập Niết bàn, an định, không thiết tha độ sanh, thành ra các ngài thiên lệch về “chấp không”. Bởi chấp cho tất cả thế gian vô thường, vô ngã, ai bám víu vào đều sẽ bị khôn khổ, vướng mắc, cho nên các ngài xả thọ, không thọ sáu trần nữa mà an nhiên nhập Niết bàn. Trong kinh Đại thừa, Đức Phật dạy rằng các hợp tướng có đây đều là hư vọng, nhưng nó có thể chất thật. Ngay hư không kia cũng vì mê muội mà thấy ra, nhưng thật thể của hư không là tánh giác. Tất cả hợp tướng của con người, cây cối, sơn hà, đại địa, núi sông, đất liền kia đều là Như Lai Tạng Diệu Chân Như Tánh, chẳng phải nhân duyên, chẳng phải tự nhiên, chỉ theo sự hiểu của loài người mà tạm có tên. Chỉ có Đức Phật mới thấy được tánh Kim Cang vô tướng là bản thể của diệu pháp. Ngài thấy được sự thật của các hợp tướng này, còn nhưng “chấp có”, “chấp không” đều là sai lầm. Ở đây, khuyên chúng ta trở về nhận thấy tánh Kim Cang Bát Nhã, đó là trí tuệ thấy được sự thật của các hợp tướng cuộc đời của chúng ta.

---o0o---

XVI. BA MƯƠI HAI TƯỚNG KHÔNG PHẢI LÀ BA MƯƠI HAI TƯỚNG MỚI GỌI LÀ BA MƯƠI HAI TƯỚNG

Đức Phật bảo: “Này Tu-Bồ-Đề! Nơi ý của ông nghĩ thế nào? Có thể do ba-mươi- hai tướng mà thấy NhưLai chăng?”

"Bạch đức Thế-Tôn! Không. Chẳng có thể do bamươi-hai tướng mà thấy được Như-Lai. Bởi vì sao? Đức Như-Lai nói ba-mươi-hai tướng chính chẳng phải tướng, đó chỉ tạm gọi tên là ba-mươi-hai tướng".

Sau khi tin thế giới này là không thật bởi lẽ chỉ là những hợp tướng từ những hạt bụi mà thôi. Tiếp đến Đức Phật muốn cho chúng ta tin và nhận rõ đến ngay cả 32 tướng tốt của Đức Phật là bậc giác ngộ cũng không có. Đức Phật hỏi này Tu-bồ-đề, vậy nương theo 32 tướng mà thấy Như Lai chăng? Tu-bồ-đề bạch: Thưa Thế Tôn, không! Bởi vì Như Lai có dạy rằng 32 tướng không phải là 32 tướng thế mới gọi là 32 tướng.

1. Ba Mươi Hai Hảo Tướng của Phật³⁹

1. Lòng bàn chân bằng phẳng
2. Lòng bàn chân có bánh xe nghìn nan

3. Ngón chân thon dài hơn thường
4. Gót chân tròn đầy
5. Kẽ ngón tay chân có màng da (như chân nhạn chúa)
6. Tay chân mềm mại
7. Mu bàn chân cao đầy
8. Bắp vé tròn chắc như chân nai chúa
9. Tay dài buông thõng chắm đầu gối
10. Nam căn ẩn kín
11. Thân hình rộng dài bằng thẳng
12. Lông trên người đẹp và mọc thẳng lên
13. Mỗi lỗ chân lông có một sợi lông
14. Thân có màu sắc vàng rực
15. Thân phát ra ánh sáng
16. Da mỏng và mịn
17. Bảy bộ phận: 2 tay, 2 chân, 2 vai và đầu đều tròn đầy
18. Hai nách đầy đặn
19. Thân mình như sư tử
20. Thân thẳng đứng
21. Bờ vai tròn đẹp
22. Có 40 chiếc răng
23. Răng đều đặn ngay ngắn
24. Răng trắng như tuyết
25. Hàm như sư tử
26. Tuyến bọt tiết ra nước cam lộ
27. Lưỡi dài
28. Tiếng nói như Phạm thiên
29. Mắt xanh trong
30. Lông mi đẹp như lông mi bò rừng
31. Trên đầu có đánh kể nhô cao (nhục kế)

32. Lòng trắng giữa hai chân mày.

Đức Phật Thích Ca từ nhiều đời kiếp là bồ tát tu tập lục độ ba la mật như bố thí để trừ lòng tham, trì giới để trừ ô nhiễm, nhẫn nhục để trừ giận hờn, tinh tấn để trừ lười biếng, thiền định để trừ loạn tâm, trí tuệ để trừ si mê. Bên cạnh đó, ngài còn tu tập từ, bi, hỷ, xả, lân mẫn thương yêu mọi loài. Từ những tâm hạnh thanh tịnh đức độ vô tướng đó đã trở hoa ra 32 hảo tướng đầy đặn. Đây là tướng phúc báu viên mãn của cõi người. Thân chúng ta kết từ những tánh tốt, bên cạnh đó cũng có những thói xấu của tham sân si, ích kỷ, nên hiện ra chỉ có vài tướng đẹp trong 32 tướng của ngài. Đạo Phật chủ trương rằng những việc trang điểm tu bổ thẩm mỹ bên ngoài để có sắc đẹp, chỉ là cái đẹp giả, không bền. Nếu ai biết trưởng dưỡng đạo tâm tu tập từ, bi, hỷ, xả trong nhiều kiếp thì vị đó sẽ có những hảo tướng tận gốc hiển ra. Nếu không biết tu phước báo và đức hạnh thì sẽ có xấu tướng.

2. Ba mươi hai hảo tướng không phải là ba mươi hai hảo tướng mới gọi là ba mươi hai hảo tướng

Đức Phật đem thân của ngài ra để giúp chúng ta quan sát. Ba mươi hai tướng là tướng của mắt, tai, mũi, lưỡi và các căn. Mắt là xương máu da thịt. Tai là sụn cũng là da thịt xương máu. Da thịt xương là do chúng ta ăn cơm, uống nước mà có. Thế cho nên những tướng hảo của mắt tai mũi ấy là chẳng thật. Ngay bản chất của tai, mũi, lưỡi cũng chẳng thật thì hình tướng đặt vào đâu. Thí dụ tướng đẹp thứ năm của Đức Phật là ngón tay có màng lưới vàng như vông của cõi trời Phạm Thiên. Vậy ngón tay đẹp ấy có thật không? Đức Phật cũng do hít thở không khí, thọ ánh nắng mặt trời mà tạo hơi ấm, do ăn cơm, uống nước để bào chế ra máu, rồi từ máu mà thành ra thịt, da xương, thành màng chân, màng tay như thân con người. Đức Phật cũng như con người chúng ta do ăn uống, mượn đất nước gió lửa mà thành. Do ăn cơm mà cơm là từ gạo. Gạo từ cây lúa, cây lúa hút chất bổ dưỡng dưới lòng đất kết lại thành hạt gạo. Hạt gạo cho Đức Phật vay để làm thân. Mượn của đất nên cũng có ngày phải trả, nên thân Phật hay thân ta rồi cũng tan rã trở về đất. Vậy chính bàn tay là không có và 31 tướng hảo khác cũng không có, bởi lẽ tất cả đều là những da thịt máu xương mượn của đất nước gió lửa.

Thân Phật là không có, cho đến thế giới to lớn này, quả địa cầu hay ngay cả hạt bụi nhỏ bé và các hình tướng khác cũng đều là không có. Các nhà khoa học phân tích các hình tướng này chỉ là do các phân tử, nguyên tử li ti hợp thành động lực mà có sự chuyển động. Sự chuyển động này rất nhanh khiến cho chúng ta tưởng như có thể chất. Nhưng sự thật nếu dừng lại thì chúng là cái không có thể chất, không nắm bắt được. Chúng chỉ là một luồng năng lực đang chuyển động. Đức Phật nói tâm của chúng ta đang chuyển động như thác nước. Từ xa,

chúng ta tưởng như dải lụa trắng đứng yên mà thật ra nó đang âm âm đổ nước, nhưng nếu phân tách chia chẻ từng giọt nước ra thì không có chất gì là nước cả. Tâm của chúng ta cũng vậy, vốn không có thể chất gì cả, không hình không tướng nhưng hết vọng tưởng này đến vọng tưởng khác liên tục sai sử chúng ta suốt ngày đêm.

Ngày nay nhờ các nhà khoa học khám phá sự thật của thế giới này được tạo bằng các chất nguyên tử, nên bây giờ người ta tin lời của Đức Phật đã tuyên bố cách đây 2600 năm. Đức Phật nói do tâm động, mê muội, chúng ta tự thấy là hư không, kết ám thành sắc, chứ tất cả vốn là cái không có và bây giờ các nhà bác học đã tìm ra sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc, vì sắc chỉ là một nguyên tử, một năng lực chuyển động mà thôi. Bởi thế Đức Phật nói ngay cả thân Phật có 32 hảo tướng đi nữa cũng không thật, tức không ngã, không có thân ta và thân người. Xã hội loài người đều là những thân giả cả, những giả tạm hiện lên thân, rồi ngày mai lại tan hết. Ngay hiện tại thân này cũng là đất, nước, gió, lửa chứ không phải có những cô A, cô B. Tất cả đều là không cả, không có ta, người và mười loài chúng sanh. Tuy mắt, tai, mũi, lưỡi và các thân phần là không có nhưng mà phải tu phước báo bao nhiêu kiếp mới có được một hảo tướng, còn không tu phước báo thì sẽ có xấu tướng. Ngắm lại thân của chúng ta cũng là da thịt máu xương, đất nước gió lửa, là chánh báo; còn hạt bụi, của cải, đất nước, thế giới là y báo. Cả chánh báo và y báo đều là hư vọng, nên Như Lai dạy rằng 32 tướng không phải là 32 tướng thể mới gọi là 32 tướng.

---o0o---

CHƯƠNG 3 - CÔNG ĐỨC TIN PHÁP NGŨ KINH KIM CANG

I. THẮNG DUYÊN CỦA TÔN GIẢ TU BỒ ĐỀ & KINH KIM CANG

“Bấy giờ, Tu-Bồ-Đề nghe đức Phật nói kinh này, thời ông hiểu thấu nghĩa-thứ của kinh, nên ông buồn khóc, rơi lệ mà bạch với đức Phật rằng:

"Hi-hữu thay, đức Thế-Tôn! Đức Phật nói kinh điển rất sâu xa dường ấy, từ ngày trước khi đặng huệ-nhãn đến nay, con chưa từng được nghe kinh điển như thế này”.

Khi nghe Đức Phật giảng xong các pháp ngữ trong kinh Kim Cang có người cười và có người khóc. Cười là tướng của tâm mừng, mừng khi thấy mình đạt được một cái mới, quý hiếm như mừng khi thấy chúng ta có tánh Phật. Có người khóc vì xúc động ngỡ ngàng vì từ vô thủy đến giờ không biết để chịu bao nhiêu khổ và các chúng sinh xung quanh hiện giờ cũng thế, có tánh Phật như thế này mà không nhận ra, thế cho nên ngài Tu Bồ Đề xúc động và khóc. Khóc và cười đều có lý do cả.

Việc thành tựu nào cũng tùy theo nhân duyên. Nhân là trí tuệ của mình, duyên là bộ kinh Kim Cang Bát Nhã này như nhân có con mắt, duyên ánh sáng mặt trời, có nhân có duyên đầy đủ mới thành được sự thấy. Nhân là tuệ nhãn của ngài Tu-bồ-đề và duyên khi ngài nghe Đức Phật giảng kinh Kim Cang này mà ngộ được tánh Kim Cang Bát Nhã này vốn là của mình từ vô thủy tới giờ, vậy mà hồi đó tới giờ phải chịu khổ trong các loài. Còn chúng ta, nhân là nhục nhãn, duyên là được nghe kinh này, nhưng vì nhục nhãn còn nghiệp nên chúng ta hiểu được, nhưng chưa chứng và ngộ được thâm ý của kinh. Vậy kết quả là sao? Khi nghe kinh xong, ngài Tu-bồ-đề có tuệ giác thâm sâu hiểu thấu nghĩa thú của kinh, nên rơi lệ buồn khóc. Còn chúng ta thì ngời cười là vì do nhục nhãn của chúng ta chưa ngộ thấy sâu xa được giá trị của tâm mình nên chúng ta cười. Chúng ta có chỗ hiểu, chỗ tin nhưng chúng ta còn bị ngũ trước, ngũ ám trói buộc, tạng thức còn mê. Do có ngộ rồi mới có chứng. Ngài Tu-bồ-đề do chứng ngộ được nên ngài chảy nước mắt, còn chúng ta biết là như thế, cũng tin nhưng hiểu qua loa, chưa thâm thía nên tuệ của chúng ta còn giới hạn và ngu tối.

---o0o---

II. TRÌ KINH KIM CANG LÀ HI HỮU BẠCH NHẤT

“Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: “Bạch đức Thế-Tôn! Nay con được nghe kinh-điển như thế này, con tin hiểu, thọ trì, chẳng đủ lấy làm khó.

Nếu khoảng năm-trăm năm rớt sau ở đời tương-lai, mà có chúng-sanh nào đặng nghe kinh này, rồi tin hiểu thọ-trì, thời người ấy chính là hi-hữu bực nhứt”.

Một đoạn khác:

Về đời đương-lai, nếu có trang thiện-nam, người thiện-nữ nào, có thể thọ-trì, đọc tụng kinh này, liền được đức Như-Lai dùng trí-huệ của Phật, đều biết rõ người ấy, đều thấy rõ người ấy, thấy đều được thành-tựu công-đức vô-lượng, vô-biên.

Trì kinh Kim Cang tức là mượn cuốn kinh bằng giấy có ghi lời Phật dạy này để chúng ta tập tỉnh ra, buông được ta, người, chúng sanh và thọ giả. Buông được chấp ngã là vọng thân; buông được sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp là vọng cảnh. Buông được các tâm thương yêu, mừng ghét giận hờn là vọng tâm. Biết vọng thân (sáu căn), vọng cảnh (sáu trần), vọng thức (sáu thức) là giả huyễn, tỉnh ra, buông xuống, để trở về với chân tâm. Chính vọng tâm buông xả ấy tỉnh ra thì sẽ trở thành trí Kim Cang Bát Nhã. Đức Phật đã nhập diệt không còn nữa, nhưng nhờ có kinh Kim Cang để lại mà chúng ta biết con đường để lần tìm về nhà.

Thế nào là trì kinh Kim Cang? Biết tất cả vạn pháp, những hình tướng, ta người chúng sinh, thọ giả đều theo nhân duyên giả hiện không thật. Ngay đến 32 hảo tướng của Phật, ngay đến pháp vô thượng bồ đề đi nữa thì Đức Phật cũng bảo tất cả các hiện hình, hiện tướng đó đều không thật. Vì hư vọng nên tất cả sẽ tan thành không. Tuy tất cả là hư vọng nhưng bản thể là tánh Kim Cang Bát Nhã. Trì kinh Kim Cang giúp chúng ta trở về thật tánh Kim Cang này, nên việc này là hy hữu. Còn việc chạy theo phước báu hữu lậu thọ hưởng sung sướng là việc nhiều người làm nên rất nhiều người còn vướng mắc, sa vào vòng sanh tử, cho nên việc này không phải là hy hữu mà rất đáng thương, đáng tiếc. *Những ai muốn có trí tuệ Bát Nhã, thành thoi giải thoát như chư Phật, chư Tổ, muốn được như thế phải có công phu nghiêm mật, tu thật sự một lòng một dạ, lúc nào cũng quan sát tất cả các pháp hữu vi.* Hữu là có, vi là làm ra. Những pháp có làm ra đều sẽ như mộng. Mộng là do tâm mình hư vọng biến hóa ra. Huyền là trò ảo thuật biến hóa giả tạm như bọt nước, như hình bóng, như điện chớp, bào ảnh. Bản chất không thật, tướng vô thường chợt có chợt không. Hàng ngày chúng ta phải quan sát để biết cái gì cũng huyền, để thành thói quen giác tỉnh. Đức Phật dạy nếu còn dùng hình sắc thấy ta, dùng âm thanh cầu ta, như vậy là tà đạo. Những người dùng âm thanh, sắc tướng cầu thành Phật thì sẽ không thấy Phật. Làm thế nào để thấy được Phật? Chúng ta phải biết ông Phật của mình đang biết nói, đang biết nghe, đang biết thấy. Con chó, mèo, gà, heo, vịt cũng có tánh biết này. Hãy nhận lấy tánh Phật hy hữu chân thật thường còn của chúng ta. Chúng ta thế nào thì Chư Phật cũng thế. Mười phương chư Phật, mười phương chúng sanh đồng một thể tánh Kim Cang chân không Bát Nhã. Nhận ra tánh chân không Bát Nhã này tức là Phật, thấy được Phật thật sự. Tánh này ở nơi chúng sanh gọi là Phật tánh, ở nơi cây cối nhà cửa gọi là pháp tánh. Tánh này là bản thể của hết thảy vạn pháp. Cho nên khi thành đạo, Đức Phật nói rằng ở nơi vạn pháp thành chánh giác. Ở nơi vạn pháp tức là ở ngay cây ổi, cây dừa, núi, sông, đất, nước, con người, chúng sanh, vạn vật, chỗ nào cũng là vạn pháp, chỗ nào cũng là chánh giác. Phàm sở hữu tướng đều là hư vọng, nếu thấy các tướng là huyền nhưng tánh thể là tánh giác. Biết như thế là thấy được Phật, chỗ nào Phật cũng có mặt hết nhưng chúng ta bị các tướng đánh lừa. Chúng ta bị cây ổi, xoài, con chó, con mèo, cái nhà, các tướng đánh lừa, nên chạy theo đó mà nổi hờn giận buồn phiền, tham sân si. Trì tụng pháp ngữ của kinh Kim Cang giúp chúng ta thấy được sự thật giữa tánh tướng này. Như pháp ngữ số tám và số chín, Đức Phật đã nhấn mạnh chỉ trì bốn câu kệ của kinh Kim Cang phước vô lượng hơn cả thí của báu đầy tam thiên đại thiên thế giới và thí thân mạng như số cát sông Hằng. Vị nào tập trì kinh Kim Cang như thế là hy hữu, là được vô lượng vô biên công đức bởi lẽ vị ấy đang từng bước bỏ tướng để trở về tánh chân không bát Nhã Kim Cang của mình. Vị ấy đang từng bước để thấy các tướng là hư vọng nhưng thể là Như Lai Tạng Diệu Chân Tánh.

III. TIN KINH KIM CANG LÀ KÍNH THỜ VÔ SỐ PHẬT

Tu-Bồ-Đề bạch cùng đức Phật rằng: "Bạch đức Thế-Tôn! Như có chúng-sanh nào được nghe những câu trong bài giảng- giải như vậy, mà sanh lòng tin là thiệt chăng?"

Đức Phật bảo Tu-Bồ-Đề: "Ông chớ nói lời ấy! Sau khi đức Như-Lai diệt-độ, năm trăm năm sau, có người trì-giới, tu phước, có thể sanh lòng tin nơi những câu trong bài này mà cho đó là thiệt, thời phải biết rằng người ấy chẳng phải chỉ vun trồng căn-lành từ nơi một đức Phật, hai đức Phật, ba, bốn, năm đức Phật, mà người đó đã vun-trồng căn-lành từ nơi vô-lượng nghìn muôn đức Phật rồi.

Như có ai nghe những câu trong bài này sanh lòng tin trong sạch hẳn đến chừng trong khoảng một niệm.

Tu-Bồ-Đề! Đức Như-Lai đều thấy, đều biết, những chúng-sanh đó đặng phước-đức vô-lượng dường ấy. Tại vì sao? Vì những chúng-sanh đó không còn có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng-sanh, tướng thọ-giả, không có tướng pháp, cũng không có tướng phi-pháp".

Đức Phật dạy trên thế gian này rất ít có người chánh tín. Nếu có người tin đúng thì nên biết người đó đã gieo trồng căn lành không phải ở ba, bốn, năm Đức Phật mà ở vô lượng ngàn muôn đức Phật. Thế cho nên nếu chỉ gieo trồng căn lành ở bốn, năm Đức Phật thì chưa tin nổi về kinh Kim Cang này mà phải ở vô lượng ngàn muôn đức Phật. Người đó chẳng những nghe pháp phụng sự cúng dường ở một, hai, ba, bốn Phật mà nơi vô lượng Phật. Như những người học đại thừa học một lần thì hiểu ít, nhưng học năm lần, mười lần, ba bốn chục lần thì người ta hiểu thấu đáo hơn. Cũng thế những người đã gặp Phật, đã được học Phật pháp mà đây nói là đã gặp vô lượng Phật để học Phật pháp cả vô lượng lần thì những vị ấy mới tin được kinh Kim Cang này, mới tin được chân tâm Bát Nhã vô tướng này là thật. Người bình thường sẽ cảm thấy khó hiểu và khó tin nghĩa lý cao sâu của đại thừa này. Vì vậy, Đức Phật phải đợi đến cuối đời mới dám nói, mới dám tiết lộ kinh Đại thừa về tánh Kim Cang này. Mười hai năm đầu, trong A-hàm, Đức Phật dạy chúng ta tu thiện, bỏ ác, bỏ những vọng tâm, bởi vì chúng ta quá quen với những cái giả, quá quen sống với căn trần thức, cho nên bây giờ tập thấy sự thật của những thói quen vọng tưởng này. Tập thấy nó là giả đã rồi mới nhận được tánh Kim cương Bát Nhã này.

Ai tin được kinh Kim Cang thì phước đức của người này không thể đo lường được như hư không ở khắp cả mười phương. Hư không ở phương đông tây nam

bắc, ở phương trên dưới trong ngoài, không thể đo lường được thì phước đức của người này cũng như thế, mệnh mỏng bất ngát không suy tính được. Cho nên, những người bình thường không có trí tuệ khó tin được kinh này, chỉ những người có trí tuệ, trì giới và tu phước mới tin lời Phật nói và không có chấp ngã, chấp pháp. Như Lai biết chúng sanh ấy vô lượng phước đức bởi lẽ họ đã trồng căn lành thâm sâu nơi vô số chư Phật; họ đã thờ vô số chư Phật. Tin kinh Kim Cang nghĩa là vị ấy tin rằng trong không chấp ta, người, chúng sanh, thọ giả; ngoài không chấp sáu trần cho đến những cây ổi, cây xoài, nhà cửa, núi sông, vạn pháp vạn hình là thật thì vị tu tập chân thật đó sẽ thấy được thật tướng Bát Nhã chân không của kinh Kim Cang. Vị ấy đã chứng kiến thấy được ta, người, chúng sanh, thọ giả là hư vọng nên không đi về con đường lầm mê ấy nữa. Vì có sao? Vì vị ấy đã tin chắc hướng đi giải thoát như thế. Vị ấy không chấp pháp cũng không chấp phi pháp. Dù có thể chưa bỏ hẳn các thói quen vi tế, nhưng vị ấy cũng hướng về sự vô ngã, vô nhân.

Nếu ai nghe Đức Phật giảng pháp mà sanh lòng tin trong sạch thì biết người đó được công đức vô lượng. Nếu niệm vừa rồi tin nhưng niệm sau không tin nữa thì niệm trước có công đức nhưng niệm sau không công đức. Thật ra, nếu một khi chúng ta đã tin thật sự chứ không mê tín, nông nổi, hão huyền thì chúng ta sẽ có lòng tin bất động, không dễ dàng thay đổi ở niệm trước niệm sau. Chúng ta có hiểu mới có tin mà đã có tin thì mới có phước đức. Nếu không hiểu mà mê tín thì không có phước. Chúng ta có lòng tin trong sạch là được chứ không nhất định là phải có nhập định, có thiền chứng thấy mới được. Có lòng tin chân thật ở kinh Kim Cang là vị ấy không chấp ta, người, chúng sanh, thọ giả, biết phi pháp không thật mà đến chánh pháp cũng không thật, tất cả chánh tà đều là hư vọng thì mới thật là người kính thờ vô số Phật. Có cái thấy như vậy, hiểu như vậy mới gọi là tin kinh Kim Cang này.

Tôn giả Tu-bồ-đề nghe Đức Phật giảng như thế, ngai ngai liệu Phật tử nghe có tin không vì nghĩa lý Kim Cang cao quá. Chúng sanh sẽ không hiểu được, sẽ không tin được. Đức Phật mới bảo chớ có nói như thế, chẳng những là tương lai sau này, chẳng những là hiện tại lúc Đức Phật đang ban pháp thoại mà ngay đến về sau, sau khi Như Lai diệt độ rồi. Năm trăm năm về sau nghĩa là hết thời chánh pháp rồi chúng sanh nghe pháp Kim Cang này vẫn có người tin được. Thế nhưng người tin phải là người có trí, có giới, có phước mới tin được kinh Kim Cang này. Do trì giới, tu phước, mới có trí tuệ. Do có trí tuệ nên mới tin kinh Kim Cang. Còn nếu không trì giới, không tu phước, tội chương ngập đầu thì trí tuệ sẽ không khai. Trí tuệ không khai thì không hiểu và do không hiểu nên sẽ không tin.

Cho nên, năm trăm năm sau tức là vào thời Phật pháp đã kém đi, thời chánh pháp đã hết, còn tượng pháp, mật pháp và Đức Phật đã nhập niết bàn thì có

những ai biết trì giới tu phước thì mới có thể sanh được lòng tin chân thật đối với kinh Kim Cang này thì phải biết người này không phải là thờ một, hai, ba, bốn đức Phật mà vị này đã tu từ lâu đời, đã trồng căn lành từ vô lượng ngàn muôn đức Phật thì mới tin được mới hiểu được kinh Kim Cang.

---o0o---

IV. KINH KIM CANG LÀ MẸ CỦA CHƯ PHẬT

Đức Phật dạy: Này Tu-Bồ-Đề! Tất cả các đức Phật và pháp Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác của các đức Phật, đều từ kinh này mà có ra". Một đoạn khác:

“Còn nếu kinh điển này ở tại chỗ nào, thời chỗ đó chính là có đức Phật, hoặc có hàng tôn-trọng Đệ-Tử của Phật”.

Một đoạn khác:

Nếu những nơi-chỗ nào mà có kinh này, thời tất cả Trời, người, A-Tu-la..., trong đời đều nên cúng-dường. Phải biết chỗ đó chính là tháp thờ đức Phật, đều phải cung kính lễ lạy, đi nhiễu quanh, đem các món hoahương mà rải trên chỗ đó.

Có người hỏi: Kinh có trước hay pháp có trước? Giống như hỏi Đức Phật có trước hay pháp có trước? Đức Phật trả lời kinh này là mẹ của tất cả chư Phật. Kinh này là trí tuệ Kim Cang Bát Nhã, vô sanh bất diệt, ai cũng sẵn có rồi. Vì mê nên là chúng sanh, hễ ngộ thì thành Phật. Vậy Phật có trước hay pháp có trước? Pháp vẫn đang có mặt thường trụ tại đó, không trước không sau. Pháp vẫn đứng đấy, hễ mê là chúng sanh, ngộ là Phật. Pháp là thể chất, hễ chúng ta mê thể chất này, quên đi thì không có Phật. Bây giờ tỉnh được ra, nhận được thể chất của mình thì là Phật. Vì thế, Phật và chúng sanh là do mê ngộ mà đặt tên. Pháp thì bản lai vẫn thường trụ.

Phật và chúng sanh chỉ là nhân duyên, chứ pháp hay kinh là cái gốc bản thể, cho nên không có cái nào trước hay cái nào sau. Dù có mê thì pháp vẫn đứng đấy, tánh Phật vẫn đứng đấy, không hao không hụt; dù có thành Phật thì pháp vẫn đứng đấy không thêm không bớt. Phật nói tướng của vạn pháp có sanh có diệt, chứ bản thể pháp thì thường trụ, không trước không sau, không sanh không diệt. Ở đây, kinh Kim Cang chỉ cho chúng ta trí tuệ Bát Nhã bất sanh bất diệt, đó là mẹ của chư Phật, mẹ của tất cả kinh, bởi vì tất cả chư Phật, tất cả pháp đều từ kinh Kim Cang này mà ra. Quan trọng nhất là chúng ta trở về sống với tánh Bát Nhã bất sanh, bất diệt. Đừng biện luận là Phật trước hay pháp trước, cần nhất là chúng ngộ, nắm lấy then chốt thì sẽ tự sẽ biết những việc này, như nóng lạnh tự mình biết.

---o0o---

V. NHỜ CÔNG ĐỨC TRÌ KINH MÀ NGHIỆP CHƯỚNG NHỆ TIÊU

“Nhu có trang nam-tử, thiện nữ-nhân nào, thọ-trì, đọc-tụng, kinh này, lại bị người khinh-tiện; thì những tội nghiệp đã gây ra trong đời trước, người ấy đáng lẽ sẽ phải đọa vào ác-đạo, nhưng bởi trong đời nay, bị người khinh-tiện, nên tội-nghiệp đã gây ra trong đời trước đó, liền được tiêu-diệt, người ấy sẽ đặng đọa Vôthượng Chánh-dăng Chánh-giác”.

Ngài Tu Bồ Đề thưa với Đức Phật rằng nay con được nghe kinh Kim Cang như thế, tin hiểu thọ trì như thế không có gì là khó. Khoảng 500 năm về sau, Đức Phật và các bậc thánh đã nhập niết bàn cả rồi; thế gian không có Phật và cũng hiếm hoi các bậc thánh, chỉ còn những người bậc phước, kém phước ở với nhau. Nếu những người kém phước ấy nghe kinh Kim Cang này thì sẽ thấy rất khó hiểu. Người nào giác tỉnh là được những hư vọng của ta, người, chúng sanh, thọ giả; không còn chấp vào những tướng ta, người, chúng sanh, thọ giả thì người đó là giác, là Phật. Chúng sanh ở trong đường mê, còn người tỉnh ở trong đường giác. Vào thời gian 500 năm về sau, không có Phật làm sao chúng sanh hiểu được những ý này. Thế cho nên nếu ai nghe hiểu và tin những ý này trong kinh Kim Cang thì biết vị đó quý hiếm lắm.

Ai cũng có nghiệp chướng. Vậy làm sao để sạch các nghiệp chướng ấy? nghĩa là làm cho nhẹ hay tiêu sạch các quả báo như quả báo đọa địa ngục, ngã quý, bàng sanh. Đức Phật dạy nhờ công đức trì kinh Kim Cang nên quả báo ấy nhẹ đi. Ví dụ như bệnh nặng thì sẽ giảm đi, thay vào đó là bị người ta chê bai hay bị mất tiền của, nhà cửa. Do một tai nạn nhỏ xảy ra mà giải được nghiệp báo lớn, quả báo hết sức nặng sẽ nhẹ đi rất nhiều. Thế cho nên nếu người tu hành gặp những chuyện không may mắn như ốm đau, bệnh hoạn, mất tiền của, tài sản, bị hàm oan, chửi bới, nên biết đây là nhờ chúng ta có tu nên mới bị những chuyện nhỏ như thế. Đáng lẽ phải bị những quả báo nặng nề như làm thân súc sanh, đọa địa ngục, ngã quý ấy thì ngàn vạn kiếp khó ngóc đầu ra, bây giờ chỉ bị một chút tai nạn, như bị chê bai, bị tai nạn hoặc bị tiếng xấu một chút như vậy phải mừng; đừng mê hoặc tà kiến nghĩ rằng do tu mà đổ nghiệp. Chúng ta đừng có mê hoặc, đừng đâu vạ lây, đừng đâu nói đây, đổ thừa cho nhà chùa, rồi tự chuốt lấy quả báo nguy hại thì không nên.

“Bồ tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả” nghĩa là hành giả Kim Cang không có tạo nhân xấu nữa để nghiệp được trong sáng, còn chúng sanh cứ tạo nhân ác nhưng khi quả khổ đến thì khóc la sợ hãi. Nhân là quan trọng. Hiểu kinh Kim Cang rồi thì không tạo một nhân xấu dù hoàn cảnh đưa đẩy thế nào. Vị hành giả Kim Cang hiểu lý nhân quả mừng rằng nhờ kinh tín thọ trì kinh Kim Cang mà những nghiệp xấu nặng nề khác đáng lẽ xảy ra đã tiêu mất. Thế cho nên, tụng kinh Kim

Cang này có lợi ích tiêu nghiệp thoát báo nặng nề, mà lại còn được tiến lên qua vị Phật, thành tựu chánh đẳng chánh giác nữa.

---o0o---

VI. AI NGHE KINH KIM CANG MÀ KHÔNG KINH KHÔNG SỢ LÀ RẤT HIẾM CÓ

Này Tu-Bồ-Đề! Lại như có người được nghe kinh này mà lòng không kinh-hãi, không e sợ, không nhút nhát, thì phải biết, người đó rất là hi-hữu. Bởi vì sao? Này Tu-Bồ-Đề! Đức Như-Lai nói môn Ba-la-mật thứ nhất chính chẳng phải môn Ba-la-mật thứ nhất, đó tạm gọi là môn Ba-la-mật thứ nhất”.

Tu-bồ-đề thưa với Đức Phật rằng 500 năm về sau có chúng sanh nào nghe kinh này, tin hiểu thọ trì đó là bậc hiếm có thứ nhất, bởi vì những người hiểu được kinh này là không có chấp ta, người, chúng sanh, thọ giả là bậc nhất. Đức Phật mới khẳng định thêm: Đúng thế! Đúng thế!

Người nghe mà thọ trì, không kinh, không hãi, không sợ là người rất hiếm lắm, là đệ nhất ba la mật, tức là sang bờ kia, là ở trên cao nhất. Người đệ nhất này phải thấy được tánh Như Lai ở khắp pháp giới thì mới là ba la mật, là trí tuệ đệ nhất. Thấy được Như Lai Tạng ở khắp pháp giới thì đâu có chia đệ nhất, đệ nhị đâu có bờ này bờ kia, đâu có kẻ mê, người trí thì mới thật là đệ nhất.

Ba la mật là trí tuệ cứu cánh, thấy tất cả bảy đại⁴⁰ đều là Như Lai tạng, Chân không Bát nhã, không có chia bờ bên này và bờ bên kia nữa, không có phân chia trí với ngu nữa, mới thật là đệ nhất. Nhưng đệ nhất ba-la-mật không phải là đệ nhất ba-la-mật, mới gọi là đệ nhất ba la mật. Bây giờ chúng ta đang sống trong thế gian, cần phải phân biệt, cho nên tạm đặt ra có lời nói, gọi là đệ nhất ba la mật, chứ người đạt được trí tuệ ba la mật không có thấy ta, người, chúng sanh và thọ giả nữa thì làm sao có người cao và người thấp.

Thật ra Phật tử không phải kinh sợ khi nghe Đức Phật nói công đức bồ thí cả tam thiên đại thiên thế giới không bằng công đức người trì kinh, nhưng họ kinh sợ khi nghe Đức Phật tuyên bố không có ta, người, chúng sanh, thọ giả thì thính chúng thật kinh sợ. Như trong kinh Lăng Nghiêm, tôn giả A-nan nghe Phật nói tâm mà ngài A-nan thấy 32 hảo tướng của Đức Phật để đi xuất gia là vọng tâm, không phải tâm, thì A-nan rất kinh hãi mà bạch rằng: Nếu không có tâm thì chúng con như gỗ đá không có tình thức hay sao? Cũng thế mọi người kinh sợ khi nghe nói thân này không phải là thân của họ bởi lẽ vô nhân, vô ngã. Tâm không phải là mình bởi vì đó là vọng tâm; cảnh đây cũng không phải mình bởi vì vọng cảnh; tất cả đều không có. Vậy chúng ta là cái rỗng không, không có gì hết sao? Điều này khiến cho nhiều người hoảng hốt, sợ hãi. Vì thế khi ai nghe

kinh Kim Cang mà không kinh, không sợ trước những áo nghĩa đại thừa thâm sâu này thì thật là hiếm có.

---o0o---

VII. TÔN TRỌNG KINH ĐIỀN

“Này Tu-Bồ-Đề! Lại nữa, tùy chỗ nào giảng nói kinh này, nhấn đến một bài kệ bốn câu v.v... phải biết chỗ đó, tất cả Trời, Người, A-Tu-La... trong đời, đều nên cúng-dường như là tháp miếu thờ đức Phật. Huống nữa là có người nào hay thọ-trì, đọc-tụng, trọn cả kinh này!”

Tất cả A-tu-la, trời, người phải tôn trọng giảng đường, những chỗ giảng thuyết kinh Kim Cang vì nơi đó được xem như tháp miếu của Phật. Dù nơi ấy chỉ nói bốn câu kệ thôi, chúng ta cũng phải tôn trọng chỗ ấy như là tháp của Phật, huống chi người thọ trì đọc tụng pháp Đại thừa. Có ba việc hiếm có: cuốn kinh, người đọc thọ trì và chỗ của người đọc kinh. Chỗ nào có Kinh Kim Cang này tức là có Phật và có đệ tử lớn của Phật. Hiếm có là quý giá hiếm hoi ở công đức và ở sự lợi ích. Cuốn kinh Kim Cang này khai mở trí tuệ và đưa chúng ta lên quả vị Phật. Thế nhưng quan trọng ở chỗ chúng ta biết sử dụng kinh Kim Cang hay không? Nếu có kinh mà chúng ta không học, không trì, không tụng quyển kinh ấy thì cũng trở nên vô ích. Cho nên, chúng ta phải học, thọ trì và khuyên mọi người tụng trì để khai mở trí tuệ cho mỗi người, chứ không phải để kinh thờ một chỗ. Đó là chúng ta phải tôn trọng giáo lý một cách chơn chánh. Bởi vì người có trí tuệ mới hiểu được kinh này, mới biết học và quý kinh Kim Cang này.

---o0o---

VIII. CÚNG DƯỜNG 84 NGÀN VỊ PHẬT KHÔNG BẰNG CÔNG ĐỨC TRÌ KINH KIM CANG

Này Tu-Bồ-Đề! Ta nhớ lại hồi thuở trước đức Phật Nhiên-Đăng ra đời, vô-lượng vô-số kiếp về quá-khứ, Ta gặp đặng tám-trăm bốn-ngàn muôn-ức na-do-tha các đức Phật, lúc ấy Ta thấy đều hầu-hạ, cúng-dường, không có luống bỏ qua.

Về đời mạt-thế sau này, nếu có người hay thọ-trì, đọc-tụng kinh này, thời công-đức của những người ấy có được, nếu đem so sánh với công-đức cúng-dường các đức Phật của Ta trong thuở trước, thời công-đức của Ta sánh không bằng một phần trăm, một phần nghìn, muôn, ức, cho đến tính đếm thí-dụ đều chẳng bằng được.

Một đoạn khác:

“Về đời mạt-thế sau này, nếu có trang thiện-nam, người thiện-nữ nào, thọ-trì, đọc-tụng, kinh này, công-đức của những người đây đặng, nếu Ta nói đủ hết cả ra, hoặc có kẻ nghe đó, trong lòng liền cuồng-loạn, nghi-ngờ, không tin”.

Đức Phật Thích Ca có công đức cúng dường 84 ngàn muôn ức na do tha Đức Phật. Điều này cho thấy công hạnh tu phước của Ngài rất nhiều. Đức Phật phụng thờ cúng dường 84 ngàn muôn ức na do tha các vị Phật không để sót một vị Phật nào. Đức Phật kể công đức to lớn của ngài như vậy để so sánh công đức ấy cũng không bằng một phần trăm, một phần ngàn muôn ức của công đức đọc tụng kinh Kim Cang. Lời tuyên bố này của Đức Phật rất khó hiểu.

Nếu Phật nói cho đủ công đức của người trì kinh Kim Cang thì mọi người nghe chắc sẽ phát cuồng không tin. Ai đọc tụng, thọ trì, giảng nói trọn hết kinh Kim Cang này công đức không thể nghĩ bàn. Bởi công đức to lớn ấy mà người thế gian không thể hiểu nổi được, không thể hiểu hết lợi ích của sự giác ngộ chân tâm Bát Nhã của tánh Kim Cang. Người thế gian ở trong đường mê, không thể hiểu và biết được cảnh giới thường trụ, cho nên nói là không thể nghĩ bàn. Ý nghĩa của kinh không thể nghĩ bàn, cho nên phước báo lại càng không thể nghĩ bàn được.

Nếu có người thọ trì, đọc tụng kinh Kim Cang này, lại rộng vì người khác giảng nói thì Đức Như Lai ắt thấy người ấy sẽ có công đức không thể lường, không có bờ mé, không thể nghĩ bàn. Những người như thế sẽ gánh vác ngôi báu vô thượng chánh đẳng chánh giác của Như Lai. Những người thích pháp nhỏ tức là còn chấp ta, người, chúng sanh, thọ giả thì đối với kinh Kim Cang này không có lắng nghe, thọ trì, đọc tụng, không có vì người khác giảng nói.

Nơi nào có cuốn kinh Kim Cang này thì tất cả thế gian, trời, người, A-tu-la đều nên cúng dường lễ bái. Chính kinh Kim Cang này là tháp miếu thờ Phật, chúng ta phải cung kính đánh lễ, đi nhiễu quanh, dùng các thứ hương hoa cúng dường. Về đời mạt-thế sau này, nếu có người hay thọ-trì kinh Kim Cang này, thời công-đức của vị này so với công-đức cúng-dường các đức Phật của ngài Thích Ca trong thuở trước, thời công-đức của Phật Thích Ca không bằng một phần trăm hay một phần ngàn.

Như vậy, công đức vô lượng không thể nghĩ bàn cho những ai bất kể Phật tử hay các bậc xuất gia phát tâm trì tụng kinh Kim Cang này, đều được hưởng lợi lạc như nhau. Thật ra, an lạc tu tập ở trong chùa không có những ràng buộc trong thế gian, không có vọng riêng ở đời thì chúng ta sẽ chuyên tâm thọ trì kinh Kim Cang này hơn. Chỉ sợ chúng ta không có lòng thọ trì kinh Kim Cang, mà cứ bận rộn với những chuyện lùn cùn của yêu ghét, giận hờn. Nếu chúng ta tha thiết trì kinh Kim Cang để mạnh mẽ buông đi vọng thân, vọng cảnh, vọng tâm; quay ngo

lại tâm của mình xem có chấp nhân, chấp ngã nữa không thì nên bỏ thì chúng ta sẽ trở về với cái thật. Chúng ta làm phước để ngày mai mình được quả báo trang nghiêm cõi Phật của mình. Tuy nhiên, phước vô vi trở về tâm thật của mình hơn phước hữu vi bên ngoài nhiều. Như vậy từ đầu đến cuối kinh, chúng ta thấy Đức Phật luôn tán thán phước vô vi, tánh phước đức hơn là phước hữu vi hay tướng phước đức. Việc thọ trì kinh kết thành vô lượng vô biên công đức là do thọ trì đưa đến nắm được tánh Phật, tánh Kim Cang Bát Nhã. Do thường đọc tụng kinh Kim Cang này sẽ gọi cho chúng ta nhớ tánh Kim Cang Bát Nhã sẵn có của chúng ta.

---o0o---

CHƯƠNG 4 - KẾT LUẬN

Đức Phật dạy nếu chúng ta vô minh không nhận được tánh Kim Cang Bát Nhã ba la mật này thì sẽ như bà già mù đi trong rừng xương. Mê muội chấp có ta, người, chúng sanh, thọ giả là ma lực của vô minh. Bà già ấy vì mù tối nên sẽ không sáng suốt như bồ thí thì mong cầu phước hữu vi sung sướng rồi lại đi vào đường khổ vướng mắc sanh tử. Cho nên bây giờ muốn sáng suốt thì chúng ta phải gỡ sự mù tối ở trong mắt ra, đừng để cho mù nữa. Một con mắt mù là do sự chấp ngã làm mù và một con mắt kia bị mù là do chấp pháp nó làm mù. Chúng ta mù là bởi vì chúng ta không thấy đúng sự thật, đã không thấy đúng sự thật mà còn thấy sai nữa và do sự sai lầm này làm cho mình mê lạc trong mười loài chúng sanh. Thí dụ khi bồ thí, chúng ta cứ chấp có ta (là người bồ thí), có người (là người nhận thí) và có vật (quà để bồ thí), cho nên hễ người nào là thân với mình, khen mình, hay cho mình nhiều quà cáp thì chúng ta thích và cho là người tốt. Nhiều khi có người làm bậy nhưng chúng ta vẫn cứ khen. Còn người nào thẳng thắn, thật thà, không cho mình quà bánh, cũng không khen hay lân mẫn thì chúng ta coi thường lạnh lẽo, không thích họ. Có những người tốt, làm điều phải thì chúng ta lại cứ chê cho là xấu, là bậy. Cho nên, Đức Phật dạy không có trí tuệ Kim Cang, không thấy được sự thật, sẽ như bà già mù đi trong rừng xương sợ.

Đức Phật khuyên không chấp ta, người, chúng sanh, thọ giả mới thật là người tin kinh Kim Cang, mới thật là kính thờ vô số Phật. Đức Phật bảo thêm không có tướng pháp, tướng phi pháp nhưng nhớ lúc qua sông, chúng ta cần cái bè, bây giờ lên bờ rồi thì chúng ta bỏ bè lại. Nhưng để bè lại chứ không phải là phá hư cái bè, để cái bè đó cho người khác cần đến thì sử dụng. Cũng như uống thuốc để trị bệnh, khi hết bệnh rồi thì không uống thuốc nữa, nên để thuốc cho người khác dùng chứ không phải phá hủy thuốc đó đi. Thân vàng kim sắc của Đức Phật mà còn là hư vọng thì bao nhiêu cái thân uế trước như chúng ta đây đều không có thật. Đức Phật không cần nói những thân khác, ngài chỉ lấy ngay thân

của ngài để minh bạch rằng sắc thân và hình tướng là hư vọng huyễn ảo. Lia cả sắc, lia cả tướng thì mới sống với tánh Kim Cang Bát Nhã này được.

Có nhiều người nếu không học các kinh Đại Thừa như Lăng-nghiêm, Pháp Hoa, Kim Cang thì bao giờ mà biết Phật thật cả, chỉ sống trong ảo giả, trong đường mê mà cứ cho là thật. Sống cho những tướng và cảnh sống đây là thật. Cho nên nhờ học kinh Kim Cang hôm nay giúp chúng ta trở về với mình, với cái thật của ta, còn hình tướng thì đều hư giả, đừng khởi tâm yêu thích bám vào thân mình, đừng ích kỷ tật đố. Dùng trí Kim Cang để buông tâm yêu thích thân (ái ngã), biết coi thường thân này để phụng thờ Tam bảo, phục vụ đại chúng.

Cuộc đời sanh tử đều hư vọng. Thân như bóng chớp, chiều tà. Quang cảnh cũng thế vừa mưa rồi chợt nắng, vừa mới sáng rồi lại tối. Nay chuyện này mai chuyện khác luân chuyển thay đổi. Như bông hoa sáng tươi, chiều héo; như bóng bóng nước chợt thấy liền tan, đều là những cái không có. Chúng ta từ nhỏ đến lớn, ăn cơm uống nước bào chế ra máu, bào chế ra da thịt, tạo ra đồng đất này, rồi hít thở không khí, lãnh nắng ấm mặt trời để giữ thân và nương tựa vào thân này, sống chết với cái này và cứ thế vẫn theo thói quen vơ vào những giả tạm trong nhiều đời kiếp. Bây giờ chúng ta sống với cái chân thật của mình, tuy là vô sanh bất diệt nhưng tâm mê của chúng ta vẫn cứ chạy theo những hư vọng, cho nên biến hóa hết thân này sang thân khác. Vì vậy, pháp ngữ trong Kinh Kim Cang là mở con mắt trí tuệ cho chúng ta, khiến cho chúng ta sống với tánh Bát Nhã của mình. Khi chúng ta nhận thân Kim Cang thường còn, đừng nhận thân hư vọng này là chúng ta hết mù một con mắt về ngã. Nhận cảnh thường trụ, đừng nhận cảnh hư vọng này là của mình tức hết mù con mắt về pháp. Giác tỉnh được ngã pháp là tỉnh được tánh Kim Cang. Những gì chúng ta đang thấy là trong mê lầm gọi là kiến hoặc (cái nhìn sau lầm). Tỉnh ra và phá được kiến hoặc gọi là chứng Tu-đà-hoàn. Phá được tư hoặc (suy nghĩ sai lầm) sẽ chứng A-na-hàm, quả vị á-thánh của Tiểu thừa. Nếu ngay nơi thân giả tạm này đây mà chúng ta nhận được tánh đang nghe, đang thấy, đang nếm, đang ngửi là tánh Kim Cang Bát Nhã thì chúng ta sẽ thành Phật.

Bà già nghĩa là già cõi lắm rồi, đã lâu lắm rồi sống với vô minh mê hoặc. Sự ngu si mù lòa này chúng ta đã sống với nó quá lâu khiến nó gần như là thể chất của mình rồi và cứ nhận sự vô minh ấy là tôi. Bây giờ muốn nhận ra nó không phải là mình thì chúng ta phải có công phu bền bỉ. Giống như tờ giấy chúng ta đã gấp lại rồi. Lâu ngày vết gấp rất rõ rệt, khó phai. Khi mở tờ giấy ra, vết hằn vẫn còn đấy. Chúng ta cần bẻ ngược lại vết hằn ấy để nó từ từ phai đi và sẽ mất hằn dấu vết. Trong sự tu tập, chúng ta cũng thế, nghĩa là chúng ta phải biết từng niệm quán Tứ Niệm Xứ, quán tánh Kim Cang và phải quán liên tục ta mới nhận ra và bỏ dần tập khí chấp ngã và pháp. Còn nếu không, mỗi ngày sáu căn tiếp xúc sáu trần, chúng ta cứ đưa mắt nhìn, tai cứ nghe hàng vạn lần, mũi cứ ngửi,

lưỡi cứ nếm, thân cứ tiếp xúc, ý cứ tưởng pháp trần thì đều là trong chấp ta (có cuộc đời của mình), ngoài chấp cảnh (môi trường sống xung quanh). Mỗi một ngày hiện tại chúng ta học kinh Kim Cang nhưng hàng ngày chúng ta vẫn tập sự ngu si mù lòa ấy. Mỗi một lần đưa mắt nhìn, ý thức liền cho ngay là cái tôi đang nhìn, tôi đây đang thấy chùa chiền, đường xá, cây cảnh, sông núi. Tôi đang có con mắt, tai nghe, mũi ngửi, miệng nếm, thân xúc, ý biết, tức đang có sáu căn là cuộc đời của tôi và sáu trần là cảnh chung quanh, tức vẫn đang có những chấp ngã pháp kết tủa chung quanh.

Tu tập là đi ngược dòng thói quen. Chúng ta tập buông sự chấp ngã, buông niệm chấp có thân, tâm, cảnh và cuộc đời của mình. Mặc dù chúng ta học Kim Cang Bát Nhã rồi nhưng chúng ta vẫn kết sự si ám, vẫn cứ thuận kết sự mù lòa làm mình. Cho nên bây giờ mỗi một niệm chúng ta phải tập tỉnh ra, mỗi sự xúc chạm, căn trần phải nhận ngay vô ngã và vô pháp. Phải có công phu nghiêm ngặt như vậy thì chúng ta mới chứng Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hoàn, A-na-hàm và mới thật chứng A-la-hán và tiến đạt đến các quả vị quả vị thánh Tiểu thừa. Đó là chúng ta học cách tu tập của pháp Tiểu thừa đã để nhận từng niệm của mình. Tiến lên đại thừa, Kinh Kim Cang dạy chúng ta tập nhận từng niệm để độ tất cả chúng sanh. Mỗi một niệm tham là một con ma. Mỗi một niệm sân là con rắn hay con quỷ. Mỗi một niệm khởi lên là một loài noãn sinh, thai sinh, thấp sinh, hóa sinh, hữu sắc, vô sắc, hữu tướng, vô tướng, hoặc phi hữu sắc, hoặc phi vô sắc, hoặc phi hữu tướng, hoặc phi vô tướng. Chúng ta phải độ cho hết mười loài chúng sanh ấy nghĩa là tỉnh ra, đừng nhận niệm ấy là thật, để nó tan đi. Chúng ta từng niệm, từng niệm độ chúng sanh trong tâm của mình, hàng ngày độ cho chúng nó vào vô dư Niết bàn, trở về tánh vô sanh, không có loạn niệm nữa. Chúng ta an định vào cái thật, suốt ngày chúng ta phải đối với từng niệm để cho nó tỉnh ra, đây là việc đầu tiên chúng ta phải làm.

Bên ngoài sáu căn đối với sáu trần, chúng ta biết là huyền, là vô ngã, cho nên không có chấp sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Biết tất cả là huyền, nên việc đầu tiên là buông xuống, như thế gọi là không chấp. Trình độ buông được vọng tâm, vọng thân, vọng cảnh, chỉ mới là đạt được tông chỉ của tiểu thừa. Nhưng trong Kinh Kim Cang, Đức Phật dạy Bồ tát phải bố thí, nghĩa là bỏ tất tu lục độ vạn hạnh và trước khi tu lục độ vạn hạnh, bỏ tất phải tu trình độ Tiểu thừa, phải giải thoát được các vọng thân, vọng tâm và vọng cảnh. Chúng ta tập buông đi và tập đối xử với mọi người bằng tâm Bồ tát, tâm từ bi, hỷ xả, tâm lục độ vạn hạnh, tập được tâm nào, tập được đến đâu thì quý đến đó. Đây là Phật sự của người học đại thừa và trong Đại thừa chúng ta phải xong các pháp quán của Tiểu thừa. Nếu chưa có tiểu thừa mà nói đại thừa thì vô lý, chưa có căn bản mà đã nói đến trường thành là không thể được, cho nên phải lo tu Tiểu thừa trước. Chúng ta phải tập tu đừng chấp ngã, đừng chấp pháp, tỉnh ra, buông được vọng thân, vọng

tâm và vọng cảnh. Rồi dùng tâm thanh tịnh trong sáng ấy mà tu các công đức tiến lên Đại thừa, tối thượng thừa viên đốn. Lúc đó, chúng ta sẽ thấy khả năng tâm của chúng ta sẽ bao la, diệu dụng và hữu ích rất nhiều. Lúc đó hàng phục tâm nghĩa là độ được mười loài chúng sanh ở tâm mình và an trụ tâm sẽ là đưa mười loài chúng sanh trở về tự tánh Niết bàn vô sanh mà không thấy một chúng sanh nào được độ. Đó là an cư lạc nghiệp, là giải thoát, minh tâm kiến tánh.

Như vậy, trong những năm đầu thuyết pháp, Đức Phật muốn chúng ta tin sáu căn, sáu trần, sáu thức là hư vọng trước, buông được luân hồi sanh tử, rồi từ từ Đức Phật mới nói đến tánh Kim Cang, chân tâm thường trụ của các kinh Đại Thừa, để chúng ta vào pháp viên đốn. Đó là một đời giáo hoá của Phật bởi vì Phật nói đến đâu còn đợi cho các đệ tử tu chứng phần đó, rồi Phật mới nói tiếp nữa. Đợi cho các đệ tử tu chứng thấy được hết cái giả rồi, chúng được A-la-hán, buông được thật sự những cái giả, lúc bấy giờ Phật mới bắt đầu nói đến đại thừa của kinh Kim Cang, Lăng Nghiêm, vv... để vào tâm thường trụ ngay nơi mình. Chúng ta bây giờ chỉ học thôi chứ không bắt buộc có sự tu chứng, cho nên chúng ta học nhanh, học cả tiểu thừa và đại thừa chung cùng một lúc và nhiều Phật tử bây giờ rất thông thạo, nhiều vị còn trẻ mà đã học Kim Cang và Lăng nghiêm rồi. Như vậy cũng hay để chúng ta biết đường đi để khỏi bị những cái giả đánh lừa. Chúng ta hẳn biết đường đi đã, còn tu chứng thì tính sau (vì chúng ta không phải là thượng căn) và cố gắng nhanh lên. Đức Phật đã thị tịch rồi, nhưng những kinh như kinh Kim Cang đóng vai trò như kim chỉ nam giúp cho chúng ta kiến tánh thành Phật.

Đức Phật giảng xong kinh Kim Cang. Tôn giả Tu-bồ-đề cảm nhận được sự thống khổ của vô minh nên ngài khóc, cảm thương chúng sanh mê muội mãi loanh quanh trong sáu đạo luân hồi mà không biết họ vốn có tánh Phật thường trụ. Còn chúng ta thì cười và thích cam phận làm bà già mù đi trong rừng xương sọ, chứ làm cái khác cao thượng hơn thì chúng ta thấy khó khăn, không làm nổi. Tôn giả Tu Bồ Đề mừng vì ngài chữa được bệnh mù loà, vì hai chấp trước ngã và pháp và bốn tướng trạng của ta, người, chúng sanh và thọ giả không còn quân chặt ngài nữa. Ngài vô cùng cảm kích và vui mừng đến chảy nước mắt bởi lẽ bây giờ ngài đã chứng ngộ rằng trong khi bố thí, nên thực hành hạnh bố thí vô tướng và trong khi độ sinh, nên thực hành cách độ sinh vô ngã. Như vậy gọi là *cách an trụ tâm và hàng phục tâm rất ráo. Đây là Pháp Ngữ quan trọng chính yếu của kinh Kim Cang.* Đây là pháp viên đốn cao sâu nhiệm mầu mà tôn giả Tu Bồ Đề được nghe và được thể nhập. Từ đây, Tánh Không Bát Nhã ba la mật của ngài đã được sáng tỏ và từ đây, ngài được mệnh danh là Giải Không đệ Nhất trong chúng trung tôn của Đức Thế Tôn

Kinh này gọi là Kim Cang Bát Nhã, nhưng từ đầu tới giờ chúng ta không thấy trong chánh văn Phật nói gì đến chữ Kim Cang Bát Nhã Ba la mật cả. Nhưng

thật ra khi Đức Phật dạy không có tướng ta, tướng người, tướng chúng sanh, tướng thọ giả, tướng pháp và phi pháp... đó là Đức Phật đang khai trí tuệ Kim Cang Bát Nhã cho chúng ta. Trí Kim Cang Bát Nhã này có sẵn ở nơi mình, chứ không phải của Phật và Phật đang khai mở cho chúng ta thấy. Đức Phật đang dùng lời nói để khai tuệ Bát Nhã. Hễ chúng ta buông được sự mê muội của ngã chấp và pháp chấp thì tuệ Bát Nhã của chúng ta hiện tiền. Chính trí Kim Cang của chúng ta đang phá những mê muội của mình, những mê muội đang biểu lộ ở thân khẩu ý đây. Đức Phật đang dùng lời nói, phương pháp để tuệ Bát Nhã của chúng ta được hiển thị ra, chính tuệ hiểu biết này đang phá ngã chấp, pháp chấp, đó chính là tánh biết của chúng ta đang làm việc này. Đây là Kim Cang, là chân không Bát Nhã. Hễ thọ trì pháp ngữ (16 pháp ngữ của chương 2) đến đâu, chúng ta tỉnh đến đâu thì đó là chúng ta đang lên bờ kia “đáo bỉ ngạn” đến đó.

Nhờ công đức thường xuyên thọ trì tụng kinh Kim Cang mà chúng ta nhận ra tánh Kim Cang bền chắc của mình, sống với bản thể thường còn của mình cũng như mình có mắt biết thấy, nhưng phải nhờ đèn mới thấy được ban đêm. Kinh Kim Cang như ngọn đèn, chúng ta nương cuốn kinh để thấy tánh Kim Cang của mình. Chúng ta dùng tánh Kim Cang của mình để chữa hai mắt mù đi, chữa sự chấp ngã pháp. Khi chúng ta tỉnh ra, buông đi là lúc đã chữa lành bệnh mù lòa, là lúc sáng tỏ tánh Kim Cang Bát Nhã ba la mật của mình.

Nam-Mô Bát-Nhã Hội-Thượng Phật Bồ-Tát

Ma-Ha-Tát. (3 lần)

---o0o---

THAM KHẢO

1) Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật, *Hán dịch*: Cưu Ma La Thập. *Việt dịch*: Thích Trí-Tịnh

<http://www.niemphat.com/kinhdien/kinhkimcang/kinhkimcang.html>.

2) Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật giảng giải, PM3, Tôn Sư Hải Triều Âm.

3) *Vòng Luân Hồi*, Thích Nữ Giới Hương, NXB Phương Đông: Tủ Sách Bảo Anh Lạc, 2008. Tái bản lần thứ 4, 2016.

4) *Luân Hồi trong Lăng Kính Lăng Nghiêm*, Thích Nữ Giới Hương, NXB Văn Hoá Sài Gòn: Tủ Sách Bảo Anh Lạc, 2008. Tái bản lần thứ 4, 2016.

---o0o---

TỦ SÁCH BẢO ANH LẠC

1. *Bodhisattva and Sunyata in the Early and Developed Buddhist Traditions*, Bhikkhuni Gioi Huong, Delhi-7: Eastern Book Linkers, 1st print 2004, 2nd reprint 2005 & Vietnam Buddhist University: 3rd reprint.
2. *Bồ-tát và Tánh Không Trong Kinh Tạng Pali và Đại Thừa*, Thích Nữ Giới Hương, Delhi-7: Tủ Sách Bảo Anh Lạc, 2005. Tái bản lần 2, NXB Tổng Hợp Tp HCM, 2008.
3. *Ban Mai Xứ Ấn* (3 tập), Thích Nữ Giới Hương, Delhi-7: Tủ Sách Bảo Anh Lạc, 2005; và tái bản lần 2 năm 2006. Tái bản lần ba, Nhà Xuất Bản Văn Hoá Sài Gòn, 2008.
4. *Vườn Nai – Chiếc Nôi Phật Giáo*, Thích Nữ Giới Hương, Delhi-7: Tủ Sách Bảo Anh Lạc, 2005. Tái bản lần 2, NXB Phương Đông, 2008.
5. *Xá Lợi Của Đức Phật*, Tham Weng Yew, Thích Nữ Giới Hương chuyên ngữ, Delhi-7: Tủ Sách Bảo Anh Lạc, 2005 và tái bản lần 2 tại Delhi 2006. Tái bản lần 3, NXB Tổng Hợp Tp HCM, 2008.
6. *Quy Y Tam Bảo và Năm Giới*, Thích Nữ Giới Hương, Tủ Sách Bảo Anh Lạc, Wisconsin, USA, 2008. Tái bản lần 2, 2010 và lần 3 năm 2016
7. *Vòng Luân Hồi*, Thích Nữ Giới Hương, NXB Phương Đông: Tủ Sách Bảo Anh Lạc, 2008. Tái bản lần 2, 2010; lần thứ 3, 2014 và lần thứ 4, 2016.
8. *Hoa Tuyết Milwaukee*, Thích Nữ Giới Hương, NXB Văn Hoá Sài Gòn: Tủ Sách Bảo Anh Lạc, 2008.
9. *Luân Hồi trong Lăng Kính Lăng Nghiêm*, Thích Nữ Giới Hương, NXB Văn Hoá Sài Gòn: Tủ Sách Bảo Anh Lạc, 2008. Tái bản lần thứ 2, 2012; lần thứ 3, 2014 và lần thứ 4, 2016.
10. *Nghi Thức Hộ Niệm Cầu Siêu*, Thích Nữ Giới Hương biên soạn, Delhi-7: Eastern Book Linkers, 2008.
11. *Sen Nở Nơi Chón Tử Từ*, Nhiều tác giả, Thích Nữ Giới Hương chuyên ngữ, NXB Văn Hoá Sài Gòn: Tủ Sách Bảo Anh Lạc, 2010.
12. *Nữ Tu và Tủ Nhân Hoa Kỳ*, (2 tập), Thích Nữ Giới Hương, NXB Văn Hoá Sài Gòn: Tủ Sách Bảo Anh Lạc, 2010; tái bản lần thứ 2 năm 2011; lần thứ 3, 2014 và lần thứ 4, 2016.
13. *Quan Âm Quảng Trần*, Thích Nữ Giới Hương, NXB Tổng Hợp: Tủ Sách Bảo Anh Lạc, 2010; tái bản lần 2 năm 2012; lần thứ 3, 2014 và lần thứ 4, 2016.

14. *Nếp Sống Tỉnh Thức của Đức Đạt Lai Lạt Ma Thứ XIV*: (2 tập), Thích Nữ Giới Hương, NXB Hồng Đức: Tủ Sách Bảo Anh Lạc, năm 2012. Tái bản lần thứ 2, 2014 và lần thứ 3, 2016.

15. *A-Hàm: Mưa pháp chuyển hóa phiền não*, (2 tập), Thích Nữ Giới Hương, NXB Hồng Đức: Tủ Sách Bảo Anh Lạc, năm 2012. Tái bản lần thứ 2, 2014 và lần thứ 3, 2016.

16. *Góp Từng Hạt Nắng Perris*, Thích Nữ Giới Hương, NXB Hồng Đức: Tủ Sách Bảo Anh Lạc, năm 2014.

17. *Pháp Ngữ của Kinh Kim Cang*, Thích Nữ Giới Hương, NXB Hồng Đức: Tủ Sách Bảo Anh Lạc, năm 2014. Tái bản lần thứ 2, 2016.

18. *Tập Thơ Nhạc Nắng Lãng Nghiêm*, Thích Nữ Giới Hương, NXB Hồng Đức: Tủ Sách Bảo Anh Lạc, năm 2014.

19. *Chùa Việt Nam Hải Ngoại (Overseas Vietnamese Buddhist Temples)*, Võ Văn Tường & Từ Hiếu Côn, vol 2, Thích Nữ Giới Hương chuyển Anh ngữ. NXB: Hương Quê, 2016.

20. *Việt Nam Danh Lam Cổ Tự (The Famous Ancient Buddhist Temples in Vietnam)*, Võ Văn Tường. Chuyển Anh ngữ: Thích Nữ Giới Hương. NXB: Phương Nam, 2016.

---o0o---

ĐĨA CA NHẠC PHẬT GIÁO CHÙA HƯƠNG SEN

1. *Đào Xuân Lộng Ý Kinh*, Thơ: Thích Nữ Giới Hương, Nhạc: Nam Hưng, volume 1, năm 2013.

2. *Niềm Tin Tam Bảo*, Thơ: Thích Nữ Giới Hương, Nhạc: Hoàng Y Vũ & Hoàng Quang Huế, volume 2, năm 2013.

3. *Trăng Tròn Nghìn Năm Đón Chờ Ai*, Thơ: Thích Nữ Giới Hương, Nhạc: Võ Tá Hân, Hoàng Y Vũ, Khánh Hải, Khánh Hoàng, Hoàng Kim Anh, Linh Phương và Nguyễn Tuấn, volume 3, năm 2013.

4. *Ánh Trăng Phật Pháp*, Thơ: Thích Nữ Giới Hương, Nhạc: Uy Thi Ca & Giác An, volume 4, năm 2013.

5. *Bình Minh Tỉnh Thức (Piano Variations for Meditation)*, Thơ: Thích Nữ Giới Hương, Độc Tấu Dương Cẩm và Hòa Tấu: Nữ Nhạc Sĩ Linh Phương, volume 5, năm 2013.

6. *Tiếng Hát Già Lam*, Thơ: Thích Nữ Giới Hương, Nhạc: Nam Hưng, volume 6, năm 2015.

7. *Cảnh Đẹp Chùa Xưa*, Nhạc: Hoàng Quang Huế, Hoàng Y Vũ, Võ Tá Hân, & Khánh Hải, volume 7, năm 2015.

8. Karaoke *Hoa Ưu Đàm Đã Nở*, Thơ: Thích Nữ Giới Hương, Nhạc: Nam Hưng, volume 8, năm 2015.

---o0o---

PHÁP NGŨ TRONG KINH KIM CANG

Thích nữ Giới Hương

Chịu trách nhiệm xuất bản:

BÙI VIỆT BẮC

Biên tập: Thế Vinh

Sửa bản in: Quỳnh Trang

Bìa & Trình bày: Thích Nữ Viên Quang

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

A2 - 261 Thụy Khuê - Tây Hồ - Hà Nội ĐT: 08044806 - Fax:
08043538

In tái bản lần thứ ba 2000 quyển, khổ 14x20 cm, tại Xí nghiệp In Fahasa, 177 Trường Chinh, Tân Bình, TP.HCM.

Giấy phép xuất bản số: 70-2012/CXB/146-01/HĐ, cấp ngày 13 tháng 02 năm 2012. In xong và nộp lưu chiểu tháng 05 năm 2014.

---o0o---

HẾT

¹ http://quangduc.com/file_chinh/view_detail.php?ID=4677&bk_id=430&p_i d=2&kind=kinh_hantang

² <http://en.wikipedia.org/wiki/Diamond>

³ http://en.wikipedia.org/wiki/Mohs_scale_of_mineral_hardness

⁴ Tam tai: có lửa (vì có đục nên còn lửa), gió (thổi tan xác đi) và bão lụt (nước nhận chìm). Từ cõi trời đục giới thứ sáu trở xuống là từ cõi Tha hoá tự tại thiên trở xuống tức bao gồm cả cõi đục giới (người, địa ngục, ngạ quỷ súc sanh...) còn tam tai. Xem Luân Hồi trong Lăng Kính Lăng Nghiêm, chương 14, Thích Nữ Giới Hương. Bát nạn là tám tai nạn sẽ xảy ra. Theo nghiệp báo, con người sẽ còn gặp tám tai nạn như sẽ bị sanh vào 1) cõi địa ngục, 2) ngạ quỷ, 3) súc sanh, 4) cõi trời Trường-Thọ, 5) sanh làm người thiếu căn (đui mù,

điếc, câm, ngọng), 6) biên địa (nơi biên giới không có Phật pháp) 7) Sanh trước Phật và 8) sanh sau Phật, nên không được Phật và thiếu duyên nghe pháp để giải thoát.

⁵ <http://forums.giadinhpattu.vn/viewtopic.php?f=8&t=2936>

⁶ Hóa thành là nơi nghỉ tạm cho khoẻ rồi mới đi tiếp đến bảo sở là nơi mong muốn rốt ráo (Kinh Pháp Hoa). Giống như phải học A-hàm trong bước đầu rồi từ từ bước lên nấc thang đại thừa.

⁷ Xem Luân Hồi trong Lăng Kính Lăng Nghiêm, Thích Nữ Giới Hương.

⁸ Sáu cõi tức sáu đường: cõi trời, người, atula, địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh.

⁹ Kim Cang giảng luận của Hòa thượng Tuyên Hóa <http://www.dharmasite.net/bdh39/KinhKimCangLG.html>

¹⁰ Tứ Không: Không vô biên xứ định, Thức vô biên xứ định, Vô sở hữu xứ định và Phi tướng phi phi tướng định.

¹¹ Luân Hồi trong Lăng Kính Lăng Nghiêm, Chương 9: Mười Hai Loài Chúng Sanh. Thích Nữ Giới Hương.

¹² Bốn thánh: Phật, Bồ tát, Duyên giác và Thanh văn.

¹³ Sáu phạm: Trời, A-tu-la, người, địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh.

¹⁴ Xem Vòng Luân Hồi trong Bức Tranh Phật Giáo Tây Tạng, Thích Nữ Giới Hương.

¹⁵ Sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý.

¹⁶ Sáu trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

¹⁷ Sáu thức: nhãn thức, nhĩ thức, tỵ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức.

¹⁸ Ngũ trước: năm lớp vô minh: kiến trước, phiền não trước, chúng sanh trước và mạng trước.

¹⁹ Năm âm: sắc, thọ, tưởng, hành và thức.

²⁰ Cừu tưởng quán (chín cách quán tưởng về thân chết) :

1. Quán tử thi trở nên bầm xanh;
2. Quán tử thi bị rửa, máu mủ rịn ra từ chín lỗ;
3. Quán tử thi sinh giòi tữa, bị chim thú ăn thịt;
4. Quán tử thi sinh chương lên;
5. Quán máu mủ từ tử thi chảy ra lênh láng trên mặt đất;
6. Quán tưởng da thịt bầy nhầy, rửa nát;
7. Quán tưởng da thịt tiêu hết, chỉ còn xương gân vương vãi;
8. Quán tưởng tử thi bị thiêu đốt thành tro bụi;
9. Quán tưởng tử thi chỉ còn là một đồng xương trắng tản mát.

²¹ Bách dụ: bách là 100, dụ là thí dụ. Cuốn sách nói về 100 thí dụ.

²² Vô kiến đỉnh tướng: tướng trên đỉnh đầu của Đức Phật rất khó thấy, chỉ bậc trí tuệ mới thấy được.

²³ <http://forums.giadinhpattu.vn/viewtopic.php?f=8&t=2936>

²⁴ Thần Tú là vị mà mọi người tưởng sẽ là Lục Tổ, nhưng cuối cùng người nhà quê chẻ củi Huệ Năng lại thành Lục Tổ.

²⁵ Xem Luân Hồi trong Bức Tranh Phật Giáo Tây Tạng, Thích Nữ Giới Hương.

²⁶ http://thuvienhoasen.org/D_1-2_2-75_4-7866/38-noi-ve-dai-thien-thegioi-nhu-the-nao.html

²⁷ Xem *Trăm Tư về Vũ Trụ Xung Quanh Chúng Ta* và *Hạt Bụi Vô Minh* trong cuốn Góp Từng Hạt nắng Perris, Thích Nữ Giới Hương.

²⁸ http://www.khoahoc.com.vn/khapha/vu-tru/50126_40-ti-hanh-tinh-cothe-duy-tri-su-song.aspx

²⁹ <http://forums.giadinhpattu.vn/viewtopic.php?f=8&t=2936>

³⁰ Ngũ trước: kiếp trước, kiến trước, phiền não trước, chúng sanh trước và mạng trước.

³¹ <http://chuaodonghung.com/viet/phot-phap/kinh-luat-luan/428-kinh-phatthuyet-a-di-da>

³² <http://www.tangthuphatoc.net/kinh/duocsu.htm>

³³ http://thuvienhoasen.org/D_1-2_2-58_4-411_5-50_6-1_17-88_14-1_15-1/

³⁴ Bích Chi Phật còn gọi là Độc giác Phật: tiếng Anh gọi là a silent Buddha. Đức Phật tự giác ngộ nhưng không có thuyết pháp độ sanh, nên Phật sống một mình trong cảnh giới của mình.

³⁵ <http://yume.vn/quyenho04/article/hay-tim-hieu-ve-bo-thi-tri-gioi-nhannhuc-la-gi-sau-phap-ba-la-mat-tiep-theo-phan-2.35D9DC4B.html>

³⁶ Lục độ là bố thí, trì giới, tinh tấn, thiền định, nhẫn nhục và trí tuệ.

³⁷ <http://forums.giadinhpattu.vn/viewtopic.php?f=8&t=2936>

³⁸ Xem Luân Hồi trong Lăng Kính Lăng Nghiêm, Thích Nữ Giới Hương.

³⁹ Đại Trí Độ Luận quyển 4 - Đại tạng kinh 25, trang 90a-91a Cf: No. 190 佛本行集經 (卷9) T03, p0692c.

⁴⁰ Bảy đại: đất, nước, gió, lửa, không, kiến, thức.